

Số 92

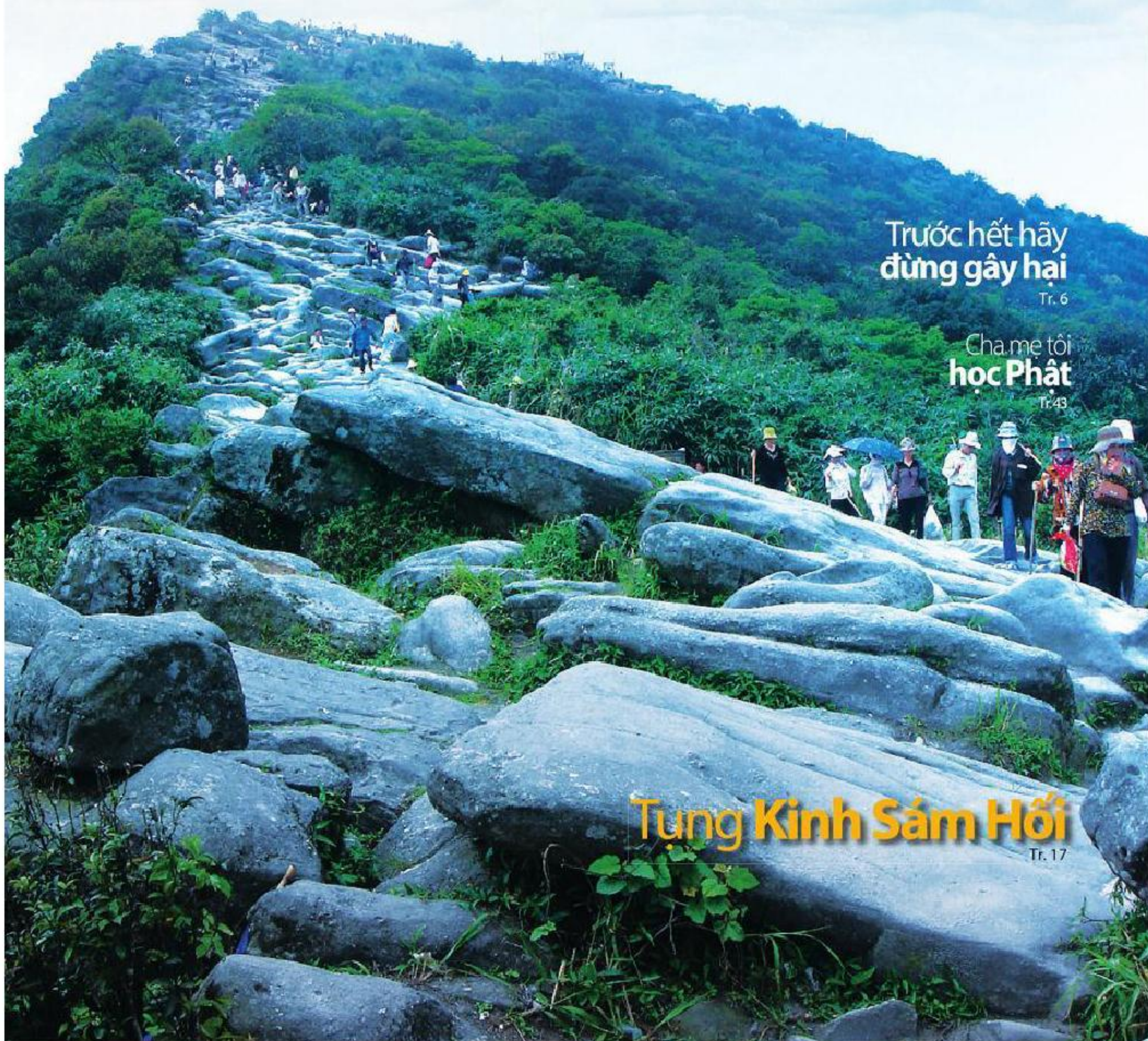
VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Trước hết hãy
đừng gây hại
Tr. 6

Cha mẹ tôi
học Phật
Tr. 43

Tụng Kinh Sám Hối
Tr. 17





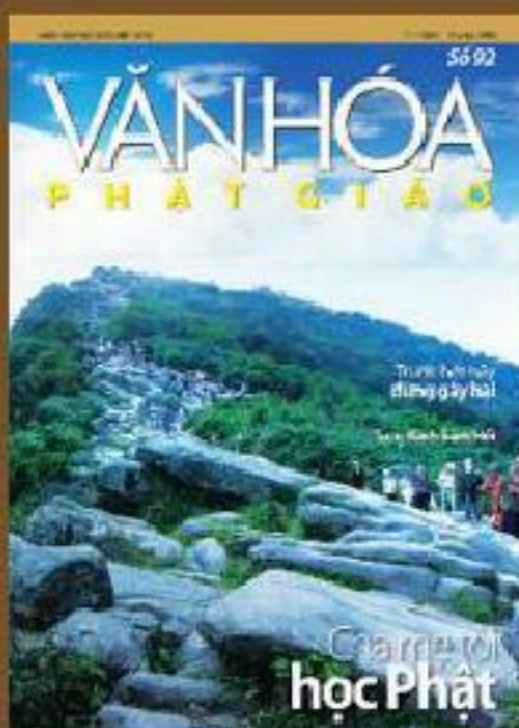
TÔN HOA SEN

HOA SEN SẢN PHẨM CỦA HOA SEN GROUP

Mái ấm gia đình Việt



Địa chỉ: Số 9, đại lộ Thống Nhất, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Văn phòng đại diện: 215-217 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, TP. HCM
Tel: (+84 650) 3790 955 - (+84 8) 3910 6910 * Fax: (+84 8) 3910 6913
Email: sales@hoasengroup.vn www.hoasengroup.vn



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cố Huệ Nghiêm, DD: 0914 063 669

Quảng cáo
Cô Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Cái sây này cái ung (Thảo Vy)	3
Sương mai	5
Trước hết hãy đừng gây hại (Stephanie Kaza, Nguyễn Văn Nhật dịch)	6
Tinh thần Đại thừa trong sự nghiệp phát triển của một quốc gia (Nguyễn Thế Đăng)	12
Đừng tích tập điều ác dù nhỏ (Quảng Châu)	15
Tụng Kinh Sám Hối (Hà Thúc Hoan)	17
Nếp sống bình dị (Tâm Thức)	20
Nhớ Sư bà Diệu Không (Thái Kim Lan)	22
Về Sóc Trăng vui lễ hội Ooc om boc (Thu Hồng)	25
Lễ cúng cô hồn trên đỉnh đèo Cả (Quách Giao)	28
Kẻ lưu đầy trên quê hương mình: Herta Muller và giải Nobel Văn chương 2009 (Nguyễn Cẩn)	30
Thắp sáng hy vọng (Minh Minh)	32
Giữa Sài Gòn xem ảnh Hà Nội xưa (Bôi Bụt)	34
Đất, trời, cà phê (Cao Huy Hóa)	38
Tây Nguyên – bão lũ (Minh Mẫn)	40
Cha mẹ tôi học Phật (Nguyễn Mạnh Hùng)	43
Đàn chim sẻ (Đặng Ngọc Trân)	45
Tảo mộ (Huệ Giáo)	47
Nhà bếp của má tôi (Huỳnh Văn)	49
Thơ	51
Truyện ngắn: Mộ gió (Trần Ngọc Hoàng)	53
Hồi ức tranh dân gian (Anh Nguyên)	56
15 ngày	60
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Xôi khúc (Hoàng Anh – Phú Xuân)	62

Bìa 1: Hành hương núi Yên Tử. Ảnh: Trần Vọng Đức.

Thư tòa soạn

Kính thưa Quý độc giả,

Hầu như trong suốt tháng Mười qua, việc cứu trợ đồng bào chịu thiệt hại vì bão lũ vẫn diễn tiến một cách tích cực, nơi thì với sự đều đặn, chỗ thì phải theo một nhịp điệu hối hả, tùy thuộc vào mức độ khẩn cấp của hoàn cảnh đồng bào.

Trong khi đó, chúng ta, những người may mắn chưa phải đối phó với thiên tai, sau khi đóng góp một ít tài vật cho những thùng lạc quyền được chia ra, lại tiếp tục cuộc sống bình thường như mọi ngày. Có thể nói hầu như không mấy ai tự kiểm điểm xem có phải chính cách sống của chúng ta đã góp phần làm cho thiên tai ngày một dồn dập như đã xảy ra chăng. Thế nhưng, những phát hiện của các nhà khoa học đã chứng tỏ rằng chính lối sống hưởng thụ của con người là thủ phạm trong việc làm cho khí hậu bị biến đổi và khiến môi sinh bị phá hủy trầm trọng.

Hơn lúc nào hết, Văn Hóa Phật Giáo cho rằng con người cần phải xem xét lại lối sống của mình dựa trên tiêu chuẩn không gây hại, một nền tảng của giáo lý Phật-đà. Con người cần dứt khoát từ bỏ quan niệm lạc hậu rằng loài người là chủ tể của vũ trụ, đã được một đấng sáng tạo nào đó ban cho quyền năng cai quản quả đất và hưởng dụng mọi tài nguyên của quả đất. Chỉ khi xuất phát từ một quan điểm tích cực như thế thì con người mới thấy có trách nhiệm đối với cuộc sống trên toàn trái đất.

Đứng trước viễn ảnh tai họa toàn cầu sẽ xảy đến ngay trong thời đại của chúng ta, nhưng với phạm vi hạn hẹp của mình, Văn Hóa Phật Giáo cũng chỉ có thể lên tiếng để gợi ý cho mọi người quan tâm đến vấn đề, cùng nghĩ đến việc vạch ra một đường hướng giải quyết trước khi quá muộn.

Đành rằng đã bao nhiêu hội nghị quốc tế về việc giảm khí thải nhà kính và tìm giải pháp cho sự biến đổi khí hậu mà vẫn không ngăn cản được tham vọng của các chính phủ muốn tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, nhưng nếu mỗi người đều tự ý thức được tai họa cận kề mà điều chỉnh lối sống của mình thì cũng có thể hạn chế phần nào tốc độ của tai họa trong lúc chờ giải pháp chung. Trên tinh thần đó, ngoài những mục thường xuyên, Văn Hóa Phật Giáo số 92 tiếp tục trình bày những gợi ý liên quan đến các giải pháp môi trường của Phật giáo, mong được sự phản hồi từ mọi độc giả.

Về kế hoạch năm 2010 của Văn Hóa Phật Giáo, trong các số báo tới, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết.

Trân trọng kính chúc quý độc giả thân tâm thường lạc.

Văn Hóa Phật Giáo



Cái sản nẩy cái ung

THẢO VY



Ngày 11/10/2009, Cơ quan đại diện tại phía Nam của Bộ Khoa học-Công nghệ đã tổ chức chương trình “Tuyên dương doanh nghiệp ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng xuất sắc” và “Top 100 sản phẩm an toàn vì sức khỏe cộng đồng”. Giấy mời do một vụ trưởng ký. Chương trình được tổ chức tại Nhà hát Lớn TP. HCM và được truyền hình trực tiếp trên VTV9 (Đài Truyền hình Việt Nam). Nhiều triệu khán giả xem trực tiếp chương trình ngày hôm đó rất ngỡ ngàng khi Vedan Việt Nam lên nhận giải thưởng “Sản phẩm chất lượng an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009”.

Như là một mode thời trang, tất cả các công ty trên thế giới đều có các tuyên bố sứ mệnh và tầm nhìn cao viễn. Ngày 18/06/2009, trong lễ “Khởi phát tinh thần doanh nhân mới” của Dự án IPL (Phát triển hạt giống lãnh đạo doanh nghiệp), ban tổ chức đề cập đến các giá trị mới của doanh nhân. Trong đó có ba giá trị nhấn mạnh đến vấn đề trách nhiệm. Giá trị Tin thực (Integrity) được giải thích là biết cách làm giàu cho bản thân mình mà không làm phương hại đến lợi ích của người khác, của xã hội. Giá trị Tôn trọng (Respect) được giải thích là tôn trọng con người, tôn trọng các nền văn hóa, tôn trọng sự khác biệt của cá nhân, đối tác, kể cả của đối thủ và tôn trọng những thành tựu mà người khác tạo ra. Giá trị Trách nhiệm (Responsibility) được

giải thích là có trách nhiệm đối với những gì mà mình làm, trách nhiệm đối với gia đình mình, đối với nhân viên của mình và đối với xã hội. Một cách tóm tắt, mẫu hình doanh nhân mới của IPL là kiếm lợi cho mình mà không hại gì cho xã hội, còn việc doanh nhân ấy có ích gì cho xã hội hay không thì vẫn chưa thấy rõ. Tuy nhiên, có được các giá trị như thế cũng đã tốt lắm rồi.

Không ngoại lệ, các mục tiêu của Vedan ở Việt Nam cũng rất cao viễn. Mở trang web của Vedan Việt Nam, mọi người có thể thấy dễ dàng mục tiêu cao đẹp “Cầm rẽ tại Việt Nam, Cùng sáng tạo tương lai”. Cầm rẽ có nghĩa là tồn tại lâu dài, còn tương lai được sáng tạo ra ắt phải là tương lai tươi sáng. Logo của Vedan (được in sau thư mời tham dự buổi lễ 11/10 như là một nhà tài trợ cho buổi lễ) bao gồm một cánh đồng cỏ xanh, tiếp giáp với bầu trời xanh thẳm, ở giữa nổi bật hai bàn tay nâng đỡ một cái cây xanh tốt. Những lời hứa hẹn lúc ban đầu của cuộc đầu tư thật là tốt đẹp.

Từ 1991, việc “cùng sáng tạo tương lai” của Vedan Việt Nam dường như chưa được thực hiện. Các hành vi của Vedan còn gây nhiều tranh cãi cho đến hôm nay. Đoàn kiểm tra Bộ Tài nguyên & Môi trường ngày 10/9/2008 và cuộc điều tra của lực lượng Cảnh sát môi trường (Cục C36) ngày 12/09/2008 phát hiện rằng Vedan Việt Nam “đã xây dựng một đường ống bí mật (có đoạn chôn ngầm dưới đất, có đoạn đi trên mặt đất) ra cầu cảng số 2, chảy vào hai

trụ bơm chìm sâu xuống sông Thị Vải (khoảng 7-8m), mở trên mặt cầu cảng một miệng xả hở bằng thép đường kính 20cm... để đổ trực tiếp nước thải thô ra sông Thị Vải". Hệ thống này được cho rằng đã được lắp đặt và vận hành từ 1994. Tại thời điểm kiểm tra, Vedan Việt Nam đang xả hàng ngàn khối nước thải đen ngòm, bốc mùi hôi thối nồng nặc trực tiếp ra sông. Cái "tương lai" mà Vedan Việt Nam hứa hẹn là "Khu vực từ cửa Cảng Thị Vải đến lưu vực Nhà máy Vedan Việt Nam, bầu không khí đậm đặc mùi hôi thối bốc lên. Ngoài việc bị viêm xoang, những người sống ven con sông này cũng bị điều đứng bởi tình trạng cá tôm nuôi bị chết phớt bụng hàng loạt..."

Giá trị Tín thực và giá trị Trách nhiệm mà IPL mong muốn tạo được không phải là dễ thực hiện. Việc làm ngược lại hai giá trị này, việc "hại người lợi mình" đã được Vedan thực hiện một cách có bài bản. Cục C36 phát hiện ra rằng hệ thống nước thải mà Vedan xây dựng chỉ là giả. Họ thiết kế một cầu dao để đóng các van xả trực tiếp nếu có đoàn kiểm tra và khi "yên ổn" họ mở cầu dao thứ hai cho nước xả ra sông. Chỉ có 8 người phụ trách điều hành các van, trong đó hai chuyên gia Đài Loan được phép trực tiếp điều hành. Vì sao Vedan Việt Nam phải làm như vậy? Có người am hiểu phân tích rằng chi phí xử lý nước thải rất lớn. Đó là lý do vì sao các xí nghiệp nước ngoài không mở tại chính quốc mà phải sang Việt Nam để hoạt động. Về quy trình, sản xuất ở Việt Nam không có gì ưu việt hơn sản xuất tại chính quốc. Các yếu tố tạo ưu thế cho việc đặt cơ sở tại Việt Nam thường được cho là do gần vùng nguyên liệu và giá nhân công rẻ. Yếu tố bảo vệ môi trường đã bị bỏ đi. Điều đó mang lại một khoản lợi nhuận khổng lồ. Không những chỉ có Vedan mà các cơ sở sản xuất khác cũng đưa trực tiếp chất thải ra môi trường mà không xử lý. Nếu xử lý nước thải đầy đủ thì giá thành sản phẩm sẽ nâng cao, việc sản xuất sẽ không đem lại nhiều lợi nhuận.

Vụ kiện tụng Vedan kéo dài suốt một năm. Ban đầu một quan chức của Tổng cục Môi trường đưa ra ý kiến: Vedan "sẽ bị thu hồi giấy phép xả thải và đình chỉ để công ty khắc phục, và nếu có cá nhân nào đó cố ý trong vụ này sẽ bị truy tố". Tuy nhiên, khi xét đến các vấn đề pháp lý thì mọi việc không dễ dàng. Ông Yang Kun Hsiang, Tổng Giám đốc Vedan Việt Nam cho rằng "có 77 xí nghiệp và khu công nghiệp cùng đổ chất thải ra sông, nhưng khi bắt quả tang Vedan lén đổ chất thải ra sông, tất cả đều tập trung lên án Vedan mà quên mất còn có nhiều thủ phạm khác âm thầm đổ chất thải ra sông" (*Lao Động*, số 107, 18/05/2009). Các chi tiết giải quyết thiệt hại cho người dân rồi như canh hẹ. Suốt 4 tiếng đồng hồ chiều 25/09/09, cuộc họp của Vedan

và 3 Hội Nông dân TP.HCM, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu chưa đi đến sự thống nhất về số tiền hỗ trợ (hay bồi thường?) cho người dân. Hội Nông dân yêu cầu hỗ trợ 569 tỉ đồng, còn Vedan cho rằng đưa ra mức 25 tỉ đồng.

Ông Yang Kun Hsiang cho rằng: "Muốn đánh giá việc công ty vi phạm bảo vệ môi trường mà dẫn tới việc bồi thường thiệt hại vẫn phải dựa trên việc xem xét, đánh giá mang tính khoa học, tính khách quan và tính tổng thể, đồng thời phải tuân thủ quy phạm pháp luật của nhà nước mới có thể đạt được kết luận" và "Công ty có thiện chí nhưng khoản tiền đưa ra quá chênh lệch với mức công ty đưa ra và không có cơ sở bởi đây là số liệu do dân tự thống kê và chưa có cơ quan chuyên môn, có thẩm quyền xác nhận, do vậy có thể xem đây không phải là thiệt hại thực tế". Tất cả những điều Vedan nêu ra đều hợp lý. Tuy nhiên, bằng cách nào có thể xác định được mức thiệt hại về thể xác và tinh thần của người dân, phân định được mức thiệt hại nào do Vedan gây ra hay do các xí nghiệp khác gây ra là điều vô cùng nan giải. Trường hợp Vedan nhắc người Việt Nam nhớ lại vụ kiện chất độc màu da cam cách đây vài năm.

Với câu chuyện rắc rối như vậy, buổi truyền hình trực tiếp ngày 11/10/09 có ý nghĩa gì? Theo các thông lệ pháp luật

thông thường, những người đang can án sẽ không được xem xét để tặng thưởng, nâng bậc, tôn vinh... Cũng vậy, vụ Vedan hiện nay cũng chưa chấm dứt. Vậy mà Vedan đã được nhận giải thưởng Danh hiệu "Sản phẩm chất lượng an toàn vì sức khỏe cộng đồng năm 2009" do Bộ Khoa học-Công nghệ phối hợp với Trung tâm Tư vấn phát triển Thương hiệu và Chất lượng TP.HCM trao tặng và được Đài Truyền hình VTV9 truyền

trực tiếp khắp cả Việt Nam. Khán giả tự đặt câu hỏi: "một sản phẩm tạo ra do một quy trình gây ô nhiễm môi trường vẫn có thể xem như có chất lượng an toàn hay sao?". Chín ngày sau, ngày 20/10/09, tin tức giải thưởng đã được đăng tải trên báo *Sài Gòn Giải Phóng*. Công việc trao tặng giải thưởng này có thể chỉ là chủ trương của một cơ quan chi nhánh của một bộ và thực hiện do các cố gắng riêng lẻ. Đó không phải là chủ trương của nhà nước.

Tuy nhiên, nông dân ven bờ sông Thị Vải của ba tỉnh thành TP.HCM, Bà Rịa-Vũng Tàu, Đồng Nai, trong đó có những người ít học làm sao có thể phân định được rõ ràng. Đối với họ, buổi lễ này đồng nghĩa với việc "Nhà nước" (theo nghĩa chung nhất) ủng hộ Vedan. Hành động của Bộ Khoa học-Công nghệ vô tình gây chia rẽ giữa chính quyền và nhân dân.

Vì thế hành vi của các cơ quan công quyền cần phải thận trọng nếu không muốn cái sây này cái ung. ■

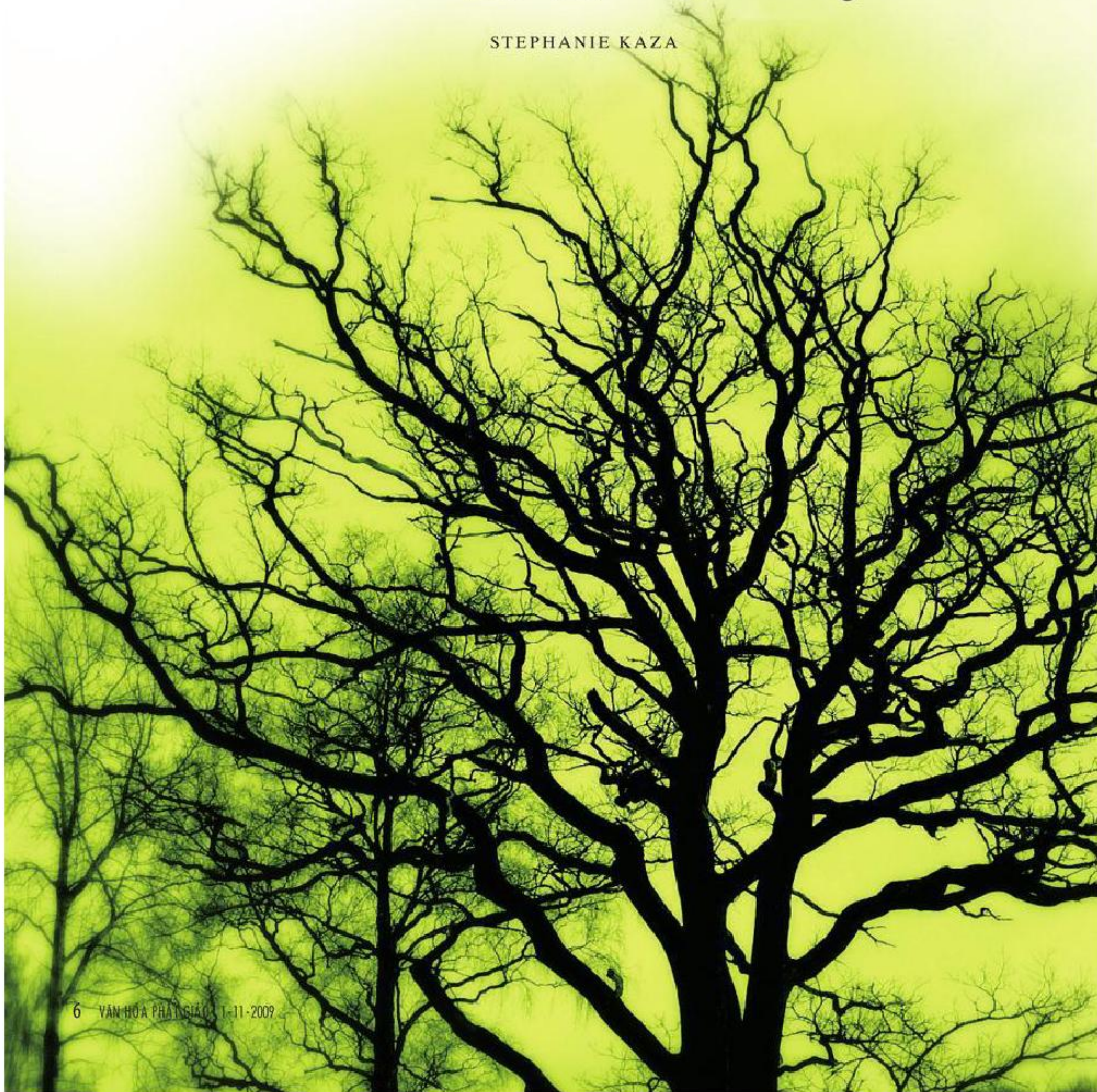


*Chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang,
người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn,
kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của họ.*

Kinh Dấu chân voi – Trung Bộ

Trước hết hãy đừng gây hại

STEPHANIE KAZA



Đôi khi người ta có cảm tưởng Phật giáo chẳng mấy liên quan đến những vấn đề về môi trường khiến người ta đặt câu hỏi, “*Phải chăng triết lý đạo Phật có thể giải quyết được vấn đề biến đổi khí hậu? Phải chăng việc thiền định có thể giúp khôi phục những loài đã tuyệt chủng?*”. Tôi đã dành nhiều thì giờ suy nghĩ về những điều này trong nỗ lực tìm kiếm cho mình một con đường trong một thế giới mà sự lạnh mạnh của hệ sinh thái đang tuột dốc. Mỗi đầu học kỳ, thế nào thì các sinh viên của tôi cũng đặt câu hỏi, “*Thế người ta có thể làm được gì bây giờ?*”. Nếu ta không có một câu trả lời thích hợp, các sinh viên sẽ không có khả năng được thúc đẩy thực hiện bất kỳ một công việc nghiêm túc nào nhằm cứu lấy hành tinh này.

Cho nên, khi được hỏi tiếp, “*Chúng ta nên bắt đầu từ đâu?*”, tôi thường hỏi ngược lại, “*Thế các bạn quan tâm đến điều gì nhất?*”. Vì lẽ những điều được quan tâm là vô tận, có thể nói chẳng ai đủ khả năng đề cập đến tất cả mọi vấn đề. Điều quan trọng là phải có được một chỗ để thực sự thành tựu được một điều gì đó, để có được một cơ sở trong các thực tại vật lý, chính trị và kinh tế của một tình thế nhất định nào đó. Vì lẽ hầu hết những công trình về môi trường đều có tính cách tiệm tiến và tích lũy, chúng ta cần nhiều động lực để bám vào cái cơ sở đó suốt quá trình điều chỉnh lâu dài. Điều được đề nghị là hãy lắng nghe những gì được mời gọi; đó chính là đường lối thích hợp để nhận diện công việc có ý nghĩa với từng người. Và có thể đó chính là việc thực hành giáo lý nhà Phật. Ở đây, tôi giới thiệu một vài đường lối dựa trên những nguyên tắc của Phật giáo có thể ứng dụng cho những công trình bảo vệ môi trường.

Có mặt với sự đau khổ

Nhìn thẳng vào tình trạng của thế giới ngày nay, ta thấy sự đau khổ - đối với cây cỏ và thú vật, đối với rừng rú và sông suối, đối với dân địa phương và các giống người bản địa - thật là to lớn. Nền nông nghiệp toàn cầu, sự trải rộng của các khu đô thị, và việc phát triển kỹ nghệ đã gây nên những thiệt hại ở quy mô lớn đối với môi sinh, sự diệt chủng ở những giống loài đặc biệt, tình trạng suy thoái nghiêm trọng đối với nguồn nước và đất

đai, và một khí hậu không ổn định. Trong suốt thế kỷ vừa qua, tốc độ của sự mất mát ấy đã gia tăng một cách đáng sợ, đến mức đe dọa sự lành mạnh của môi trường sinh thái và khả năng tiếp tục tồn tại của sự sống.

Những sự thật thiêng liêng của cuộc sống mà đạo Phật gọi là Tứ diệu đế bắt đầu bằng khổ đế, nỗi khổ dẫn xuất từ sự thay đổi và mất mát không thể nào tránh khỏi. Việc đối diện với nỗi khổ đó cùng với những ảo tưởng do nỗi khổ đó gây ra chính là nơi bắt đầu của sự thực tập theo giáo lý đạo Phật. Một thiền sư hiện đại đã nhắc nhở, “*Đừng tránh tiếp xúc với nỗi khổ bằng cách nhắm mắt trước sự khổ*”. Vị thiền sư này khuyến khích học trò của mình hiện diện với nỗi khổ để cảm nhận được bản chất của sự sống. Điều đó đòi hỏi sự kiên nhẫn và thái độ thanh thản trước những thực tại gây đau khổ - những khu rừng chỉ còn trơ gốc cổ thụ, những dòng sông một thời trong xanh trở nên đen ngòm vì chất thải hóa học, những rừng san hô tàn lụi trước lời đánh cá tận diệt. Chẳng dễ khi cứ nhìn chòng chọc vào hậu quả đáng sợ của những hành động con người như thế mà chẳng thấy gì.

Đã từ lâu chúng ta vẫn cứ cố không nghĩ đến những hệ quả đau khổ do hành động của chúng ta gây ra. Thế nhưng từ cái nhìn của người Phật tử, đó chính là chỗ lý tưởng nhất để khởi đầu, vì đó chính là việc đặt cơ sở trên thực tại, chứ không phải chỉ là một sự phóng chiếu lý tưởng hóa. Sự nhận thức hợp lý là nhận thức dựa trên kinh nghiệm trực tiếp về trạng thái thực của mọi sự vật. Tính xác thực của sự cảm nhận như vậy có tác dụng cùng lúc vừa giải phóng, vừa thúc đẩy. Việc thực tập trong sự tĩnh lặng và việc tập trung tâm trí có thể cung cấp một nền tảng tâm thức ổn định để từ đó hành giả quan sát toàn thể cái kết thúc bi thảm của tác động của con người. Có mặt với sự đau khổ của môi trường có nghĩa là sẵn lòng có mặt với những đau khổ gây nên bởi nền văn hóa có điều kiện của con người hướng tới những sinh thể không phải là con người. Chúng ta, những con người sinh trưởng ở châu Âu, được nuôi dưỡng để thấy rằng rừng rú hay sông suối chỉ là những tài nguyên tiềm ẩn. Cái quan điểm thấy con người là trung tâm chính là sự ngăn trở lớn lao nhất đối với việc hiện hữu trọn vẹn bên cạnh những sinh thể khác. Nếu chúng ta vẫn thấy thiên nhiên chỉ là những tài nguyên cho sự hưởng dụng của con người - cho dù về mặt thực phẩm, chỗ ở, giải trí hay để phát triển tâm linh - chúng ta có thể vẫn không ý thức được các vật khác chịu đau khổ đến mức nào dưới sự ngự trị của loài người.

Có mặt với sự khổ đau có nghĩa là học được những gì đang diễn ra trong một mối xung đột môi trường cho sẵn. Tứ diệu đế có thể được áp dụng như một cái khung để chẩn đoán bằng cách đặt ra bốn câu hỏi, mỗi câu hỏi tương ứng với một sự thật: Thứ nhất, vấn đề của môi trường hay nỗi khổ của môi trường hiện tại là gì? Thứ hai, điều gì gây ra nỗi khổ đó? Thứ ba, điều gì có thể làm chấm dứt nỗi khổ đó? Và thứ tư, con đường để chấm dứt nỗi khổ đó là gì?

Cách phân tích như thế có vẻ quá đơn giản, nhưng nó có thể thật sự cấp tiến nếu ta có thể kể tới tất cả những nỗi đau khổ - nỗi khổ của con người, của súc vật, của cây cỏ, của các giống loài, của môi trường sống, của toàn bộ hệ sinh thái. Phương pháp phân tích này cũng cung cấp những cảm nang trực tiếp về việc làm thế nào để có được thông tin, và do đó có nhiều khả năng để mang lại những chứng cứ cho những nỗi khổ có liên quan. Nó cũng mang lại một sự quân bình về mặt phân tích đối với cảm xúc mà chắc chắn chúng ta sẽ cảm nhận khi chúng ta thoáng thấy sự đau khổ của các sinh thể khác.

Việc rèn luyện những hệ thống tâm thức

Việc giải quyết những vấn đề về môi trường hầu như luôn luôn đòi hỏi một số hiểu biết đối với những nguyên tắc về môi trường, điều mà chúng ta có thể gọi là “tư duy theo các hệ thống”. Nguyên lý duyên sinh của Phật giáo cung cấp một nền tảng tuyệt vời cho việc tư duy theo các hệ thống. Theo nguyên lý này, mọi biến cố và các sinh thể đều tương liên và cùng tạo ra nhau. Cho nên, vũ trụ được thấy như là động lực trong mọi kích thích và quy mô của hoạt động, trong đó từng hành động tác động đến và tạo ra những hành động khác một cách luân phiên.

Chúng ta có thể làm quen với một ẩn dụ của thiền Trung Hoa được biết tới dưới thuật ngữ “lưới ngọc của vua trời Đế-thích” để biểu thị cho cái động lực của sự tương liên này. Hãy tưởng tượng một bộ lưới đánh cá gồm những đường chỉ được liên kết với nhau trải rộng vô tận đến mọi kích thước về chiều ngang và chiều dọc trong không gian vô cùng. Kế đó, đặt thêm những đường chỉ đan chéo nhau theo các đường chéo góc. Hãy tưởng tượng một con số vô tận những tấm lưới đan ngang đan dọc ấy trên từng mặt phẳng của không gian vô tận. Tại mỗi mắt lưới của từng mạng lưới, có một viên kim cương nhiều mặt phản chiếu từng viên kim cương khác trong toàn thể hệ thống lưới ấy. Chẳng có điều gì bên ngoài mạng lưới và cũng chẳng có điều gì không được phản xạ sự hiện diện của nó trong khắp hệ thống mạng lưới ấy.

Từ quan điểm môi sinh, ẩn dụ này hiển nhiên có ý nghĩa: các hệ thống sinh thái là các tập hợp những mối quan hệ có đúng sự phức tạp như thế, định hình và bị định hình trong thời gian bởi tất cả mọi thành viên của cả hệ thống. Chúng ta chẳng cần phải nghiên cứu về khoa sinh thái học mới hiểu được khái niệm ấy; chúng ta có thể quan sát về nhân quả một cách dễ dàng ở bất kỳ một hệ thống nào gắn gũi với ta – gia đình mình, nơi mình làm việc, nơi sân sau nhà mình. Chúng ta phát triển việc tư duy theo các hệ thống thông qua việc quan sát các mô hình trong không gian và thời gian, chẳng hạn như các chu kỳ về mùa trong năm hay đường đi của thú vật. Đối với một nhà môi sinh học, cách quan sát này là một công cụ thiết yếu. Đối với một công dân có hiểu biết, mô hình hay việc tư duy theo các hệ thống có thể giúp họ đặt ra những câu hỏi hữu ích trong việc nêu lên những mối

quan tâm về môi trường. Chúng ta có thể truy cứu về lịch sử của những mối xung đột, mô hình của những quyết định chính sách, những nhu cầu về kinh tế và xã hội của những người có liên quan, và những mối liên hệ với môi trường đang bị đe dọa.

Những nhà quan sát lão luyện về các hệ thống có thể giải mã những mô hình của sự phản hồi phản ánh những lực lượng tác động chủ yếu. Trời nóng quá thì con mèo tìm chỗ râm. Trời lạnh quá thì con mèo tìm đến chỗ sưởi ấm để co mình nằm ngủ. Các hệ thống bị định hình bởi những cơ chế tự điều chỉnh, chẳng hạn những cơ chế giữ cho thân nhiệt của chúng ta luôn là một hằng số, và bởi những mô hình tự tổ chức cho phép hệ thống thích ứng được với những cơ hội mới khi các cơ hội này xảy đến. Việc tự điều chỉnh – có tác dụng duy trì sự ổn định của hệ thống – và việc tự tổ chức – cho phép hệ thống tiến hóa hay học hỏi, cùng có mặt trong toàn thời gian và ở mọi cấp độ của hoạt động. Chúng ta có thể thực tập việc quan sát điều ấy trong chính thân hay tâm ta để thấy sự phản hồi có tác động ra sao. Chúng ta phản ứng thế nào với những ngày mưa? Với những ngày nắng? Khi đói? Khi ăn quá no? Khi ngủ dậy giấc? Khi mất ngủ? Chúng ta có thể suy nghĩ về những nơi nào nuôi dưỡng ta và vì sao. Đó chính là một sự thực tập đúng mực cho việc phát triển tâm thức hệ thống.

Cho đến đây, chúng ta đã thảo luận một cách khá thẳng thắn về thực tại của địa vật lý và sinh học. Nhưng luật tương liên còn gồm cả vai trò của tư duy con người và tình trạng điều kiện hóa của tâm thức. Trong triết lý Phật giáo, ý định và thái độ của tâm thức cũng có giá trị của chúng; việc con người nghĩ gì về môi trường luôn có một ảnh hưởng lớn lao về việc họ chọn lựa hành động như thế nào. Với bản lĩnh của một người biết tư duy theo hệ thống, người Phật tử có dính líu vào một cuộc tranh cãi về môi trường thường cũng sẽ truy vấn kỹ càng về con người là tác nhân gây thảm họa cùng với những thái độ của họ cũng như khi họ truy vấn về các sinh vật hoang dã và cảnh quan thiên nhiên chịu ảnh hưởng.

Điều đó dẫn tới một khía cạnh then chốt của việc tư duy theo hệ thống, đó là khía cạnh tác nhân, hay nói rõ hơn, ai thực sự đang gây nên điều gì. Điều này có nghĩa là việc xác định ai có trách nhiệm về những quyết định hay các hành động có tác hại đến hành tinh và cộng đồng nhân loại. Nó cũng có nghĩa là việc dò theo chuỗi nhân quả để lần ngược tới những kẻ đã gây nên những tai hại về môi trường và những kẻ ở địa vị phải thay đổi đường hướng hành động của họ. Cái thế giới thật của “lưới ngọc của vua trời Đế Thích” thực ra không được cấu tạo bởi các tác nhân đồng đẳng. Rõ ràng, có những tác nhân có trọng lượng hơn những tác nhân khác, chẳng hạn, Chính phủ Hoa Kỳ hiện tại. Việc nhận diện những tác nhân chính và những quyết định chính sách quan trọng là điều sống còn trong việc chọn lựa những chiến lược thích ứng có thể chuyển hướng hệ thống nhằm tới những mục tiêu lành mạnh.

Nhà sinh vật học Hoa Kỳ nổi tiếng, Liberty Hyde Bailey, đã phát biểu từ đầu thế kỷ trước rằng, “Cuộc sống hạnh phúc nhất (là cuộc sống) có sự tiếp xúc nhiều nhất với thế giới tự nhiên; cuộc sống ấy cũng có cảm xúc sâu sắc nhất, lòng cảm thông sâu xa nhất với mọi sự vật hiện hữu”. Ông đã mô tả kinh nghiệm của một người có tư duy hệ thống và giàu cảm xúc, một người biết đưa nhận thức vào những mối quan hệ hằng ngày với mọi sự vật. Một người Phật tử có thể cảm nhận được điều đó như là một sự hiểu biết sâu sắc về luật duyên khởi. Chúng ta có thể cho rằng nhận thức như vậy thực ra vốn có sẵn nơi mọi con người và là nền tảng để thực hiện có hiệu quả mọi công trình bảo vệ môi trường. Nếu chúng ta hiểu biết về hình dạng của những dòng sông và những ngọn núi ở địa phương, nếu chúng ta gặp những người sản xuất ra lương thực cung cấp cho chúng ta, nếu chúng ta mong muốn đóng góp vào việc làm cho thế giới trở thành nơi đáng sống hơn, chúng ta có thể tự nhận ra rằng chúng ta không chỉ là những người đang bị định hình trong mạng lưới ngọc của vua trời Đế Thích, mà còn là người đóng góp vào việc định nên những hình ảnh trong mạng lưới ngọc ấy.

Chọn lấy con đường Không Gây Hại

Không gây hại chính là nguyên lý căn bản của nền đạo đức Phật giáo. Giới đức đầu tiên này thể hiện tất cả những cam kết về đạo đức khác. Vì hiểu rõ cuộc đời chịu tác động của sự đau khổ sâu sắc tới mức nào nên người Phật tử hướng tới việc không gây thêm đau khổ và cố làm giảm sự đau khổ ở bất kỳ nơi nào có thể làm được; nói khác hơn, người Phật tử cố gắng giảm thiểu việc gây nên các họa hại. Trong ý nghĩa sâu xa nhất của nó, việc không gây hại hàm ý sự vắng mặt mọi đe dọa giết chết hoặc làm hại. Một phản ứng từ ái như vậy được cho rằng tự nhiên xuất hiện từ một cảm nhận về một mối liên kết rộng lớn hướng đến mọi sự vật đang hiện hữu.

Nguyên tắc chỉ đạo này không hẳn là một lý tưởng không thể đạt tới được mà đúng hơn là một thứ phong vũ biểu dùng để đo lường các chọn lựa về phương cách hành động. Chúng ta có thể tin tưởng rằng nguyên tắc này được áp dụng như một nguyên lý hướng dẫn những quyết định về môi trường. Có thể thấy Đạo luật Bảo vệ Môi trường Quốc gia Hoa Kỳ đã được soạn thảo theo ý hướng này. Những tuyên bố về tác hại môi trường đã được ủy thác để lượng định mức độ tác hại mà một dự án liên bang sẽ gây ra đồng thời để nghị những biện pháp xoa dịu để giảm bớt mức độ tác hại. Việc giảm nhẹ tác hại về môi trường có thể có nghĩa là việc thay đổi các phương pháp canh tác hay thu hoạch, hoặc cũng có thể là việc dự liệu những biện pháp bảo vệ đối với những chủng loại đang gần bờ vực tuyệt chủng.

Việc thực hành nguyên tắc không gây hại đã được lý tưởng hóa trong hình mẫu vị Bồ-tát của giáo lý Đại thừa, một bậc đã giác ngộ nhưng tình nguyện trở lại trong cuộc đời với mục đích cứu độ các chúng sinh đang đau khổ.

Hạnh nguyện của Bồ-tát trùm khắp mọi sinh linh, đòi hỏi lòng từ bi vô lượng. Người Phật tử phục vụ công tác môi trường đã đặt ra thuật ngữ “Bồ-tát môi trường” để gợi lên hình ảnh một vị Bồ-tát đã nguyện hết lòng phục vụ cho việc chấm dứt mọi tác hại môi trường. Các vị Bồ-tát môi trường có thể đảm nhận hạnh nguyện của mình trong bất kỳ lãnh vực môi trường nào có liên quan như trong vấn đề nông nghiệp, sự ô nhiễm nguồn nước, việc ổn định khí hậu, việc bảo vệ động vật hoang dã... Cơ hội là vô tận. Công việc của họ mang sức mạnh của nguyện lực Bồ-tát, nguyện giúp mọi sinh linh đang đau khổ. Một nguyện lực như vậy được coi là một điểm quy chiếu có thể làm dịu những bản khoăn thông thường của chúng ta trong lúc sốt ruột theo đuổi những kết quả trước mắt. Quả thật, nhiều vấn đề môi trường thường không thể được theo dõi một cách suôn sẻ và đòi hỏi cả đời người, đôi khi liên tiếp nhiều thế hệ, mới thấy được sự chuyển hướng. Một ý hướng bền vững thường mang lại một cơ sở chắc chắn giữa những điều có thể là một cuộc tranh đấu lâu dài cho sự ổn định môi trường.

Lương thực và năng lượng là hai lãnh vực gây ra nhiều tranh luận về việc làm giảm tác hại môi trường. Những hồ sơ chi tiết về tác hại gây ra cho súc vật, công nhân và đất đai trong kỹ nghệ súc sản hiện đại đã được biết đến một cách rộng rãi. Tương tự, nền kỹ nghệ nông nghiệp hiện đại cũng đã bị phơi bày là tác nhân gây hại cho sức khỏe con người và hủy hoại đất đai vì những hóa chất mà ngành này vẫn sử dụng. Nhiều người đang chọn lựa những nguyên tắc đạo đức trong việc chi tiêu thụ những thực phẩm không gây hại cho súc vật, cây cỏ, đất đai và chính cơ thể con người. Đối với một số người, đó là việc sử dụng các thực phẩm được sản xuất bằng các phương pháp cổ truyền, những thức được nuôi trồng bởi các nông dân ở địa phương, nhờ đó giảm được việc tiêu thụ nhiên liệu dùng cho việc vận chuyển đường dài. Đối với những người khác, đó là việc chọn lựa những sản phẩm của hoạt động thương mại ngay thẳng làm giảm các khoản thuế đánh trên công nhân nông nghiệp và nhà sản xuất trong một hệ thống cạnh tranh toàn cầu. Một số người làm giảm tính cách vô danh cô độc của việc mua thực phẩm bằng cách tham gia vào những hợp tác xã thực phẩm nông nghiệp do cộng đồng địa phương hỗ trợ.

Cũng có một mối quan tâm sâu sắc về việc lựa chọn nguồn năng lượng cho tương lai. Chúng ta vẫn được cảnh báo rằng con người sẽ chứng kiến sự cạn kiệt nguồn dầu mỏ ngay trong đời mình và vì thế những nguồn năng lượng thay thế cần được phát triển càng sớm càng tốt. Loại nhiên liệu diesel sinh học được ưa chuộng vì nó mang lại một biện pháp tái sử dụng các loại dầu thực vật. Năng lượng gió và năng lượng mặt trời đều tương đối mang lại ít tác hại cho môi trường, nhất là nếu so sánh với than và dầu mỏ. Nhiều người mong muốn có một chiếc xe sử dụng loại năng lượng lai tạp giữa điện và dầu mỏ vì nó sẽ giúp họ bớt lệ thuộc vào dầu mỏ. Mặc dù “không gây hại”

chưa phải là từ khóa của cuộc tranh luận về vấn đề năng lượng, chiều hướng có vẻ đã rõ: tại sao phải gây thêm tác hại cho môi trường? Phải chăng môi trường chưa bị làm hại đến mức? Những tai họa như vụ nổ lò hạt nhân ở Chernobyl hay vụ rò rỉ dầu bởi con tàu Exxon Valdez chưa đủ hay sao? Việc thoát ra khỏi mạng lưới có thể được coi là một lý tưởng về đạo đức, một phương cách để làm mờ đi dấu chân [đã dẫm nát] môi trường của chúng ta và trở thành một người hàng xóm thân thiện hơn đối với phần còn lại của thế giới.

Giành lấy hòa bình

Trong tác phẩm mới *Giành lấy hòa bình* của mình, nhà lãnh đạo được quốc tế công nhận về mặt thương thảo các xung đột William Ury đã vạch ra một số những nguyên tắc về việc tìm kiếm giải pháp có hiệu quả trong việc ổn định những xung đột chính trị ở mọi cấp độ. Có vẻ như công trình của ông ta về việc “giành lấy hòa bình” cũng áp dụng được cho các vấn đề môi trường, thường liên quan đến những xung đột giữa các bên khác nhau có những quan điểm khác biệt. Một số người đã nói đến việc chúng ta đang chiến đấu cho một Cuộc Thế Chiến Thứ Ba – không phải là cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa khủng bố mà chính là cuộc tấn công vào những điều làm phương hại môi trường. Thuốc trừ sâu, chất thải hạt nhân, chất độc hóa học, việc khai thác trắng các khu rừng – tất cả những điều đó và nhiều việc khác nữa đang trực tiếp tấn công vào sự sống thuộc mọi hình thức trên trái đất.

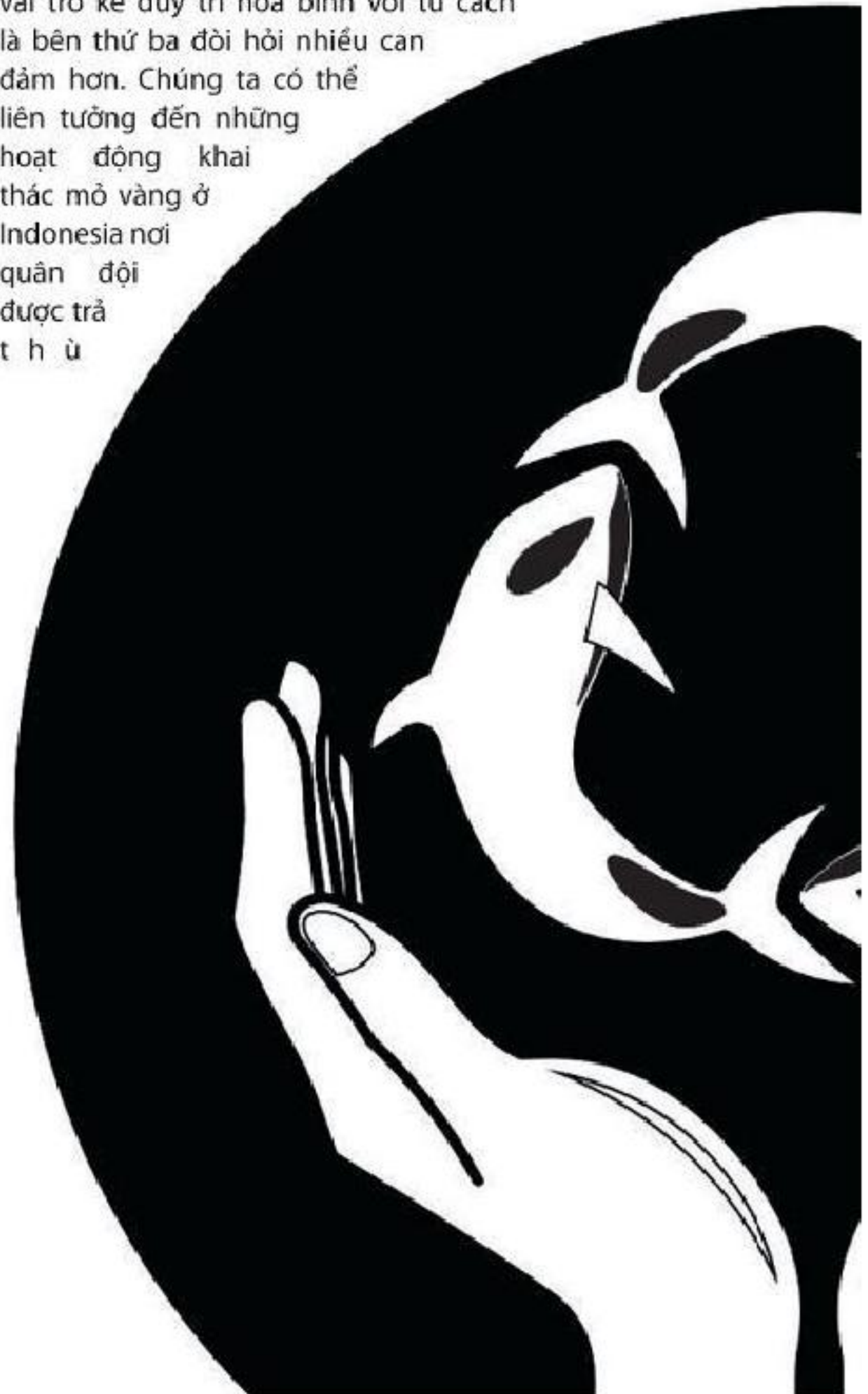
Trong tác phẩm của mình, Ury đặt để một vai trò cho cái điều mà ông ta gọi là “bên thứ ba”, một bên đứng ngoài cuộc xung đột trực tiếp nhưng lại có quyền lợi dính líu tới một kết quả hòa bình. Điều này gợi nên một vai trò hữu ích của giới Phật tử quan tâm tới vấn đề môi trường. Bên thứ ba có thể làm rõ những khác biệt, cung cấp sự bảo vệ cho những bên bị đe dọa, và thực hiện việc giáo dục khi kiến thức là điều cần thiết. Một số người có sự miễn cảm của nhà Phật có thể tìm đến sự thực hành mà chúng ta đã nêu ở trên – hiện diện với sự khổ đau, tự rèn luyện một tinh thần tư duy có hệ thống, thực hành hạnh không gây hại – để giúp cho việc ổn định mọi cuộc xung đột đang diễn ra. Bên thứ ba đóng một vai trò tích cực, tham gia vào việc giải quyết cuộc xung đột nhưng không có thiên kiến. Ury có mô tả mười vai trò đặc biệt của bên thứ ba, tất cả những vai trò ấy đều có thể áp dụng cho các hoàn cảnh liên quan tới môi trường. Ba trong số những vai trò đó sẽ được làm rõ vì đặc biệt thích hợp với đường lối Phật giáo.

Người trung gian hòa giải hoạt động để ngăn chặn cuộc xung đột bằng cách tăng cường những mối quan hệ lỏng lẻo giữa con người và giữa những mạng lưới sinh thái. Thông thường những vấn đề về môi trường nảy sinh từ những xung đột giữa các người sử dụng cùng một nguồn tài nguyên hay một khu vực đất đai. Những cuộc thảo luận bàn tròn mang các bên xung đột đến gần nhau có thể giúp phối hợp và điều hòa những hoạt động của

các người sử dụng. Đường lối này đã từng được áp dụng một cách có hiệu quả, chẳng hạn, trong những cuộc xung đột liên quan đến việc sử dụng về phương diện tâm linh những vùng đất đai công cộng bởi những người bản địa châu Mỹ ở Hoa Kỳ.

Khi cuộc xung đột đã leo thang và các mối quan hệ đã bị phương hại, một người có quan điểm Phật giáo có thể được lôi kéo vào để đóng vai trò của người hàn gắn. Một bên thứ ba có một cam kết về việc hành động dựa trên lòng từ ái có thể là một tài sản quý giá trong việc thúc đẩy một tình thế tiến đến một giải pháp. Một hành giả Phật giáo có tài năng và có tư duy dựa trên nguyên lý duyên khởi có thể phân tích những nguyên nhân và điều kiện của vụ xung đột để tác động đến việc hàn gắn những đổ vỡ và họa hại. Điều đó có thể đòi hỏi khả năng ngoại giao, lòng can đảm, và tính nhẫn nại, tùy thuộc vào mức độ thương tổn. Chúng ta có thể tưởng tượng việc mang vai trò người hàn gắn ấy đến cho chính cộng đồng nơi ta sinh sống khi người dân giận dữ vì những con mèo chuyên bắt trộm gia cầm hay việc phun hóa chất trong khu vực. Người hàn gắn giúp các bên đang tranh chấp hiểu rõ lập trường của nhau và tìm ra một giải pháp tốt đẹp hơn trong tầm tay.

Khi cuộc xung đột về môi trường đã trở nên sâu sắc và một giải pháp không nằm trong tầm tay, việc đóng vai trò kẻ duy trì hòa bình với tư cách là bên thứ ba đòi hỏi nhiều can đảm hơn. Chúng ta có thể liên tưởng đến những hoạt động khai thác mỏ vàng ở Indonesia nơi quân đội được trả thù



lao hậu hĩ bởi các công ty khai khoáng để chuyển hướng những tranh chấp địa phương. Lịch sử những cuộc tấn công vào vùng đất và vào dân chúng sống trong vùng đất ấy đã bị ghi khắc một cách sâu đậm đến nỗi vấn đề trở nên khó giải quyết. Ở đây, một hành giả Phật giáo có thể đáp ứng trong vai trò của một nhân chứng, làm cho công chúng nhận thức được điều gì đã xảy ra cho cây cỏ và súc vật trong quá trình diễn ra vụ tấn công. Việc gây chú ý đến vấn đề sẽ làm nổi bật hành vi gây hại, điều có thể tạo ra áp lực công chúng để đòi hỏi một sự thay đổi. Đường lối Phật giáo không hẳn là có hiệu quả hơn một đường lối khác, nhưng nó có thể mang lại ít chống đối hơn đối với tình thế. Thay vì đẩy mạnh sự phản cực trước một tình thế đã sẵn căng thẳng, hành giả Phật giáo có thể hành động với lòng từ đối với tất cả các bên có liên quan, đưa ra lời chứng mà không kết án, trình bày sự thật mà không kết tội.

Để đảm nhận những công trình bảo vệ môi trường có tính cách thách thức đến như vậy, điều thiết yếu là mình phải nghĩ mình là một thành phần chủ động trong lưới ngọc của vua trời Đế Thích. Đó chính là một yếu tố quan trọng của mọi nỗ lực duy trì hòa bình. Một vị thiên sư hiện đại đã nói tới điều đó như là việc “gieo những mầm tươi vui và an bình”. Chúng ta chủ động chọn lựa chấp

nhận một công trình bảo vệ môi trường với một ý hướng cụ thể và một tâm thức vui vẻ. Việc tiếp xúc một cách tươi mát với thiên nhiên hoặc việc thực tập thiền định một cách tĩnh lặng đều có

tác dụng làm mới tâm thức của chúng ta và thiết lập một điểm quy chiếu nội tại của niềm vui hoàn toàn độc lập với những biến đổi của hoàn cảnh. Với một ý hướng ổn định như thế, một nhà môi sinh có lập trường tâm linh có thể được chuẩn bị cho một cuộc điều chỉnh lâu dài. Theo truyền thống cổ điển của kệ trường hàng, hoặc có thể gọi là thơ thiền, vị thiên sư Robert Aitken thiết lập mô hình cho một ý hướng như thế:

*Khi nghe tiếng dế trong đêm
Tôi nguyện trước mọi sinh thể
Tìm cho mình một chỗ trọ
Hài hòa với những con dế
Đang vui với những vì sao.*

Nếu ta cũng nêu lên cho chính mình một lời nguyện về ý hướng như vậy, điều đó có thể là một sức mạnh thực tế của sự làm mới vũ trụ, mở ra những khả năng cho các quan hệ hòa bình.

Đức Đạt-lai Lạt-ma cổ võ một chính sách nhân hậu bất kể tình thế rối ren đến mức nào. Đó chính là việc thực hành Phật pháp, việc chấp nhận những thách thức hàng ngày của việc hòa giải với môi trường. Một chính sách nhân hậu đối với cây cỏ, muông thú, sông suối, núi rừng, bầu trời... có nghĩa là việc chú tâm một cách thích đáng đến mọi mối quan hệ tạo thành tấm lưới ngọc của vua trời Đế Thích. Như Đức Đạt-lai Lạt-ma phát biểu, “Khi nói đến việc bảo tồn môi sinh, chúng ta đã liên kết nó với nhiều điều khác nữa. Cuối cùng, mọi quyết định phải dẫn xuất từ một tấm lòng nhân hậu. Điểm then chốt là có một cảm nhận thành thật về nghĩa vụ phổ quát, dựa trên tình yêu và lòng từ, cùng với một nhận thức rõ ràng”.

Dấn thân vào những vấn đề môi trường chẳng phải là một việc dễ dàng. Nhưng nếu chúng ta làm việc với những nguyên lý của Phật giáo như trên – có mặt với sự đau khổ, tự rèn luyện một sự tư duy có hệ thống, giảm bớt việc gây hại, và tạo lập hòa bình – công việc có vẻ như có nhiều khả năng thành công hơn.

Chúng ta không hề cho rằng cần giải quyết vấn đề bảo vệ khí hậu hay giảm bớt chất thải. Chúng ta cũng không bao giờ cho rằng nguyên nhân của sự ô nhiễm môi trường sống là vì có sự tăng dân số hay vì chủ nghĩa tiêu thụ. Có quá nhiều tài liệu chỉ chấp nhận những vấn đề như thế. Điều mà chúng ta mong muốn là mọi người làm việc ở mọi cấp độ, dù là một công dân bình thường hay một nhà chuyên môn, dù là phụ huynh hay học sinh, đều có thể chấp nhận những đường lối giải quyết của Phật giáo và đưa các đường lối ấy vào sự sử dụng thích hợp. Đức Phật cảm thấy rằng việc kiểm chứng đích thực đối với giáo pháp của Ngài nằm ở chỗ giáo pháp ấy có thực sự hữu dụng trong cuộc sống hàng ngày hay không. Những gì mà chúng ta bàn tới ở đây là cốt lõi của quan điểm môi trường của tôi, tôi hy vọng rằng những điều ấy có thể hữu dụng cho chúng ta trong bất kỳ lĩnh vực nào mà chúng ta, con người phục vụ, sẵn sàng chấp nhận.

Nguyễn Văn Nhật dịch



Tinh thần Đại thừa

trong sự phát triển của một quốc gia

NGUYỄN THẾ DĂNG



Tinh thần Đại thừa là mong muốn người khác được hạnh phúc và làm việc cho hạnh phúc của những người khác, cho sự phát triển thân tâm của người khác, cho sự phát triển vật chất và tinh thần của người khác; cho đến khi họ đạt đến cùng đích của việc làm người là sự hoàn thiện rốt ráo của con người.

Lòng mong muốn người khác được hạnh phúc và tinh thần sẵn sàng làm việc cho sự tốt đẹp của người khác chứa đựng một động lực căn bản có các thành phần là tình thương đối với người khác (từ bi), sự hăng hái lạc quan vì hạnh phúc của người khác (hỷ), và sự buông xả về phần mình, ý thức chia sẻ đặt cơ sở trên sự bình đẳng giữa mình và người (xả).

Làm cho mình và người khác tốt hơn, đẹp hơn, đúng hơn, và do đó hạnh phúc hơn, chính là hướng đi chung của nhân loại. Đó cũng là điều mà chúng ta gọi là tính người, hoặc, nói theo thuật ngữ Phật giáo, là Bồ đề tâm. Nhưng mọi người thường hay quên điều đó, quên sứ mạng làm người của mình, cả khi ở một mình cũng như khi trong gia đình và trong xã hội.

Tinh thần 'vì sự tiến bộ của người khác' này là hướng tiến bộ chung của nhân loại, sự chia sẻ đồng cảm của nhân loại. Chúng ta thấy ngay tinh thần đó là lý do tồn tại của mọi lĩnh vực xã hội; nó định hướng mục đích của mọi hoạt động, đồng thời tạo nên sự hài hòa trong các lĩnh vực ấy: chính

trị, kinh tế, y học, văn học nghệ thuật, giáo dục... Tinh thần này là bản năng cần hoàn thiện của mỗi con người.

Dĩ nhiên, một người xác lập mong muốn người khác được hạnh phúc và làm việc vì hạnh phúc của những người khác thì người đó đã và đang có hạnh phúc. Và một xã hội có nhiều người như thế, một xã hội sống trong một tinh thần mạnh mẽ lạc quan như thế, xã hội đó phải là một xã hội tốt đẹp, đúng hướng và hạnh phúc. Một xã hội chia sẻ với nhau, chung sức với nhau để thực hiện một mong muốn, một việc làm tốt đẹp nhất mà con người có thể có trên cõi đời này, được Phật giáo gọi là một Tịnh độ ngay trong thế giới này.

Chính vì cùng một mong muốn, một hành động – dù mỗi người làm việc trong lĩnh vực riêng, nghề nghiệp riêng của mình, cùng một tôn trọng con người và vì con người, mà xã hội có một sự đồng thuận tự nhiên, một thái độ cạnh tranh trong hòa hợp, một tinh thần đoàn kết tự nhiên. Chính từ một ý chí, một mong muốn, một việc làm thống nhất đó mà nảy sinh ra mọi điều tốt đẹp khác. Tất cả mọi sức mạnh tích cực, mọi cái tốt, cái đúng, cái đẹp của con người đều được phát huy. Khi những cái tích cực được phát huy thì những cái tiêu cực lần lần tiêu tan mất. Tinh thần vì hạnh phúc chung này phải được thực hành trong mọi lúc để chuyển hóa cá nhân và xã hội. Mỗi người cần phải tự hỏi: hành động này (thân), lời nói này (khẩu), ý nghĩ này (ý) phải chăng lợi mình mà hại người, hay chỉ lợi cho mình mà không (hoặc chưa, hoặc ít) hại đến người, hay lợi cho cả mình lẫn người? Giá trị chung của nhân loại được đánh giá theo những cấp độ như vậy.

Đặt trong một mong muốn và một việc làm rộng lớn vì sự tốt đẹp của người khác thì mọi khả năng tốt đẹp của từng cá nhân đều được rộng lớn theo. Trí huệ và tình thương mà chỉ vì tôi thì trí huệ và tình thương đó phải rất nhỏ. Còn trí huệ và tình thương vì nhiều người thì phải lớn. Như vậy, chính là trong xã hội và thông qua xã hội mà những phẩm tính tốt đẹp của một con người được phát huy.

Chẳng hạn như hành vi bố thí mà bây giờ chúng ta gọi là làm từ thiện. Chúng ta không chỉ đợi bão lụt mới đi cứu trợ. Chúng ta phải ngăn ngừa không cho lụt lớn, xả nước trong đập trước khi bão đến, trồng cây đầu nguồn



từ nhiều năm trước. Chúng ta không chờ tai nạn đến mới lo tìm cách giúp đỡ. Chúng ta làm từ thiện trong mọi lúc. Có chức vụ cao trong công ty, chúng ta làm từ thiện bằng cách nâng đời sống vật chất và tinh thần công nhân lên, xem nhà ăn tập thể, phòng tắm phòng vệ sinh, việc giải trí và học tập làm sao tốt hơn. Chúng ta làm từ thiện bằng cách không tiêu xài hoang phí. Chúng ta làm từ thiện với cả cây cối, thiên nhiên, nếu xe thải nhiều khói phải thay ống bô. Chúng ta làm từ thiện bằng cách tắt bớt điện không cần thiết, từ thiện với nước ở trên nguồn. Chúng ta làm từ thiện ngay trong căn nhà của chúng ta, quét dọn sạch sẽ, giáo dục con cái... Nghĩa là chúng ta có thể làm từ thiện bất cứ lúc nào, bất cứ chỗ nào. Chính vì tính liên tục này mà bố thí (làm từ thiện) được gọi là bố thí Ba-la-mật. Ba-la-mật để chỉ sự trọn vẹn, hoàn hảo trong thời gian và không gian. Hãy thử sống một ngày trong tinh thần bố thí ấy, tinh thần từ thiện ấy, chúng ta sẽ thấy ngày ấy hạnh phúc như thế nào, tâm ta mở rộng như thế nào.

Chẳng hạn sự bình đẳng. Luật pháp thường cố gắng tạo ra sự bình đẳng cho mọi người trong xã hội. Nhưng nếu không có tinh thần bình đẳng trong tâm, thì chúng ta dễ dàng dùng chính luật pháp để tạo ra ưu thế, quyền lợi cho mình trước những người khác để xã hội không thể

bình đẳng. Chúng ta sẵn sàng dùng ưu thế thông minh tính toán của mình, ưu thế vốn liếng của mình, ưu thế gia đình bà con của mình để tạo ra nhiều bất bình đẳng trong xã hội. Nếu có tinh thần từ thiện, tinh thần vì người khác, tinh thần bình đẳng – ai cũng mong muốn hạnh phúc, ai cũng cần đưa thân tâm mình đến hạnh phúc tối hậu – chúng ta sẽ không làm cho hố sâu ngăn cách giàu nghèo, học nhiều học ít, tài trí cao hay tài trí thấp... càng thêm sâu sắc, khiến xã hội chỉ là những vực thẳm không thể lấp đầy.

Chẳng hạn tính lạc quan yêu đời. Nếu trong một xã hội mà mọi người đều là đối thủ cạnh tranh của nhau, ai cũng lo giành giật phần to nhất cho mình (thay vì cùng làm cho cái bánh to ra thì phần mình cũng tự động to ra), ai cũng muốn đạp người khác xuống để mình leo lên, thì dù bề ngoài có vẻ trật tự, xã hội đó vẫn là một xã hội nghi kỵ, phân tán vì không có điều gì để thống nhất, tự động làm hao tán những nguồn năng lượng của chính xã hội đó. Trái lại, một xã hội có chung một mong muốn, có chung một mục đích, có chung một hành động, có chung một sức sống thì đó là một xã hội lạc quan, vui sống và yêu đời.

Quyền lợi tối thượng của một con người chính là tiềm năng tự hoàn thiện vô hạn trong mọi mặt của nó, tiềm

năng chân hóa, thiện hóa, mỹ hóa cả thân tâm lẫn thế giới trong đó nó đang sống. Nói theo Phật giáo, quyền lợi và bốn phần tối thượng của một người chính là Phật tánh đang tiềm ẩn trong nó. Đó cũng là mục đích tối hậu, ý nghĩa tối hậu của lịch sử một con người. Thế nên chính vì quyền lợi tối thượng đó, không chỉ của một người mà của tất cả mọi người, người ta có thể dằn xé, thỏa hiệp, đến mức hy sinh những quyền lợi vật chất tạm thời và nhỏ mọn của mình. **Nhìn thấy ý nghĩa tiến hóa đích thực của con người, chúng ta sẽ không sống vì riêng chúng ta nữa, mà chúng ta sống vì mọi người, vì sự vinh quang tối hậu của mỗi con người, vì công cuộc phát triển, tiến hóa của mọi người, vì viễn cảnh hoàn thiện tốt đẹp của mọi người.**

Ở đời ai cũng có tham vọng, ai cũng thấy sự hiện hữu của mình là quan trọng nhất. Nhưng nếu mọi tham vọng cá nhân đó được đặt vào một tham vọng chung, lớn nhất, cao nhất, đúng nhất, tốt đẹp nhất, là tham vọng vì hạnh phúc lâu dài của nhiều người, thì mọi tham vọng của mọi cá nhân sẽ hài hòa trong tham vọng lớn nhất của tất cả nhân loại là Bồ đề tâm. Như biển cả có thể dung chứa mọi dòng sông dơ sạch. Những mâu thuẫn cá nhân, những mâu thuẫn của mọi lĩnh vực xã hội chỉ có thể hài hòa chung sống trong một không gian rộng lớn nhất và cao nhất: Bồ đề tâm. Đây không phải là chuyện không tưởng: hàng mấy ngàn năm của lịch sử nhân loại đã chứng minh là nó vẫn tiến theo chiều hướng đó, mặc cho bao cản trở, bao đổ vỡ hư hỏng. Vấn đề duy nhất là chúng ta có can đảm để thực hiện nó hay không, có can đảm đảm đương trách nhiệm và quyền lợi cao cả nhất của cuộc sống làm người của mình hay không.

Từ ngày có xã hội, có ai có suy nghĩ mà không mong một xã hội phát triển và hài hòa? Những Khổng Tử, Platon, Aristote... chỉ là những đại biểu nổi bật cho lòng mong muốn ấy trong lịch sử, và cho đến ngày nay vẫn thế. Nhưng xã hội chỉ phát triển hài hòa trong một nguyện vọng chung, ý chí chung hành động chung vì một quyền lợi chung bao la và siêu việt nhất. Đó là cái chung của công cuộc phát triển, tiến hóa đến Chân Thiện Mỹ của con người mà mọi người đều chia sẻ. Đó không phải chỉ là cái chung trong một quốc gia, mà là cái chung cho mọi quốc gia, nghĩa là cho hòa bình của thế giới.

Chúng ta hãy lấy một thí dụ cụ thể là Nhật Bản, trong chỉ vài điều sơ lược.

Hiến pháp đầu tiên của Nhật Bản do Thái tử Thánh Đức (Shotoku, 574-622) soạn thảo, gồm 17 điều, căn cứ vào kinh Đại thừa *Diệu Pháp Liên Hoa*. Các đại sư khai sáng các tông phái Phật giáo Nhật Bản đều nỗ lực 'xã hội hóa' Phật giáo, đưa Đạo hòa nhập với đời, như Nhật Liên (1222-1282), sơ tổ của Soka Gakkai hiện tại; Đạo Nguyên (1200-1253), tông Tào Động Nhật Bản; Pháp Nhiên (1133-1212) và Thân Loan (1173-?), Tịnh Độ Chân tông; Hoàng Pháp (thế kỷ 9) của Mật giáo với chùa Giáo Vương Hộ Quốc; Vĩnh Tây (thế kỷ 12) tông Lâm Tế với Hưng Thiển Hộ Quốc Luận...

Phật giáo đã ảnh hưởng và thâm nhập toàn bộ các lĩnh vực xã hội Nhật, từ ngôn ngữ, văn học, đến chính trị, kinh tế. Ngày nay, Phật giáo đã hòa lẫn vào trong đời sống dân Nhật, thành thử rất khó thấy. Cựu Thủ tướng Nhật Fukuda đã nói vào năm 2007: "Việt Nam và Nhật Bản có những căn bản văn hóa giống nhau, đó là cùng ăn cơm bằng đũa và cùng chịu ảnh hưởng của Đại thừa". Cho đến những năm 70 thế kỷ 20, công đầu trong việc truyền bá Phật giáo qua Tây phương, đặc biệt ở Hoa Kỳ, thuộc về người Nhật.

Chúng ta có thể thấy tinh thần Phật giáo Đại thừa vẫn bàng bạc trong xã hội Nhật hiện đại. Chẳng hạn xe hơi Nhật: đẹp một cách tinh gọn, giản dị, tiết kiệm xăng. Đó là tinh thần Nhật Bản, và tinh thần đó chịu ảnh hưởng của thế giới quan Phật giáo. Chẳng hạn một câu chuyện về Masushita KonoSuke, người sáng lập hãng National Panasonic, một công ty toàn cầu chuyên sản xuất vật dụng trong nhà, đặc biệt là trong bếp. Sau mấy mươi năm làm việc, đưa National lên hàng công ty đứng thứ 10 trong 100 công ty lớn nhất thế giới, ông mới nói trong một cuộc phỏng vấn, đại ý: Ông sáng lập công ty để giải phóng cho phụ nữ Nhật, có lẽ cho phụ nữ toàn thế giới, vì ông thấy người phụ nữ mất cả một phần lớn cuộc đời lui cui trong bếp. Tạo ra cho họ những đồ dùng tiện lợi để họ khỏi mất phần lớn cuộc đời vào việc nấu nướng, với khói, nóng và những cái hại cho sức khỏe khác, đó là mong muốn và là đóng góp của ông cho cuộc đời. Có thể nói ông chủ tịch National đã sống hết cuộc đời mình trong tinh thần phụng sự người khác, đó là tinh thần Đại thừa.

Chúng ta có thể nói thêm, ước vọng hoàn thiện con người là một mong muốn và việc làm có tính phổ quát đối với toàn nhân loại. Nhưng sự đóng góp cho việc hoàn thành con người hoàn thiện phổ quát đó, đối với mỗi người hay mỗi dân tộc đều có phần riêng bản sắc của mình. Cá tính và cách hành động riêng của một dân tộc đóng góp vào kho tàng 'tính người' chung đã làm nên sự phong phú của tổng thể nhân loại. Một tổng thể phong phú đa dạng chứ không phải là một tổng thể 'đồng dạng' bằng phẳng không có sự sống. Chính vì cái riêng đó mà mỗi đóng góp vẫn tồn tại như một con người hay một dân tộc mà không ai khác có thể thay thế được.

Nói theo Đại thừa, giá trị của hiện hữu là khác biệt trong đồng nhất và đồng nhất trong khác biệt. Đồng nhất trong căn bản trí hay vô sai biệt trí và sai biệt trong hậu đắc trí hay sai biệt trí. Cho đến mức hoàn thiện cuối cùng, chúng ta cũng có thể thấy chư Phật đồng nhất với nhau trong Pháp thân tuy vẫn khác biệt với nhau trong Báo thân và Hóa thân. Nói một cách cụ thể, vua Trần Nhân Tông của Việt Nam đồng nhất mà khác biệt với Thái tử Thánh Đức của Nhật Bản, và vua Trần Nhân Tông khác biệt mà đồng nhất với Thái tử Thánh Đức. Đại thừa Việt Nam khác biệt mà đồng nhất với Đại thừa Nhật Bản và Đại thừa Việt Nam đồng nhất mà khác biệt với Đại thừa Nhật Bản. Nói theo ngôn ngữ Tây phương, đó là tính cách 'dân chủ' trong xã hội vũ trụ, trong pháp giới. ■

Đừng tích tập điều ác dù nhỏ

QUẢNG CHÂU

Tuyển tập *Phật tự thuyết (Udāna)*, thuộc kinh *Tiểu Bộ*, có chép câu chuyện Đức Thế Tôn khuyên nhủ các em nhỏ. Vào buổi sáng, Đức Thế Tôn đắp y, cầm y bát đi vào thành Sāvatthi để khất thực. Giữa Jetavana và Sāvatthi, Ngài thấy một số thiếu niên đang hành hạ mấy con cá. Ngài liền đi đến các thiếu niên ấy và nói với các em:

"Này các thiếu niên, các em có sợ đau khổ không? Các em không ưa thích khổ phải không?"

"Thưa vâng, bạch Thế Tôn, chúng con sợ đau khổ. Chúng con không ưa thích khổ."

Nghe các em nhỏ trả lời như vậy, Đức Thế Tôn nói ngay những lời sau:

*"Nếu người sợ đau khổ,
Nếu người không ưa khổ,
Dẫu bất cứ chỗ nào,
Chớ làm các nghiệp ác,
Trước mặt hay sau lưng.
Nếu người làm, sẽ làm,
Các nghiệp ác, bất thiện,
Người không thoát khỏi khổ,
Dẫu nhảy vọt và chạy."*

Các em nhỏ đùa nghịch cho vui nhưng lại làm đau đớn tổn hại các con cá. Những con vật nhỏ bé ấy bị hành hạ, chắc chắn chúng cũng cảm thấy đau khổ nhưng vì không có phương tiện biểu hiện sự đau khổ, chúng chỉ biết phản ứng vùng vẫy cho đến khi chúng không còn phản ứng được nữa. Việc trẻ em đùa nghịch thì nơi đâu cũng có. Nhưng có những trò đùa nghịch tuy vô tình mà lại làm tổn thương đến các loài vật khác không đủ sức tự vệ thì thật là điều không hay. Đức Phật thương xót muôn loài chúng sinh, không muốn sinh vật nào bị tổn hại, do đó Ngài khuyên các em nhỏ không nên làm bất kỳ một nghiệp ác nào, dù trước mặt hay sau lưng. Tuy nhiên, trước khi khuyên các em không làm ác, Đức Phật chỉ cho các em thấy mọi loài đều không ưa thích sự đau khổ như chính các em cũng không ưa thích sự đau khổ; và các em không nên làm cho mọi loài những điều mà các em không ưa thích.

Cách Đức Phật khuyên dạy các em nhỏ gợi ý tưởng thiết thực cho các bậc cha mẹ trong việc định hướng giáo dục con cái. Phải lưu tâm tập cho con trẻ có những suy nghĩ và thói quen hiền lành. Mặt khác, cố tạo mọi điều kiện để chúng đừng tích tập các hành vi xấu ác, tuy chỉ có



mục đích đùa nghịch tưởng chừng vô hại, nhưng lâu ngày sẽ trở thành thói quen không hay.

Về mặt nhận thức, ngay từ tuổi thiếu niên, các em đã hiểu được sự tương quan giữa mình với người khác và mọi loài khác. Khi bị vấp, bị ngã, bị va quệt vào các đồ vật hay bị đánh đòn, các em thấy đau và các em biết người khác và các loài khác cũng biết đau trong các trường hợp tương tự. Tuy nhiên, vì ý thức tự ngã của tuổi thiếu niên vẫn còn mạnh, các em chưa quan tâm đến nỗi đau, nỗi khổ của người khác, nói chi tới loài khác.

Trong cùng một điều kiện, nếu thấy người khác gặp chuyện không may dẫn đến bị đau, bị khổ, con người thường tự thấy mừng thầm vì mình còn may mắn không gặp chuyện tương tự. Nếu không được hướng dẫn đúng mực để thông cảm với hoàn cảnh không may của người khác, trẻ em dễ phát triển một tâm lý xấu là thích thú khi chứng kiến điều không may xảy đến với người khác mà không xảy ra cho mình. Chẳng hạn, hai cậu học trò cùng tình nghịch nhưng một em bị thầy cô phát giác và bị phạt trong khi em kia thoát được, kẻ thoát hình phạt có tâm lý muốn "chọc quê" đứa bạn không may. Lâu dần, em học trò may mắn còn cảm thấy hạnh phúc mỗi khi những bạn khác bị phạt. Tiến thêm một bước nữa trên con đường thoái hóa nhân tính, các em tìm cách làm cho kẻ khác phải đau khổ để thỏa mãn ý thích xấu xa của các em. Đó chính là lộ trình để một người tăng trưởng tâm gây hại và sẽ thực hiện mọi hành vi xấu ác chỉ nhằm thỏa mãn những mong muốn xấu ác của mình.

Khi đã trưởng thành, một người từng tích tụ các ý nghĩ và hành vi xấu ác như vậy từ lúc còn nhỏ dễ dàng có cảm giác hạnh phúc khi chứng kiến người khác gặp tai họa. Từ chỗ thấy người khác gặp tai họa mà cảm thấy vui đến chỗ gây tai họa cho người khác để thỏa mãn niềm vui của mình chỉ là một khoảng cách mong manh. Lịch sử loài người đã chứng kiến việc các đấu trường giác đấu được những vị hoàng đế La Mã tổ chức chỉ để thỏa mãn

niềm vui tàn ác của họ. Sự phấn khích của không khí đấu trường khiến người bình dân tham dự gào thét đòi những võ sĩ giác đấu phải đổ máu, làm tăng trưởng ác tâm của con người. Sự kiện hoàng đế Neron reo vui khi thấy cả thành phố La Mã chìm trong biển lửa chắc cũng xuất phát một tâm lý xấu ác tích tụ từ thời trẻ thơ. Những kẻ tổ chức các tòa án dị giáo thời Trung cổ hẳn cũng chỉ muốn thỏa mãn niềm vui khi thấy những người bị kết án quần quai trong cuộc tra tấn và hành hình.

Được khơi gợi để hiểu rằng một hoàn cảnh nếu đã xảy ra cho người khác thì cũng có thể xảy ra cho mình, các em ý thức được rằng nếu mình ở trong hoàn cảnh đó thì mình cũng đau khổ. Từ đó, các em thông cảm được nỗi đau, nỗi khổ của người, loài khác gặp những hoàn cảnh có thể làm đau khổ. Có lòng thông cảm đó, các em có ý thức tạo điều kiện cho người khác, loài khác tránh được những hoàn cảnh gây đau khổ. Khi đó, các em không có lý do gì thực hiện các hành vi gây hại cho người khác, loài khác. Nhờ vậy, lòng từ của các em được phát triển một cách tự nhiên.

Nhờ không tích tụ những ý nghĩ xấu ác từ lúc còn nhỏ, hiểu được người khác đau khổ cũng như mình đau khổ, một người trưởng thành khi thấy người khác gặp tai họa thì cũng xúc động như chính mình gặp tai họa, từ đó, người ấy có sự chia sẻ, cảm thông và tiến đến chỗ cố gắng ngăn cản không để xảy ra những hoàn cảnh có thể gây đau khổ cho người khác. Một người như vậy sẽ không bao giờ chắt chứa ý nghĩ làm hại người khác, loài khác, không những thế, còn cố gắng đem lại niềm vui cho mọi người, mọi loài. Trong một xã hội, nếu mọi người đều không nghĩ đến việc làm hại người khác loài khác thì dù thiếu thốn về vật chất, xã hội ấy cũng đầy an lạc.

Một người dễ dàng gây thương tổn cho người khác không một chút trắc ẩn hẳn từ nhỏ đã có thái độ dửng dưng xem thường sự sống và cảm giác của các chúng sinh khác. Cái thói quen chơi đùa trên sự sống của các sinh vật nhỏ vô tình được tích tập là đầu mối đáng sợ của các hành vi hung ác tiềm ẩn trong con người. Chúng có thể bộc lộ bất cứ khi nào một cách không cần nhắc. Đức Phật thấy rõ hậu quả không hay của các thói quen xấu ác nên lưu ý mọi người tránh tích tập kể cả những hành vi xấu ác nhỏ nhất. Trong khi tự cho mình là sinh vật cao cấp nhất hành tinh, lẽ ra con người phải nhận thức rõ mình cũng chỉ là một thành phần của sự sống, do đó, phải tỏ rõ từ tâm và phải có ý thức bảo vệ sự sống của muôn loài, thế nhưng con người lại tích tập điều ác để trở nên kẻ phá hoại sự sống, phá hoại môi trường, gây hại cho loài khác, người khác; một điều mà con người cần phải biết xấu hổ.

Đoạn kinh ngắn nêu trên tuy dẫn xuất từ sự việc một đám thiếu niên đang gây tổn hại cho mấy con cá, nhưng nội dung kinh còn mở rộng đến tất cả những ai biết sợ đau khổ, không ưa thích sự khổ, cần phải biết tránh tích tập những ý nghĩ và hành động xấu ác dù nhỏ nhất nhất. Chỉ có như thế, con người mới hy vọng tránh được những hoàn cảnh khổ đau. ■



Tụng *Kinh Sám Hối*

HÀ THỨC HOAN

Trước Đức Thế Tôn, mỗi Phật tử phải thành kính “thề” tránh dữ, “nguyện” làm lành để từ đó và mãi về sau quyết tâm thực hiện cho kỳ được lời thệ nguyện thiêng liêng ấy...

1. Hơn bốn mươi năm về trước, khi còn sinh hoạt trong Gia đình Phật tử, tôi đã tụng *Kinh Sám Hối* vào mỗi buổi sáng Chủ nhật và đã tụng hàng trăm lần trong nhiều năm. Thuở ấy, đối với tôi, bài kinh nhật tụng phổ thông này có một ý nghĩa rất dễ nhận biết là “sám hối” những “lỗi lầm” của chúng sanh như đầu đề và kinh văn đã nói rõ:

...
“Đệ tử lâu đời lâu kiếp
Nghiệp chướng nặng nề
Tham giận kiêu căng
Si mê lầm lạc
Ngày nay nhờ Phật
Biết sự lỗi lầm
Thành tâm sám hối”

...
Giải thích nguồn gốc của nhân loại, nhà sinh vật học người Anh là Ch. Darwin cho rằng con vượn đã tiến hóa qua dòng thời gian để trở thành con người. Quy y Phật, tụng *Kinh Sám Hối* trong nhiều năm, tôi có thêm niềm tin ở khả năng hướng thiện của con người. Người tiến bộ hơn vượn vì có lương tri để phân biệt phải trái. Người cao quý hơn vượn vì có lương tâm để can rứt và biết xấu hổ khi làm điều gian ác, từ đó biết ăn năn hối cải để cuộc sống mỗi ngày được tốt đẹp hơn. Biết thành tâm sám hối thì tên cướp giết người hay dâm nữ quấy phá đạo đức của bậc chân tu cũng có thể trở thành người đức hạnh. Qua những điều tai nghe mắt thấy nhiều năm gần đây, tôi phân vân tự hỏi sau khi vượn đã trở thành người, nhân loại sẽ đi về đâu nếu giữa những người bạn đồng hành trong luân hồi và sinh tử với chúng ta hôm nay vẫn còn có lắm kẻ chỉ chăm chú truy tìm tội lỗi của người khác mà không khi nào biết nhìn lại mình để phán xét, để sám hối những lỗi lầm mà mình đã gây ra đối với thiên nhiên và đồng loại?

2. Một ngày đầu tháng 6 năm 2006, gặp phải hoàn cảnh nhiều hiểm nguy và phiền não trong gia đình, tôi có đủ nhân duyên để lãnh hội thêm một ý nghĩa sâu sắc khác của bài *Kinh Sám Hối*. Hôm ấy tai họa ập đến với gia đình tôi một cách quá bất ngờ! Buổi chiều cô giáo nhà trẻ cho cháu ngoại đầu của tôi là MT về nhà sớm hơn thường lệ vì thân nhiệt lên cao thì vào tối hôm đó bệnh tình của cháu trở nên nguy kịch. Cháu như phát cuồng vì bệnh khổ. Thường ngày cháu vui đùa thân thiết với ông ngoại, vậy mà hôm nay mới thấy mặt là cháu đã khóc la đòi đuổi ông ngoại ra khỏi phòng! Đến ba giờ sáng cháu lên cơn co giật, mặt tím tái, răng cắn môi làm máu chảy đầy mặt. Gọi xe taxi đưa đứa con độc nhất đi bệnh viện cấp cứu, mẹ cháu là bác sĩ mà cũng phải hoảng hốt vì sợ không còn đủ thời gian để cứu chữa.

Nửa đêm về sáng hôm ấy, trong khi thân của cháu ngoại đang đau đớn ở bệnh viện thì tâm của ông ngoại đang khắc khoải lo âu ở nhà. Trong một phút yếu lòng, tôi đã trầm nghĩ đến điều bi thương nhất có thể xảy ra cho

cháu... Không thể chớp mắt, tôi lên phòng thờ ở tầng ba thắp hương vái lạy tổ tiên, nhất tâm đánh lễ Phật và chí thành tụng *Kinh Sám Hối*:

“Đệ tử kính lạy,
Đức Phật Thích Ca,
Phật A Di Đà,
Thập phương chư Phật.

...
Ngửa trông ơn Phật
Từ bi gia hộ
Thân không tật bệnh
Tâm không phiền não”

...
Hơn nửa thế kỷ vừa qua, tôi đã dành tất cả thì giờ và công sức để học tập và làm việc mà kiếm tìm bằng cấp, của cải, quyền lợi, địa vị, v.v. Đến giờ phút này, khi tâm mình bất an vì phiền não còn thân cháu ngoại đang đau đớn vì bệnh khổ, tôi đã “ngộ” được cái chân lý giản dị mà sâu sắc được thể hiện từ lâu qua lời *Kinh Sám Hối*: Mong ước khẩn thiết, đích thực, vĩnh hằng của người ta ở đời không phải là giàu sang, phú quý, hay địa vị, quyền lực. Ước mong vĩnh hằng, đích thực và khẩn thiết nhất của người ta ở đời là “Thân không tật bệnh/Tâm không phiền não”. Lo âu, sợ hãi, ghét ghen hay thù oán đến mất ăn, mất ngủ thì có xe hơi, nhà lầu và tiền tỉ để làm chi? Già yếu, bệnh tật, thần chết với lưỡi hái đang chực chờ bên cạnh và có thể lấy đi mạng sống bất kỳ lúc nào thì quyền cao chức trọng còn có ý nghĩa gì?

3. Như xem truyền hình mà đổi kênh, khi có chuyện phải lo sợ hay buồn khổ mà ta nhất tâm tụng niệm thì phiền não sẽ tiêu tan và tâm trí sẽ trở nên thanh tịnh. Sau khi tâm đã an, tôi đọc lại một lần nữa bài *Kinh Sám Hối* và tiếp nhận thêm một bài học thâm thúy:

...
“Ngày nay nhờ Phật
Biết sự lỗi lầm
Thành tâm sám hối
Thề tránh điều dữ
Nguyện làm việc lành”

...
Trước đây ta đã làm điều ác nên mang tội và bây giờ phải thành khẩn sám hối. Sám hối rồi mà vẫn tạo ác nghiệp để chịu quả báo thì Phật có ở bên cạnh chắc cũng phải bó tay! Cho nên, việc tụng *Kinh Sám Hối* chỉ có kết quả tích cực khi Phật tử biết hối tâm để “tránh điều dữ” và “làm việc lành”. Về mặt nhận thức, làm lành tránh dữ là bài học đạo lý có tính đời thường. Một người lao động thất học cũng biết phải tránh điều dữ, phải làm việc lành. Một học sinh lớp ba cũng có thể nói chúng ta nên làm việc lành, nên tránh điều dữ. Nhưng nói, biết là một việc mà làm lại là một việc khác. Cho nên, về mặt hành động, tránh cho được việc dữ và làm cho được việc

lành là cực kỳ khó. Trong cuộc sống, vì nhiều lý do khác nhau mà lắm khi biết rõ đó là điều dữ nhưng người ta cũng không chịu tránh, biết rõ đó là việc lành mà người ta vẫn không muốn làm...

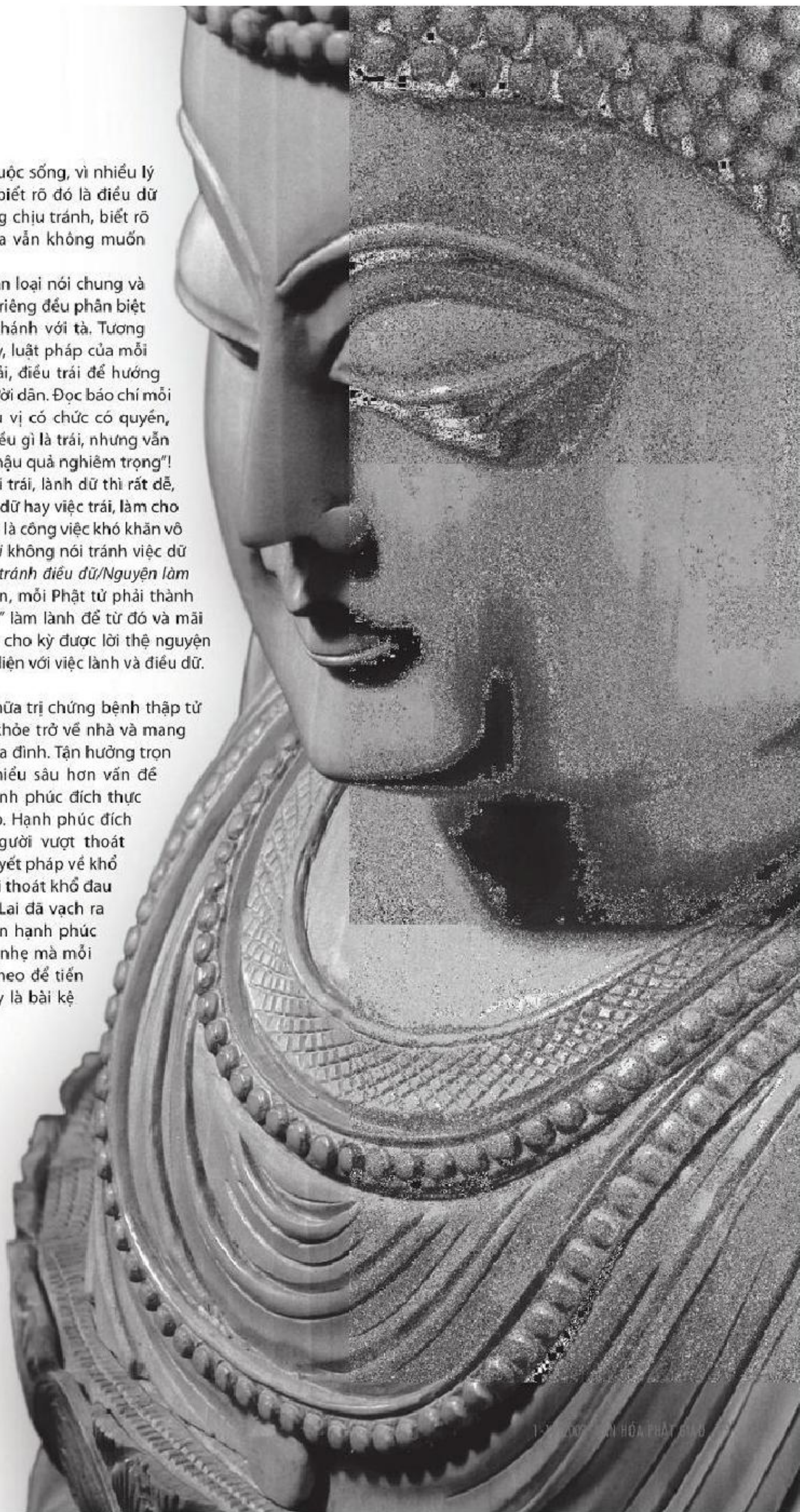
Luân lý, đạo đức của nhân loại nói chung và giáo lý của các tôn giáo nói riêng đều phân biệt lành với dữ, thiện với ác, chánh với tà. Tương ứng với những khái niệm ấy, luật pháp của mỗi quốc gia quy định điều phải, điều trái để hướng dẫn hành động của mọi người dân. Đọc báo chí mỗi ngày, ta thường thấy nhiều vị có chức có quyền, dù biết rõ điều gì là phải, điều gì là trái, nhưng vẫn phạm tội "cố ý làm trái gây hậu quả nghiêm trọng"! Thế mới biết phân biệt phải trái, lành dữ thì rất dễ, nhưng tránh cho được điều dữ hay việc trái, làm cho được điều lành hay việc phải là công việc khó khăn vô cùng. Cho nên *Kinh Sám Hối* không nói tránh việc dữ làm việc lành mà dạy "*Thế tránh điều dữ/Nguyên làm việc lành*". Trước Đức Thế Tôn, mỗi Phật tử phải thành kính "*thế*" tránh dữ, "*nguyên*" làm lành để từ đó và mãi về sau quyết tâm thực hiện cho kỳ được lời thệ nguyện thiêng liêng ấy mỗi khi đối diện với việc lành và điều dữ.

4. Sau hơn nửa tháng chữa trị chứng bệnh thập tử nhất sinh, cháu MT mạnh khỏe trở về nhà và mang theo niềm vui lớn cho cả gia đình. Tận hưởng trọn vẹn nỗi hân hoan ấy, tôi hiểu sâu hơn vấn đề hạnh phúc và khổ đau. Hạnh phúc đích thực không rơi xuống từ trời cao. Hạnh phúc đích thực xuất hiện khi con người vượt thoát được đau khổ. Cho nên, thuyết pháp về khổ đau, chỉ dạy con đường giải thoát khổ đau cũng có nghĩa là Đức Như Lai đã vạch ra cho nhân loại đường đi đến hạnh phúc chân thật. Hành trang gọn nhẹ mà mỗi Phật tử đều có thể mang theo để tiến bước trên lộ trình an vui ấy là bài kệ tóm tắt lời Phật dạy:

*"Chư ác mạc tác,
Chúng thiện phụng hành.
Tự tịnh kỳ ý,
Thị chư Phật pháp"**. ■

Chú thích

* Không làm điều ác,
Chỉ làm việc lành.
Giữ ý thanh tịnh,
Là lời Phật dạy.



Nếp Sống Bình Di

TÂM THỨC

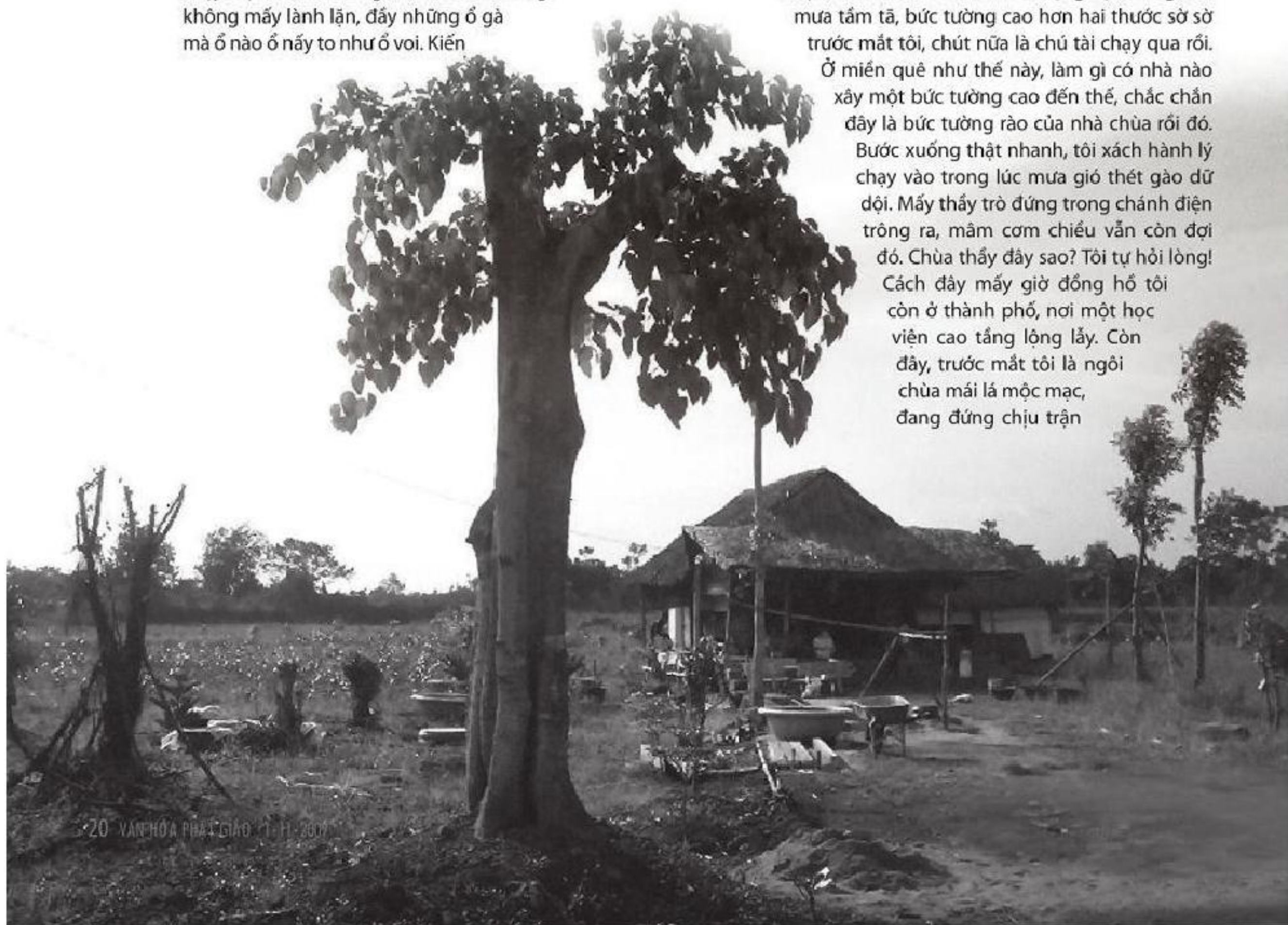
Kiến Cơ am hiện lên giữa một miền quê xanh thẳm, bao bọc bởi vườn cây ăn trái xen kẽ vài ngôi nhà lác đác giữa cánh đồng lúa xanh rì. Am mới được thành lập, mọi thứ còn rất sơ sài, cái bảng để tên am còn chưa dựng hướng gì những thứ khác. Có người gọi Kiến Cơ am là một ngôi chùa, nhưng thực ra đó chỉ là một am tranh mái lá mà tất cả đều làm từ lá dừa và tre. Tuy vậy, đối với tôi nơi đây thật ấm cúng vì tình thầy trò và tình huynh đệ luôn hiện hữu. Có lẽ cũng vì thế mà đối với người dân nơi đây, nhất là với những ai đã từng có lần tiếp xúc với thầy trụ trì, Kiến Cơ am vẫn là “chùa Cây Da” thân thương.

Con đường từ thị xã Long Khánh dẫn vào ấp Cây Da, xã Bình Lộc, uốn lượn xuyên qua vô số những vườn chôm chôm, ổi, mít và sầu riêng cứ thế lặp đi lặp lại. Trời chiều kéo mây xám xịt, chưa biết sẽ mưa lúc nào. Tôi giục chú xe ôm chạy nhanh hơn một chút kéo mưa. Chú cũng cố chạy thật nhanh nhưng khổ nỗi con đường không mấy lành lặn, đầy những ổ gà mà ổ nào ổ nấy to như ổ voi. Kiến

Cơ am chỉ cách thị xã Long Khánh khoảng 12km, nhưng ngồi trên xe sao tôi cảm thấy xa quá! Hoàng hôn không còn nữa, mây mù đã giăng đầy lối. Tôi nóng lòng trông cho mau tới, một phần huynh đệ lâu ngày chưa gặp, phần khác đây là lần đầu tiên tôi tìm đến ngôi chùa mới do thầy tự kiến tạo. Tôi thầm nghĩ không biết ngôi chùa như thế nào? Phải chăng mái chùa đó biểu hiện cho một lý tưởng mà thầy đã ấp ủ mấy năm qua?

Tôi không rõ vị trí của ngôi chùa và chú xe ôm cũng thế. Vì vậy đến từng ngã ba chúng tôi lại phải hỏi thăm người dân ven đường. Họ chỉ có thể hướng dẫn cho chúng tôi đi tiếp từng đoạn rồi dặn chúng tôi nên hỏi đường tiếp. Chùa nằm ở Long Khánh. Thầy cho tôi biết như thế. Nhưng giờ đây chung quanh tôi là một miền quê yên bình đến nỗi thật khó tưởng tượng được thị xã Long Khánh là đây! Bất chợt cơn mưa chiều ập xuống; nước đổ như trút. Mọi cố gắng của chú tài xế cũng không giúp chúng tôi thoát được cơn mưa đầu mùa u ám, nặng hạt. Trong cơn mưa tầm tã, bức tường cao hơn hai thước sờ sờ trước mắt tôi, chút nữa là chú tài xế chạy qua rồi.

Ở miền quê như thế này, làm gì có nhà nào xây một bức tường cao đến thế, chắc chắn đây là bức tường rào của nhà chùa rồi đó. Bước xuống thật nhanh, tôi xách hành lý chạy vào trong lúc mưa gió thét gào dữ dội. Mấy thầy trò đứng trong chánh điện trông ra, mâm cơm chiều vẫn còn đợi đó. Chùa thầy đây sao? Tôi tự hỏi lòng! Cách đây mấy giờ đồng hồ tôi còn ở thành phố, nơi một học viện cao tầng lộng lẫy. Còn đây, trước mắt tôi là ngôi chùa mái lá mộc mạc, đang đứng chịu trận



tôi bởi giữa mưa gió. Hai hình ảnh: Kia là nhà cao cửa rộng còn đây là mái lá đơn sơ, một nơi đầy đủ tiện nghi còn một nơi tôi cảm thấy quá đỗi sơ sài. Trong khoảnh khắc ấy tâm trí tôi cứ so sánh giữa ngôi chùa nơi phố thị và mái chùa miền quê đây. Cũng là những con người đầu tròn áo vuông nhưng hai môi trường sống khác nhau xa quá! Tôi trầm tư lự, chân vẫn bước nhanh về phía trước.

- Thưa thầy con mới đến! Chào mấy chú. Tôi nói.

- Dùng gì chưa sư em? Thầy hỏi.

- Dạ chưa, từ trưa đến giờ con chưa ăn gì cả! Tôi đáp.

Vậy là chú học trò của thầy cho tôi lót dạ bằng một bát mì nóng trộn với cơm nguội.

Bên ngoài mưa vẫn rơi, mỗi lúc càng dữ dội hơn trong khi tôi và thầy ngồi trước hiên chánh điện trò chuyện. Thầy kể cho tôi nghe về nhân duyên đến đây kiến tạo cơ sở này. Thầy nói: Tất cả đều thuận duyên, từ chính quyền địa phương cho đến cư dân chung quanh. Công cuộc xây dựng được thuận lợi. Các tiện nghi tối thiểu về điện nước được bảo đảm. Dùng một chút, thầy tiếp: Tuy mái lá đơn sơ nhưng xây dựng được như vậy cũng là quý lắm rồi. Nếu mình biết đủ thì sẽ đủ thôi. Đời tu như vậy đó, mình đâu trông mong điều gì hơn ngoài kệ sớm kinh chiều, thấy trò đầm ấm bên nhau mà sống bình an! Giờ đây thầy rất an tâm. Tôi cảm nhận được điều đó qua ánh mắt và lời chia sẻ của thầy. Còn tôi, tôi kể cho thầy về tháng ngày đi hoang của mình. Tôi đã rong chơi khắp chốn như một thiến sư thứ thiệt! Cả hai cùng cười. Tôi tiếp: Con cũng biết trong túi có hạt minh châu nhưng cũng thích là kẻ cùng tử. Tử cùng với đời! Không gian như dừng lại nhưng thời gian vẫn lặng lẽ trôi.

Buổi tụng kinh tối vẫn diễn ra bình thường nhưng không có Phật tử đến dự vì ngoài trời vẫn còn mưa. Thầy cho biết, mọi hôm các Phật tử đến tụng kinh rất chuyên cần, trước bàn Phật và hành lang đều kín chỗ, cũng được khoảng mười mấy người. Sau buổi tụng kinh tôi trò chuyện tiếp với thầy. Đến tối thấy trải chiếu trước bàn Phật mời tôi nghỉ. Tôi đã từ chối, vì đó là nơi thầy nghỉ. Tối hôm đấy tôi nghỉ trên võng ở phía ngoài hành lang. Còn phía sau bàn Phật để được hai cái đơn cho điệu Túc, điệu Nghiêm ngủ, chú Pháp Trú thì ngủ tạm ở nhà bếp. Nằm trên võng, tôi cảm thấy nhẹ cả người, lòng sao ấm áp lạ thường. Tôi trở về theo dõi hơi thở vào – ra để ý thức toàn thân và chìm vào giấc ngủ trong khi tiếng côn trùng hòa cùng tiếng mưa đang vắng vắng bên tai.

Sáng hôm sau, tiếng gà gáy sớm đã đánh thức tôi dậy, chỉ có mấy thầy trò công phu mà âm thanh tụng chú *Lăng Nghiêm* rất hùng hồn, xua tan đi tiếng côn trùng trong sương sớm và tiếng gà gáy chốn miền quê dân dã. Bữa ăn sáng được dọn lên với món bánh bao và bánh mì bột lọc. Tối hôm qua, sau khi tôi đến chừng một giờ đồng hồ thì sư cô An Viên dẫn theo học trò của mình cũng đến thăm thầy. Sau khi thăm hỏi, các vị ấy được thầy sắp xếp cho nghỉ tạm ở nhà Phật tử quanh chùa. Vậy là bữa sáng này do sư cô An Viên cúng dường. Dùng sáng xong, thầy đưa tôi đi thăm một vị thầy gần đó. Con đường làng quanh co qua những

căn nhà và vườn cây ăn trái. Đi đến đâu tôi cũng đều cảm nhận được là người dân ở đây vẫn còn lấy làm lạ với hình bóng của chúng tôi. Có những đoạn đường trẻ con đang chơi đùa, khi trông thấy chúng tôi, các em ồ lên: Thấy chùa, thấy chùa kia! Miệng cười ríu rít.

Biết tin có tôi và sư cô An Viên đến thăm thầy, vài vị Phật tử cũng đến chùa, có người ở tận ngoài thị xã, tất cả đều mang theo hoa quả cúng Phật và một ít thực phẩm như dầu, đường... thêm một ít thức ăn cho bữa trưa để cúng dường cho mấy chú. Trong lúc sư cô An Viên chuẩn bị thức ăn, có vài cô phụ làm còn các cô khác trò chuyện với thầy. Hình ảnh thầy ngồi trên chiếc võng đung đưa còn các Phật tử ngồi trên nền nhà thật đẹp. Không giống như những ngôi chùa ở chốn phố thị, khi Phật tử đến có thầy tri khách tiếp trà nước... Thấy tôi ngồi trên chiếc võng khác đối diện với thầy, một cô Phật tử quay sang bắt chuyện và thăm hỏi tôi đủ điều.

Bữa trưa được dọn lên thật thịnh soạn so với một vùng quê như ở đây. Nào là bánh canh bột mì, bánh bao, bún chả giò... mọi người ngồi thành vòng tròn, trước khi dùng tất cả đều chấp tay thầm tưởng niệm... Chiều đến, khi mọi người ra về hết, tôi trò chuyện tiếp cùng thầy. Thầy thường chia sẻ kinh nghiệm tu tập và việc học hành cho tôi. Với thầy, đề tài học là bất tận. Những lúc rảnh rỗi thầy thường dạy chữ Hán và Anh văn cho hai điệu. Hình ảnh thầy ngồi trên võng, hai điệu ngồi trên nền gạch tập viết chữ thật thân thương, giây phút ấy gợi lại trong tôi khung cảnh bình dị của quý Ôn ngày xưa khi dạy cho các điệu.

Kiến Cơ am như đang dựng lại nếp sống chơn chất của quý Ôn ngày trước, cuộc sống đơn giản, tự do mà hạnh phúc. Chùa chưa dựng biển đề tên, nhưng trong lòng người dân quanh vùng, chùa đã là "Chùa Cây Đa". Tôi biết rằng họ cảm thấy thân thương gần gũi khi nghĩ về chùa, nghĩ về thầy. Thật vậy, những lời chỉ dẫn tận tình của những người dân quanh vùng giúp tôi vào được đến chùa đã nói lên điều đó. Cũng như tôi, tuy là lần đầu về thăm nhưng đã cảm thấy chan hòa dù thời gian nghỉ lại chỉ vài hôm. Nơi đây đã thật sự gợi lại trong tôi nếp sống bình dị, chân chất nghĩa tình và mang đậm bản chất của những con người đang trên đường thành tựu hiểu biết lớn và thương yêu lớn. Còn gì may mắn hơn, phước duyên hơn khi những chồi non bồng để được ươm mầm từ đây, với nếp sống như thế! Nếp sống bình thường, đơn giản nhưng rất ý vị. Rồi mai này khi các điệu vào đời, những lời dạy của thầy và hình ảnh mộc mạc thầy trò bên nhau ngày nào sẽ là hành trang để các chú bốn ba giữa chợ người mà không đánh mất mình trong dòng đời ấy. Còn tôi? Kiến Cơ Am thật đẹp, đẹp trong sự cảm nhận của tôi. Nếp sống nơi đây đã đánh thức tôi nhìn lại mình, giúp tôi ý thức nhiều hơn về cách tiêu thụ của mình khi trở về với cuộc sống tấp nập đua đòi nơi phố thị. Chắc chắn một ngày nào đó tôi sẽ lại về thăm thầy, thăm khung cảnh bình yên để được một lần tìm lại con người bình thường của chính mình trong từng hơi thở bước chân trước khi tiếng côn trùng vang lên và màn đêm buông xuống giữa một miền quê yên ả. ■



Nhớ Sư bà Diệu Không

THÁI KIM LAN

Trong truyện *Tây du ký*, có một đoạn ngắn tôi rất thích, trong đó không gian bỗng nhiên tĩnh mặc, êm ả so với những đại náo hỗn loạn diễn ra trên đường Tây du: đoạn Tôn Hành Giả bị thua lũ yêu quái tới bờ, phải đành vịn lên cung trời Đâu Suất thỉnh Bồ-tát Quán Thế Âm xuống cứu Đường Tăng sắp bị làm thịt. Lúc ấy Ngài Quán Thế Âm đang ngồi đàn giở, Tôn Ngộ Không bước tới kêu xin cứu nạn. Việc cứu nạn gấp rút đến nỗi Bồ-tát không kịp khoác áo choàng, vội dang vạt, hạ giáng xuống trần, phát phơ trong bạch y bằng lụa, tóc xỏa, tay cầm giỏ nơm cá. Một người trần đã thấy hình ảnh Ngài giáng trần như thế nên có bức vẽ "Quán Âm ngư lam" ghi lại bóng dáng của vị Đại Bồ-tát cứu khổ cứu nạn. Bức vẽ là một bài thơ ca ngợi không lời. Tôi ngưỡng mộ hình ảnh mà tôi cho có một không hai trong số những hình ảnh Quán Thế Âm Bồ-tát mà chúng ta có được.

Khi được tin Sư bà Diệu Không viên tịch, ở nước Đức xa xôi, tôi nhìn bốn bức thêu tứ đại cảnh của cô Huệ Nhẫn theo lệnh Sư bà thêu tặng treo trong phòng và nhớ Sư bà xót xa, muốn đặt bút viết lời cảm niệm mà viết không nổi. Tôi bỗng ước ao nếu mình vẽ được như nhân vật trong truyện *Tây du*, tôi sẽ phóng bút ghi lại hình ảnh Sư bà mà tôi đã khắc trong tâm từ thuở mới gặp Sư bà cho đến hôm nay, mà tôi gọi thắm là bốn nét quán thế, để treo trên tường.

Mà vẽ không được, tôi đành mang theo những hình ảnh Sư bà trong tâm như Kiều Nguyệt Nga trong truyện *Lục Vân Tiên* mang bức vẽ người ân nhân đã cứu nàng... hẹn có một ngày tôi viết mà như vẽ được những nét đan thanh của vị Sư tôn kính...

1. Vô ngã đại từ bi:

Một lần trong thời Pháp nạn, chúng tôi ngồi tuyệt thực giữa sân chùa trong cơn nóng rất lưng thẳng Năm ở Huế. Nóng, khát làm tê dại châu thân. Lại thêm mặt trời buổi trưa chói chang đến phải nhắm nghiền mắt, hào hển thở, gục mặt trong nón lá, cơ hồ ngất lịm. Bỗng có ai sờ lưng với cái vuốt êm mát của một bàn tay thật dịu dàng. Tôi nhìn lên, thấy một cái nón rộng vành hầu như che hết cả thân mình, sau giải nón màu lam, có một nét cười mỉm, rất hiền, một tay đưa cho tôi bát nước trong. Đó là lần đầu tiên tôi được gặp để sau này mới biết vị sư nữ ấy là Sư bà Diệu Không. Trước đó tôi chưa lên chùa thường xuyên nên chẳng biết rõ ai là ai. Chỉ biết từ lúc cái nhìn ngược lên, tôi thấy có hiện hữu "một người", mà "một người ấy" xuất hiện vô cùng nhẹ nhàng, như một cái bóng phất phơ. Hầu như cái bóng ấy "vô ngã" đến nỗi chỉ có cái nón duy nhất chuyển động, giữa triệu triệu con người, từ khi bắt đầu một mái chùa nào, ra đến sân chùa, xuống thang cấp hay đi trên đường đất, cái nón chuyển động, xa rồi gần,

mà đi đến đâu thì kẻ khát được uống, kẻ đói được lo cho no, kẻ âu lo được chút an bình, kẻ đang khóc được chậm nước mắt, kẻ không nhà có nơi trú ẩn...

Không cần tìm một chỗ đứng, chiếc nón chuyển động như nét KHÔNG huyền diệu giữa muôn triệu cái có vô thường, hiện hữu bằng từ bi và hạnh nguyện cứu độ chúng sanh, bất cứ ở đâu trên khắp Việt Nam.

Cho đến ngày cuối cùng, người ấy vẫn muốn mình là vô ngã huyền diệu với lời nguyện: sẽ trở lại thế gian để hành thâm cứu độ bao lâu còn đau khổ trên thế gian.

Có ai đạt được giác ngộ đại thừa như Sư bà Diệu Không với hành thâm vô ngã QUẢN THẾ ấy?

2. Đại ngã hoan hỷ

Có một lần tôi trở lại thăm chùa Hồng Ân vào dịp đầu xuân. Cây hồng đơn sơ đang trổ trái trước hiên chùa, hoa tím lẳng lặng nhẹ đùa trong gió, hương trầm tỏa ấm không gian. Tôi bước vào nhà Ni, thấy Sư bà đang nằm nơi ghế xếp, giản dị trong chiếc áo lam nhật bình, chung quanh Sư bà là các sư cô trẻ ngồi xúm xít dưới đất, cười vui nghe Sư bà kể chuyện, người thì cầm quạt phe phẩy, người nằm tay vuốt ve, người xoa chân, người vuốt má, người xoa bụng. Tự nhiên tôi nhớ đến bức tranh quê vẽ một đàn heo con xoắn xuýt bên heo mẹ, hay một đàn gà con núp dưới đôi cánh chở che của gà mẹ. Nhưng nghệ sĩ phải giảm bớt hết gam màu sắc sỡ của đời thường mà pha nhẹ như không màu, tương tự trong giấc mơ về hạnh phúc, giấc mơ không có màu, chỉ mờ như sương khói. Hạnh phúc không phải là khái niệm trừu tượng mà

là một cảm giác an lạc, một niềm vui trong an bình. Nếu vẽ được hạnh phúc thì cảnh chùa hôm ấy là nét đan thanh siêu thoát nhất của hạnh lạc. Huyền ảo mà chân tình biết bao. Khi tôi từ già ra về, ngoái lại thấy Sư bà Diệu Không còn đứng tiền nơi hiên, màu áo lam hòa với bông hoa tím nhạt, chung cùng với các ni sư trẻ, đẹp thanh thoát, khiến tôi tưởng như mình đang rời một bức tranh có thật là *Niết bàn chốn ấy* để trở lại lạc loài ảo ảnh cát bụi trần ai bên này.

3. Đại trí tuệ vô ngôn

Những năm 80, 90 của thế kỷ trước, tôi có giới thiệu một nhà hảo tâm người Đức, ông Tiến sĩ Boehme, về giúp một số dự án phát triển tại Huế. Tôi đưa ông lên thăm Sư bà. Ông ngạc nhiên mừng rỡ gặp một vị Sư biết nói tiếng Pháp, bởi vì trong suốt thời gian ông này ở Huế, những cuộc trao đổi gặp không ít trở ngại vì ngôn ngữ bất đồng. Nhưng ngạc nhiên lớn nhất của ông, ngạc nhiên chan hòa vui sướng như khi “ngộ cố tri” là lúc nghe Sư bà, trong cuộc đàm thoại chăm chú lắng nghe, nhìn ông và bảo: “Nhìn cử chỉ, nghe giọng nói của Ngài, tôi biết Mẹ Ngài là ai, tôi đang gặp Người Phụ Nữ đáng kính ấy trước mắt”.

Không thể diễn tả hết nỗi cảm động của người khách ngoại quốc đến từ nghìn dặm xa xôi khi được nghe một thứ tâm ngữ cảm thông chiếu soi bốn cõi, mười phương như thế. Với cái nhìn “Quản Thế”, Sư bà đã xóa sạch mọi khoảng



Ảnh: Doan Trang

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2009

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2009, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc	
Nhà sách Trí Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Bà Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 26 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
Ô. Lương Trung Hiếu, Q.1	: 15 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 10 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Từ Uyên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Lê Chí Vũ	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lê Kiều Diễm	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Hồng Phúc-Xuân An, Q. BT	: 6 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Trắc	: 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai	
89 Nguyễn Thượng Hiền, BT	: 4 cuốn/kỳ
Cô Phan Thị Nguyên Thảo	
Cty Unilever	: 4 cuốn/kỳ
Chị Thanh	
298 Lạc Long Quân, P.8, TB	: 4 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh	: 4 cuốn/kỳ
Chị Liên Hoàng, Q. BT	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
Cô Minh Hương, Q. PN	: 2 cuốn/kỳ
Cô Lý Lạc Bích Ngọc, Q.12	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này : 312 cuốn

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc:

Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG:

(08) 3 8484 335

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập



cách và ngăn cách giữa người và người, để cùng nhau chung "một căn nhà thể tính bà con". Người khách ngoại quốc ấy từ đó không bao giờ quên người đã biết mẹ ông vốn quá cố từ lâu mà ông hằng thương nhớ rơi nước mắt mỗi khi nhắc đến. Hầu như ông đã tìm ra, một trong muôn một, một người tri kỷ với mẹ của ông. Và từ đó mỗi khi về Huế, ông đều lên thăm Sư bà để được nghe những Phật tử.

Tôi còn nhớ một lần khác, hai người đàm đạo về khái niệm "Tính Không" trong *Đại Trí Độ Luận*, về "hữu thể và hư vô" của J. P. Sartre, một người Việt một người Đức trao đổi với nhau bằng tiếng Pháp. Cuộc đàm thoại sôi nổi đến nỗi họ không biết tôi - người trung gian, thông dịch - đã lẳng lặng chuẩn vào bếp với các sư cô trẻ đang nấu khoai sắn đãi khách, vì các sư cô nghe nói tôi thích khoai sắn. Bữa ấy tôi đã được hưởng một bụng khoai sắn ngon nhất trên đời.

Đến nay tôi vẫn còn tự hỏi, không biết trong cuộc đàm thoại siêu hình ấy, ai đã hiểu ai. Chỉ biết, lần sau khi trở lại Huế, người bạn Đức tạm gọi là vong niên của Sư bà (lúc ấy ông Boehme mới 70 tuổi, trong khi Sư bà đang thọ 90) đã đem tặng ngài một món quà kỷ lạ: một cái gối rất êm. Tôi nghĩ mình thấy không lắm, mất vị Sư bà nhòa lệ khi ôm cái gối ấy vào ngực.

4. Vô lượng Cung kính Trang Nghiêm

Lần cuối tôi được gặp Sư bà là vào đầu năm 1997, lúc ấy Sư bà đã yếu trên giường bệnh. Tuy bệnh mà Sư bà vẫn minh mẫn vô cùng với trái tim thì vẫn nóng hổi chuyện Phật sự trọn thành. Mong ước cuối cùng của Sư bà, cũng như nỗi niềm đau đáu của quý sư trưởng như Sư bà Diệu Trí, Sư bà Cát Tường, là làm sao xây dựng cho được Học viện Phật giáo tại Huế. Chúng tôi đang tìm cơ sở để mong Ôn Từ Đàm thuận ý.

Sư bà nằm yếu lả trên giường, nhưng không biết do một ý chí dũng mãnh nào mà Sư bà bảo các sư cô đỡ ngồi dậy ngay ngắn, rồi nói với tôi bằng một giọng quả quyết: "Nhờ chị Kim Lan làm chứng cho hạnh nguyện của tôi để truyền đạt lại cho ông Boehme, tôi xin tặng cơ sở Hồng Đức (do sự tài trợ của hội người Đức) để xây dựng Học viện Phật giáo cho Tăng Ni trẻ, xin ông Boehme chấp nhận ước nguyện cuối cùng của tôi".

Nói xong Sư bà ngồi thật ngay ngắn, lấy tay đắp vạt áo phủ gối rồi chấp tay hướng về phía Tây vái mấy vái như gửi trong gió sự kính trọng đến người phương xa, tạ ơn tri ngộ và mong thông cảm. Lời nguyện ấy của Sư bà đã được thỏa mãn. Học viện Phật giáo Huế được khai sinh sau khi Sư bà viên tịch.

Với tôi, Sư bà là tấm gương tiêu biểu về lòng thiết tha với tương lai đạo pháp. Ngoài ra, đức hạnh trang nghiêm của Sư bà với những cử chỉ khiêm cung đã gây chấn động trong tim tôi. Đường như sóng của tứ vô lượng tâm dào dạt không ngừng mỗi khi tôi nghĩ đến Sư bà Diệu Không huyền diệu vô cùng. ■



Về Sóc Trăng vui lễ Ooc om boc

THU HỒNG

Lễ hội Ooc om boc của đồng bào Khmer Nam Bộ không chỉ hấp dẫn hàng vạn du khách thập phương mà ngay cả người dân nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long cũng háo hức đổ dồn về thành phố Sóc Trăng trong khoảng rằm tháng Mười âm lịch hàng năm. Người tham dự lễ hội chẳng những được thưởng thức văn nghệ trong các buổi liên hoan nghệ thuật quần chúng ba dân tộc (Kinh, Hoa, Khmer) mà còn được xem các cuộc hội thao dân tộc như đấu cờ ốc, ném bi sắt, đấu bóng chuyền, bóng đá... và đặc sắc nhất là cuộc đua ghe ngo truyền thống quy tụ gần 50 đội đua cùng tranh tài sôi nổi trên sông Sung Đính.

Tỉnh Sóc Trăng có gần 360.000 người Khmer, chiếm khoảng 30% dân số toàn tỉnh, là nơi tập trung đông người dân tộc Khmer nhất ở Nam Bộ. Đồng bào Khmer cư trú ở các phum sóc ven biển hoặc trong các vùng sâu. Cuộc sống tâm linh của đồng bào gắn liền với 92 ngôi chùa lớn nhỏ trong tỉnh, ở đó chiếc ghe ngo được coi là di sản văn hóa dân tộc. Toàn tỉnh có gần 50 chiếc ghe ngo đang được sử dụng cho cuộc đua hàng năm.

Đến với lễ hội Ooc om boc ở Sóc Trăng, từ chiều ngày hôm trước, du khách đã thấy từng đoàn người ở nông thôn nhộn nhịp ngược xuôi trên đường phố chính trong nội thành, lần lượt đến các điểm tổ chức trò chơi dân gian, xem

thi đấu cờ ố, bi sắt, bóng chuyền, bóng đá... Đêm xuống, du khách có dịp ngắm ánh đèn lấp lánh trên mặt nước hồ, xem đoàn nghệ thuật Khmer biểu diễn tại chùa Khleung, vui chơi với các hoạt động văn hóa nghệ thuật ở Khu văn hóa hồ Nước Ngọt. Sáng hôm sau, du khách không quên thưởng thức "bún nước lèo" nấu với mắt bò hóc, thêm vài con tôm đất luộc bóc vỏ, thịt cá lóc và heo quay, là các thức ăn ngon được ưa thích. Cuộc đua ghe ngo của đồng bào Khmer diễn ra trên sông Sung Đỉnh bắt đầu lúc 11 giờ và kéo dài cho đến 16 giờ chiều, hấp dẫn hàng trăm ngàn người cùng khách thập phương đến xem. Đây là môn thể thao xuất phát từ phong trào quần chúng ở địa phương; vận động viên chủ yếu là những nông dân nhiệt tình tập luyện trong đội hình đua ghe ngo của các chùa Khmer ở quê nhà cả tháng trước khi thi đấu. Trong nhiều năm qua, các cuộc đua ghe ngo truyền thống thường được tổ chức vào nhiều dịp lễ hội khác nữa chứ không riêng trong dịp lễ Ooc om boc. Đua ghe ngo đã trở thành một môn thể thao thành tích cao trong cả nước và ở khu vực Đông Nam Á. Đội đua ghe ngo truyền thống của tỉnh Sóc Trăng đã từng tham gia thi đấu với các nước Đông Nam Á và đoạt được thứ hạng cao. Chiếc ghe ngo truyền thống tham gia cuộc đua trong lễ hội Ooc om boc thường dài hơn 30m, hình thù thoải tựa như con rắn, hai đầu ghe uốn cong lên, phía lái thấp hơn phía mũi một ít, toàn thân chiếc ghe ngo được sơn phết cách điệu với nhiều hoa văn đặc sắc, mũi ghe trang trí hai con mắt dựa theo các hình chim thú độc đáo, tượng trưng cho vẻ đẹp và sức mạnh. Mỗi chiếc ghe ngo đại diện cho một ngôi chùa Khmer trong phum sóc, trên ghe có 52 vận động viên cùng màu áo ngồi hai hàng song song, toàn đội hình đồng nhịp bơi theo lệnh của người ngồi ở mũi ghe; khi nghe tiếng còi của người đứng giữa thì cả đội vươn tay nhúng dầm xuống năm tấc nước để dồn hết sức cho ghe lướt tới; người đứng sau cầm lái cho ghe hướng thẳng xuôi dòng nước lướt nhanh hơn. Đường đua dài khoảng 1.000m

đến 1.200m. Toàn đội đua phải đều sức đồng lòng, bơi đua tài từ khi xuất phát đến điểm đích trong vòng hơn ba phút coi như thắng cuộc. Trong ngày hội đua ghe ngo truyền thống này, du khách đến Sóc Trăng thấy hai bên bờ sông Sung Đỉnh đông đảo đồng bào và sư sãi nô nức đón xem, không khí tưng bừng náo nhiệt; ai đã một lần có dịp thưởng thức thì đua ghe ngo là một cảnh tượng khó quên. Tiếng nhạc ngũ âm liên tục vang lên chào mừng các đội ghe ngo với màu áo sắc sỡ đang neo trước khán đài lúc khai mạc; tiếng trống và tiếng còi lần lượt thúc thúc từng cặp ghe ngo tranh tài quyết liệt trên đường đua, khán giả reo hò cổ vũ sôi nổi khi hai chiếc ghe gần đến điểm đích.

Về sự tích đua ghe ngo, người dân Khmer Nam Bộ kể lại rằng: Thuở xưa, khi còn hoang sơ thì vùng đất này có nhiều đầm lầy với sông rạch chằng chịt nên việc đi lại rất khó khăn. Một hôm, ngay từ sáng sớm bỗng dưng trời mưa to gió lớn, nước sông mỗi lúc một dâng cao, khắp nơi nước nổi mênh mông. Vì muốn thể hiện tấm lòng cung kính của mình với Đức Phật Thích-ca, bà con trong phum sóc cùng nhau đốn nhiều cây, kết thành bè để đưa các vị sư khất thực về ngôi chùa cho kịp độ cơm trước giờ Ngọ. Theo triết lý đạo Phật, trên cõi đời này ai làm nhiều việc thiện, nhất là giúp các nhà sư vượt đường xa đầy khó khăn gian khổ, đưa nhiều vị sư về đến chùa an toàn kịp lúc sau cơn giông tố, sẽ trở thành người được nhiều phúc đức nhất. Cho nên, mọi người trong phum sóc thi nhau làm bè cho thật chắc chắn, lại cố sức khéo bơi để đưa hết các vị sư khất thực xa chùa trở về trước giờ Ngọ. Về sau, những chiếc bè đưa rước các vị sư được bà con cải tiến dần, làm bằng thân cây to độc mộc ráp lại thành chiếc ghe hình thon dài có vẽ hoa văn đẹp, hình dạng tựa như con rắn nên gọi là "Tuk ngo" có nghĩa là ghe ngo. Để tưởng nhớ lại những ngày đã làm việc thiện giúp các vị sư khất thực thời điểm đó, bà con trong các phum sóc có chùa Khmer tổ chức hội thi đua ghe ngo trên sông lớn hàng năm.



Văn nghệ truyền thống trong lễ hội Ooc om boc.

Hội thi đua ghe ngo truyền thống ở tỉnh Sóc Trăng



Đến Sóc Trăng trong dịp lễ hội Ooc om boc, không những du khách đều tìm đến tham quan những ngôi chùa cổ như chùa Khleung, chùa Dơi, chùa Chén Kiểu... hoặc nhà Bảo tàng văn hóa Khmer... mà còn được biết thêm nghi lễ Cúng trăng hay còn gọi là lễ Đút cốm dẹp. Đồng bào Khmer nơi đây dùng vật cúng là cốm dẹp làm bằng lúa mới để tạ ơn thần mặt trăng đã điều hòa nước các dòng sông chảy ra biển. Theo người xưa kể lại: Sở dĩ có lễ Cúng trăng là vì từ khi khẩn đất, người Khmer Nam Bộ sinh sống bằng nghề nông là chính; đồng bào săn bắt và thuần dưỡng thú hoang, trồng lúa nước và hoa màu theo thời tiết hai mùa trong năm, mùa mưa từ 16/4 đến 15/10 âm lịch và mùa khô từ 16/10 đến 15/4 âm lịch. Quy luật hai mùa tự nhiên thay đổi theo chu kỳ mặt trăng quay quanh trái đất, không rõ theo tiêu chí nào, nhưng người Khmer Nam bộ cho rằng ngày 15/10 âm lịch đúng là ngày mặt trăng xoay đủ một vòng trái đất để bắt đầu một chu kỳ mới. Bằng trình độ nhận thức và kỹ thuật canh tác thuở đó, việc sản xuất được mùa hay mất mùa đối với đồng bào Khmer Nam bộ vẫn còn nhiều bí ẩn, cho nên việc sùng bái và thần linh hóa các thể lực thiên nhiên là điều không thể tránh khỏi. Để tưởng nhớ công ơn của thần mặt trăng điều hòa thời tiết giúp bà con nhà nông trúng mùa, người Khmer lấy lúa nếp mới thu hoạch giã thành cốm dẹp để làm lễ vật cúng.

Nhớ lại thời tuổi thơ lúc cha mẹ tôi còn sống: Để chuẩn bị cho lễ Cúng trăng cổ truyền trong phum sóc, buổi chiều cha tôi đào hai cái lỗ cắm hai cây trúc, gác thêm một cây ngang rồi uốn thành cái cổng chào trang trí trước sân nhà. Các chị cùng với mẹ tôi tìm những bông hoa đẹp cắm vào lọ và làm sẵn các lễ vật để đến tối cúng trăng. Lúc mặt trăng vừa ló dạng, mọi người mang cốm dẹp đã trộn dừa nạo với đường, dừa tươi, khoai lang, khoai mì, khoai môn, chuối xiêm, hoa quả... dọn lên cái bàn đặt sau cổng chào. Chờ ánh trăng tỏa sáng, mọi thành viên trong gia



đình cùng ngồi sau bàn cúng, chắp tay hướng nhìn mặt trăng để làm lễ cúng; người cao niên thắp nhang khấn vái xin thần mặt trăng nhận những lễ vật cúng, cầu cho mưa thuận gió hòa để năm tới mùa màng bội thu, ai cũng đều sung túc và khỏe mạnh. Khi những nén hương sắp tàn, ông bà vuốt lưng hỏi các cháu ước mơ gì gửi đến ông Trăng; sau điều ước, mỗi người được đút một muống cốm dẹp, cứ xoay vòng từng người cho đủ ba lần ước, cả nhà cùng trò chuyện vui vẻ dưới ánh trăng vàng. Từ những điều mong ước đó mà cha mẹ tôi biết được ý chí con mình, quyết tâm định hướng chăm lo nuôi dưỡng các chị em tôi học hành chu đáo, có một nghề thành đạt trong cuộc sống tương lai.

Năm nay, do âm lịch có nhuận tháng Năm, lễ hội Ooc om boc và Hội thi đua ghe ngo truyền thống ở tỉnh Sóc Trăng sẽ diễn ra trước rằm tháng 9 âm lịch. Bên cạnh lễ hội, tỉnh có tổ chức Hội chợ triển lãm Thương mại - Du lịch tại Khu văn hóa hồ Nước Ngọt kéo dài từ 26/10 đến hết 01/11/2009 giúp các doanh nghiệp quảng bá thương hiệu sản phẩm, xúc tiến thương mại, đầu tư kinh doanh và dịch vụ, phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu. Đến lễ hội Ooc om boc năm nay, du khách sẽ có dịp tham quan mua sắm, tham dự các hoạt động vui chơi giải trí, xem hội thao dân tộc và thả đèn nước, thưởng thức liên hoan văn hóa nghệ thuật ba dân tộc (Kinh, Hoa, Khmer), hòa mình vào lễ hội ẩm thực đặc sản, chứng kiến lễ Cúng trăng và đến thăm các làng nghề truyền thống Khmer. Đỉnh điểm của lễ hội năm nay cũng là cuộc đua ghe ngo trên sông Sung Đình được tổ chức cho hai giải nam nữ riêng biệt. Ngày 1/11, có 9 đội ghe ngo nữ tham dự tranh giải. Ngày 2/11, cuộc đua ghe ngo nam thu hút tới 38 đội trong và ngoài tỉnh sẽ tranh tài từ vòng loại cho đến chung kết. Việc xếp hạng, trao giải và khen thưởng cho các đội đua ghe ngo sẽ kết thúc mùa lễ hội Ooc om boc năm nay. ■



Lễ cúng cô hồn trên đỉnh đèo Cả

QUÁCH GIAO

Xuất phát từ Nha Trang vào lúc 3 giờ sáng. Trời cuối thu vào lúc chưa rạng sáng, thành phố trầm lắng trong an lành. Bầu trời xanh dịu dàng. Đến đèo Cả đúng 4 giờ 30. Chân trời nơi mé biển có màu phơn phớt đỏ. Bình minh vừa ló dạng.

Vẫn có truyền thuyết cho rằng muốn đón bình minh sớm nhất ở Khánh Hòa thường phải lên đèo Cả, vì tại đây người ta có thể nhìn thấy mặt trời từ từ nhô lên khỏi mặt nước mà không chút gợn mây che phủ.

Sáng hôm nay tôi mới thấy không thể có sự thật này. Vì khi đứng trên đèo Cả nhìn về hướng Đông, người ta không thể thấy chân trời khi đã có sẵn một dãy núi cao dài nằm che lấp. Ở đây là vịnh Vũng Rô. Được núi che chở nên vịnh Vũng Rô vừa sâu vừa kín. Tuy không bằng vịnh Vạn Phong song Vũng Rô cũng có thể trở thành một hải cảng đầy tiềm năng quân sự và kinh tế.

Mặt bằng hành lễ vừa được dọn dẹp xong thì mặt trời đã nhô lên khỏi đỉnh núi. Mặt nước Vũng Rô ửng hồng trong sắc biếc. Bóng những chiếc thuyền đánh cá về neo đậu chập chờn trên mặt biển bao la. Sóng gợn lăn tăn, gió hiu hiu thổi.

Nơi hành lễ là một khu đất rộng nằm sát khúc quanh nơi quẹo Đá Đen. Núi bên trong dựng cao vọi vọi. Sắc đá đen lóng lánh hợp với màu xanh đậm của trùng trùng cỏ thụ chen lẫn với các lùm cây rậm rạp. Phía dưới là mép biển Vũng Rô. Đứng trên bờ vực nhìn xuống, du khách trông rất rõ con đường sắt Bắc Nam vừa chui ra khỏi đoạn đường hầm dài nhất xuyên đèo Cả. Đoạn đường sắt ở đây là đoạn đường đẹp nhất, vì sau khi thoát ra khỏi đường hầm dài thì du khách được thấy bên hông đoàn tàu một vùng biển mênh mông. Gió biển thổi ập vào, màu xanh mênh mông của biển cả hòa lẫn với bầu trời cao rộng, xóa đi khoảng thời gian bịt bùng trong u tối đầy hơi bụi của khối tàu. Hạnh phúc đến bất chợt đến khiến lòng khách bàng hoàng. Trong thiên nhiên và cuộc sống hằng ngày có biết bao sự tình cờ gây cho ta đôi phút giây sững sờ.

Từ Nam ra Bắc, đèo Cả là đoạn đường đèo đầu tiên gây cảm xúc cho du khách khi qua hầm gặp biển để rồi khi đến đèo Hải Vân cảm xúc này được dần trải nhiều hơn và thích thú nhất là lúc đến Lăng Cô. Cảnh đẹp nhờ núi và biển giao hòa.

Dưới là hầm, trên là khúc quanh Đá Đen đứng bên bờ vực Vũng Rô, đúng là một đoạn đường hết sức nguy hiểm. Nơi đây thường xuyên xảy ra tai nạn. Khi thì người đi xe gắn máy, khi thì xe đò, xe chở hàng hay xe du lịch.... Lúc vượt qua đường vòng thì vách đá ngăn chặn tầm nhìn, đoạn đường vòng lại có khúc quanh quá ngặt nên xe xuống không nhìn thấy xe lên. Không kịp hãm tốc độ hoặc hãm thắng để tránh nhau, xe đành phải lao xuống vực. Những chuyện này thường xảy ra trước khi khúc quanh này được sửa chữa nới rộng và có bảng lưu ý. Ngày trước, tai nạn xảy ra thường xuyên nên ở nơi này người dân phải dựng tượng Quán Thế Âm Bồ tát, vừa để tưởng niệm những người tử nạn vừa để lưu ý tài xế.

Có lần nguyên cả chiếc xe hiệu Tiến Lực chở 49 hành khách lao xuống vực chỉ còn sống sót một người khách phụ nữ. Vì chiếc xe có chở gà trên mui, khi xe đã lao xuống vực, bầy gà gây vang khiến ngư dân nghe có nhiều tiếng gà gáy bên bờ vực liền ghé ghe đến xem, mới phát hiện ra xác chiếc xe và cứu được người phụ nữ duy nhất còn sống sót. Khi ra khỏi bệnh viện, người đàn bà này trở lại thăm nơi xảy ra tai nạn, trực ngộ ra sự may mắn duy nhất của mình nên tâm nguyện suốt đời che nhà sống tại nơi đây để quanh năm hương khói cho các bạn đồng hành không được may mắn như mình. Có một vài ngôi mộ của những nạn nhân không người quen biết được chôn tại chỗ, có mã được xây vôi, song mới đây được giải tỏa di dời đi nơi khác chỉ còn lại nền mộ dưới chân bức tượng Quán Thế Âm Bồ tát đứng trên một nền xi măng cao gắn một thước. Người đàn bà sống sót, giờ cũng đã mất rồi. Ngôi nhà bà ở nay chỉ còn trơ nền cũ.

Thay người cũ, cũng đã có một người phụ nữ luống



tuổi khác mới đến trú ngụ được vài năm nay tại ngay dưới chân tượng Ngài Quán Thế Âm, ngày ngày giữ phần hương khói, nhận nơi khách thập phương những hoa quả cúng lễ, tiền công quả, mỗi khi họ khi ghé lại cúng vái.

Đúng 8 giờ thì buổi lễ bắt đầu. Sư Thích Chúc Minh khai kinh, các tín hữu đứng nghiêm chỉnh trước tượng đài. Bóng những chiếc áo lam trong khói hương nghi ngút làm nổi bật chiếc áo cà sa màu nâu giữa trưa nắng trên đỉnh đèo Cả.

Bên cạnh bức tượng Quán Thế Âm, nơi sân cỏ được trải rộng các chiếc chiếu, trên sắp xếp đầy đủ các vật phẩm cúng cô hồn như cơm, cháo, xôi chè, bánh kẹo, hoa quả và giấy vàng bạc. Chung quanh, các ngọn nến cháy hắt hiu, các cụm nhang tỏa khói nghi ngút.

Trong nắng mai, tiếng tụng kinh nghe rõ mồn một. Dưới ánh nắng chói chang, người hành lễ nghiêm trang lắng hồn vào bốn phận. Mồ hôi ướt đầm lưng áo nhưng giọng đọc kinh vẫn trầm trầm lưu loát. Đầu trần đội nắng, đoàn hành lễ chan hòa trong cảnh trang nghiêm. Trong cõi dương trần phảng phất hơi khói linh thiêng, trong lời kinh tiếng mõ như có lẫn tiếng thì thầm nức nở của người bên kia thế giới. Bên lễ đường xe qua lại liên tiếp. Từ xa các xe như đã trông thấy cảnh hành lễ nên tránh không bóp còi và sự lưu thông như chậm lại. Theo thông

tục của các tài xế lái xe đường trường, mỗi khi gặp cảnh hành lễ như hôm nay, các xe đều chạy chậm lại như để tỏ lòng thành kính, như phân ưu với linh hồn người chết. Và dường như các tài xế có thái độ dè dặt hơn, lái xe cẩn thận hơn trên con đường vạn dặm. Có một vài tài xế dừng xe, bước xuống thắp một cây nhang, vái ba vái rồi lại tiếp tục lên đường.

Xong lễ cúng bái nơi chân tượng Quán Thế Âm Bồ-tát thì khai lễ cúng bái cô hồn. Nắng trưa càng thêm gay gắt, vị sư chủ lễ bấy giờ đội thêm chiếc nón lá và các Phật tử tháp tùng hành lễ đội thêm mũ nón nhưng vẫn trang nghiêm tiếp tục niệm kinh dưới nắng trưa. Đến 10 giờ thì buổi lễ chấm dứt. Dưới vực sâu Vũng Rô, gió cuộn tròn khiến nước vực như sôi lên, như có muôn vạn linh hồn nhảy mừng hò reo đón chào, tiếp nhận phẩm lễ. Giây phút này âm dương như giao hòa cùng nhau. Sự thông suốt, cách trở được khai mở, tinh thần buổi lễ cầu siêu như được chứng giám. Trong khói hương nghi ngút có sự chan hòa cảm thông giữa đôi đường âm phủ và dương gian.

Buổi lễ chấm dứt, việc thu dọn sạch sẽ hiện trường được thực hiện rất chu đáo. Tất cả những vật thừa thải đều được gom vào bao tải và chở xuống đèo. Một cơn gió cuốn chọt nổi lên. Những tàn tro nương theo chiều gió bay ra xa rồi tan biến vào không gian bao la của biển cả. ■

Kẻ lưu đầy trên quê hương mình:

Herta Muller

và giải Nobel Văn chương 2009

NGUYỄN CÂN

Khi Viện Hàn lâm Thụy Điển công bố tên người đoạt giải Nobel Văn chương năm nay (2009), không ít người đã ngạc nhiên. Herta Muller là ai? Chắc hẳn nhà văn ấy không phải ngẫu nhiên mà đoạt giải dù rằng tác phẩm của bà chỉ được một bộ phận nhỏ những trí thức Mỹ từng đọc. Bà là một nhà văn Đức sinh ra ở Roumanie, nhà văn nữ thứ 12 trong lịch sử 109 năm của giải Nobel. Chỉ có 5 trong số 20 tác phẩm của bà được dịch sang tiếng Anh. Những bản dịch bất ngờ trở nên thu hút công chúng đến nỗi không đủ bán. Tác phẩm *The Land of Green Plums* (Đất xanh màu mận) leo lên hàng thứ 7 trong số các tác phẩm bán chạy từ

thứ hạng

78.235 trước đó. Còn tác phẩm *Passport* (Tấm giấy thông hành) cũng từ vị trí 2.290.352 trước đó vọt lên đứng thứ 209. Đối với phần lớn những nhà văn đoạt giải Nobel, nhu cầu tìm mua tác phẩm của họ tăng vọt lên một cách đầy ấn tượng sau khi giải thưởng đã được công bố.

Thế nhưng việc chọn Muller với những tác phẩm mô tả cuộc sống tăm tối, có phần bạo liệt khai thác khía cạnh lưu đầy ngay trên quê hương mình cũng như thực tại đời sống hằng u ám dưới thời Nicolae Ceausescu có thể khiến người ta không khỏi hoài nghi Ủy ban trao giải Nobel đã đặt nhân quan chính trị trước văn chương.

Những câu chuyện của bà thì hiển nhiên rất cuốn hút. Bà sinh vào năm 1953 trong một thị trấn nói tiếng Đức thuộc Roumanie. Trong Chiến tranh Thế giới thứ hai, cha bà phục vụ trong đội Waffen-SS. Mẹ bà làm việc trong một trại lao động ở phần lãnh thổ bây giờ thuộc Ukraine. Herta Muller đã bị sa thải khi đang làm phiên dịch viên trong một công xưởng sản xuất máy móc của Ukraine sau khi từ chối làm điểm chỉ trong lực lượng công an chìm. Bà rời Roumanie để sang Đức năm 1987 cùng với chồng, Richard Wagner. Sau này bà thường công khai phát biểu những ý kiến chống đối sự áp bức và phê phán những nhà văn Đông Đức hợp tác với chính quyền.

Thư ký thường trực của Hàn lâm viện Thụy Điển, Peter Englund, nói rõ rằng những câu chuyện bản thân của bà có sức khơi gợi lớn lao, cũng như cách hành văn của bà vậy. Khi công bố giải thưởng, ông đã nói đến "một thứ ngôn ngữ hết sức đặc biệt" cùng với nó là những câu chuyện kể về những năm tháng lớn lên trong chế độ độc tài. "Bà ấy luôn có một câu chuyện đáng để kể lại về việc khôn lớn và thấy mình xa lạ ngay trong gia đình mình". Bút lực và sự can đảm của bà thuyết phục được cả những kẻ hoài nghi. Những nhận xét và cảm xúc thì thường lạnh lẽo nhưng các chi tiết trong tác phẩm lại thổi bùng lên sự sống động. Ủy ban Nobel đã nhận định bà đã "mô tả phong cảnh dưới mắt những kẻ bị tước đoạt có kết hợp sự tập trung giữa thi ca và sự chân thực của văn xuôi". Horace Engdahl, người tiền nhiệm của Peter Englund, cũng nhận xét rằng "Những nền văn hóa lớn luôn có một nền văn chương mạnh, nhưng bạn không thể phủ nhận một sự thật là châu Âu luôn là trung

Nữ văn sĩ Herta Muller



tâm của thế giới văn học. Nước Mỹ quá đơn lập và tách biệt. Họ chưa dịch nhiều tác phẩm của châu Âu và không tham dự các cuộc đối thoại văn chương”.

Về phần mình, sau khi học để trở thành nhà văn dưới chế độ độc tài, Herta Muller đã nói: “Tôi đã phải học để có thể sống bằng ngòi viết vì không có cách nào khác. Tôi đã muốn sống theo những chuẩn mực mà mình hằng mơ ước, đơn giản chỉ vậy thôi. Và văn chương đã cho tôi phương tiện nói lên những gì tôi đã từng trải qua”. Có thể nhận ra âm hưởng văn chương Kafka trong tác phẩm cũng như cuộc đời Muller. Vai chính trong tác phẩm *Đi chỉ một chân* là một phụ nữ yếu đuối sinh ra trong một gia đình người Đức ở Roumania, sau đó di

cư sang Đức cùng mối quan hệ tay tư với những khủng hoảng tâm hồn triền miên. Cô ta không cảm thấy mình thuộc về nơi nào, Roumania hay Đức, và không thuộc về ai trong số ba người đàn ông quanh mình. *Đi chỉ một chân* là sự khai thác đau đớn thân phận lưu đầy trên con đường đi tìm quê hương và bản ngã của mình.

Cùng một cảm giác cô đơn tốt cùng ấy, ta có thể bắt gặp trong *Đất xanh màu mận*.

Trích dẫn những trang văn tiêu biểu của Herta Muller

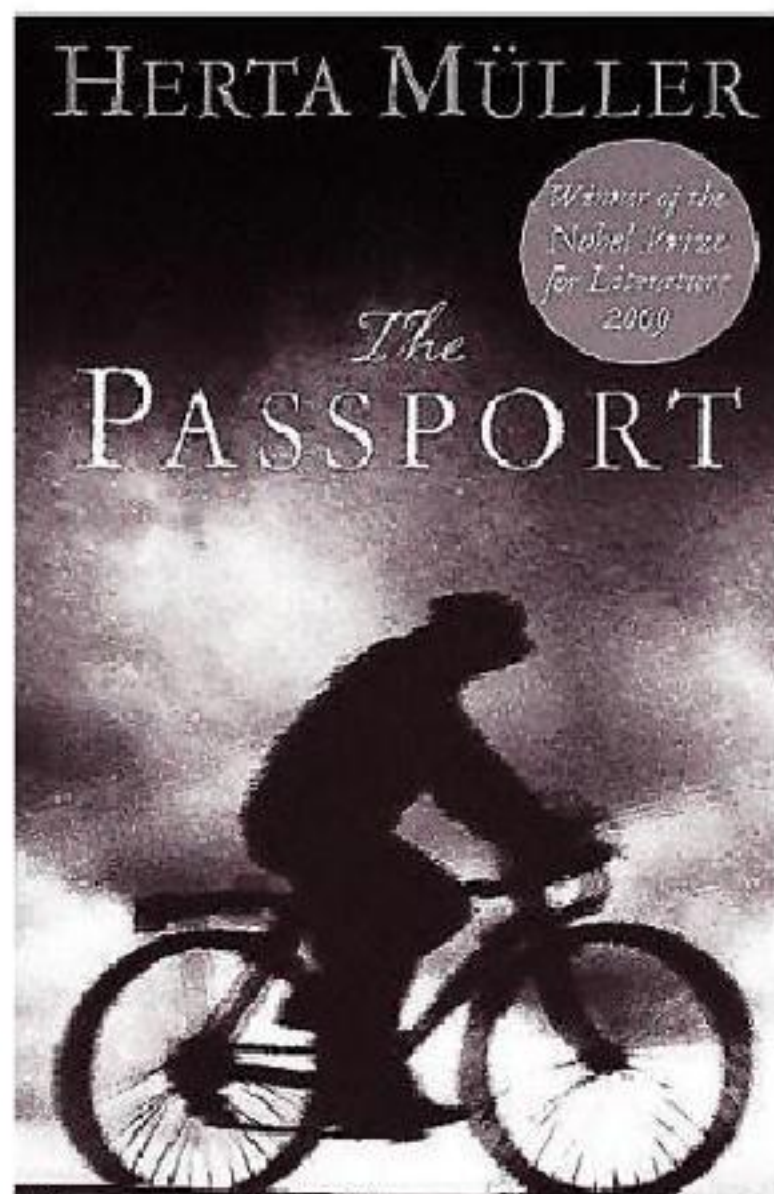
Đất xanh màu mận (The land of green plums) (1993)

“Khi tôi lang thang quanh quán, tôi không chỉ nhìn thấy những thứ người bà con loạn trí và nhẩn nha. Tôi còn thấy mấy tay lính gác đi đi lại lại trên đường phố. Những gã thanh niên có hàm răng vàng khè đang đứng gác ngay trước lối vào những tòa nhà lớn, ngoài cửa hiệu, trong công viên, trạm xe, quán hàng nhộp nháp, trước cửa ký túc xá, trong cửa hàng rượu vang, ngoài nhà ga. Quán áo thùng thình hay quá chặt. Họ biết tất cả các cây mận trong khu vực mà họ làm cảnh sát. Họ biết cả các lối đi quanh qua các cây mận, những cành trĩu quả. Những tên lính gác nhét đầy túi các quả mận. Hái thật nhanh và nhét phồng túi. Một lần hái như thế có thể nuôi họ cũng lâu. Sau khi nhét đầy túi mận, họ nhanh chóng lùi ra sau. Ăn bám mận là một từ bí ối. Những gã nhà giàu mới phát, những kẻ cơ hội, bọn xu nịnh, và những kẻ bước qua xác chết mà không hề hối hận đều đáng được gọi như thế. Gã độc tài trên đất nước chúng ta cũng nên gọi như thế.

Giấy thông hành (The passport) (1986)

Amalie treo hình nước Roumania trên tường.

“Tất cả trẻ em đều sống trong khu phố, căn hộ hay



trong nhà”. Amalie nói như vậy. “Mỗi căn nhà đều phải có phòng. Tất cả các nhà làm thành một ngôi nhà lớn. Ngôi nhà lớn ấy là quê hương chúng ta. Tổ quốc chúng ta”.

Amalie chỉ tay lên bản đồ “Đây là tổ quốc chúng ta”. Rồi lấy tay tìm những chấm đen trên bản đồ. “Đây là những thành phố trên đất nước chúng ta”. “Những thành phố như những căn phòng trong căn nhà lớn là tổ quốc chúng ta. Cha chúng ta và mẹ chúng ta sống trong ngôi nhà này. Họ là cha mẹ chúng ta. Mỗi đứa trẻ đều có cha mẹ. Cũng như người cha trong căn nhà mà chúng ta đang sống là cha chúng ta. Vì vậy đồng chí Nicolae Ceausescu là cha của chúng ta, và cũng như người mẹ trong căn nhà chúng ta đang sống là mẹ chúng ta, vì vậy đồng

chí Elena Ceausescu là mẹ của đất nước chúng ta. Đồng chí Nicolae Ceausescu là cha của tất cả trẻ em và đồng chí Elena Ceausescu là mẹ của tất cả trẻ em. Tất cả trẻ em yêu đồng chí Nicolae và đồng chí Elena, vì họ là cha mẹ của chúng”.

Cuộc hẹn (The appointment) (1997)

Đã bao nhiêu lần tôi phải nói láo hay ngậm miệng lại để bảo vệ những người tôi yêu thương nhất – vào những lúc mà tôi khó bảo vệ họ nhất – để ngăn không cho họ lao đầu vào những tai họa khác. Bất cứ khi nào mà tôi muốn nuôi lòng hận thù mãi mãi, một cảm giác chán chường làm tôi dịu lại. Những manh nha yêu thương vừa khởi lên thì một cơn bão tự giãi vờ chỉ trích lại ập đến. Tôi buông xuôi theo những oán hận tiếp nối. Tôi luôn có đủ lý do để tha thứ người khác nhưng lại không có đủ lý do cho chính mình để vượt lên trên nghịch cảnh.

(Tổng hợp tư liệu nước ngoài)





Căn chòi của gia đình bé Quỳnh Loan. Ảnh: Minh Minh

Thấp sáng **hy vọng**

MINH MINH

Phú Vang là một huyện đồng bằng ven biển của tỉnh Thừa Thiên, nơi có phá Tam Giang nổi tiếng hiểm trở và những địa danh đã đi vào ca dao như Nam Phổ, An Truyền, Mậu Tài, Triều Sơn... Tuy nhiên, câu chuyện mà chúng tôi muốn kể lại ở đây chẳng có gì liên quan tới những điều nổi tiếng của Phú Vang.

Năm ngoái, do có người mách bảo, chúng tôi tìm đến vùng đầm phá thuộc thôn An Lưu, xã Phú Mỹ, huyện Phú

Vang để thăm một cháu bé đáng thương tên là Quỳnh Loan. Nhà cháu chỉ là một chiếc chòi tre nằm giữa vùng đầm phá. Để đến được tận nơi, chúng tôi đã đi bộ men theo những con đường cát nhỏ hẹp dài cả cây số. Chiếc chòi tre sơ sài nằm giữa cánh đồng quanh quẽ, những ngày cuối thu gió đông thổi lồng lộng, lạnh buốt. Lúc ấy cháu Quỳnh Loan đã được mười một tuổi.

Mặc dù biết trước là cháu bị bệnh tim bẩm sinh mà nhà nghèo không có điều kiện để được điều trị tới nơi

tới chốn, nhưng khi gặp cháu, chúng tôi vẫn không thể không xót xa. Đã mười một tuổi nhưng cháu còi cọc như một đứa bé bảy tám tuổi. Mặt mày nhợt nhạt, đôi môi tím tái, những khi khó thở và tất cả mọi ngón chân đều sưng to không đi đứng được, cháu phải nằm một chỗ hoặc thỉnh thoảng được bố mẹ bồng trên tay. Đã thế, trong căn chòi trống trước trống sau, cháu nằm trên một chiếc vật tre có trải tấm vải ny lông chứ chẳng có giường chiếu chi cả. Tuy nhiên, khi tiếp xúc với cháu, chúng tôi nhận ra cháu là một đứa trẻ kiên cường với niềm hy vọng sống sót để giúp đỡ bố mẹ.

Đến lúc ấy, Quỳnh Loan không có bạn bè và chưa hề được đến trường một ngày nào. Cháu có một đứa em trai. Những lúc không bị hành bởi cơn bệnh, cháu vẫn cố gắng giúp bố mẹ trông em, chơi đùa với em khi bố mẹ phải lặn lội kiếm miếng ăn. Và cháu vẫn giữ một niềm tin có ngày khỏi bệnh. Khi trò chuyện với chúng tôi, Quỳnh Loan bị bỏ vẽ ra viễn tượng khi khỏi bệnh cháu sẽ được đi học và sẽ cố gắng học thật giỏi để đem kiến thức giúp đỡ mọi người. Nghe cháu thổ lộ niềm tin sắt đá ấy, chúng tôi thật sự chạnh lòng. Vì ba mẹ cháu cho biết, trước đây, khi chẩn đoán cho cháu, các bác sĩ đã tiên đoán, nếu không kịp thời giải phẫu thì cháu chỉ có thể sống tới năm mười hai tuổi. Và lúc chúng tôi gặp Quỳnh Loan, cháu đã mười một tuổi rồi.

Vậy mà giờ đây, điều kỳ diệu đã đến với cháu. Nhờ sự đóng góp giúp đỡ của nhiều người hảo tâm, chúng tôi đã có đủ phương tiện đưa cháu Quỳnh Loan đi trị bệnh kịp lúc. Sau khi được giải phẫu, cháu đã dần hồi phục. Hiện nay, cháu đã có thể chạy nhảy chơi đùa như mọi đứa trẻ khác. Khỏi bệnh, cháu hết sức yêu đời và lập tức xin được đi học. Cháu nói thật dễ thương rằng chỉ có học vấn mới giúp cháu khỏi khổ, mới có thể tạo điều kiện cho cháu giúp đỡ bố mẹ cháu sau này nuôi em cháu lớn lên học thành tài. Cháu tự đi bộ đến trường để vào học lớp Một. Mặc dù lớn tuổi hơn các bạn đồng lớp, trong lớp, cháu thường cố gắng phát biểu và thể hiện một tinh thần ham học rất đáng quý. Hết giờ học về nhà, cháu không nề hà sức khỏe, vẫn luôn cố gắng giúp đỡ bố mẹ những công việc lặt vặt trong gia đình.

Được tin cháu Quỳnh Loan khỏi bệnh và đang đi học, các vị ân nhân trong và ngoài nước tiếp tục đóng góp để giúp cho cháu có điều kiện trưởng thành như mọi trẻ em

bình thường khác. Đã đến với Quỳnh Loan một điều kỳ diệu thứ hai. Biết rằng nếu được ở trong một căn nhà tử tế thì kết quả của cuộc giải phẫu bệnh tim cho Quỳnh Loan mới được duy trì và mới nuôi dưỡng được ước nguyện thành người hữu ích của Quỳnh Loan, các vị ân nhân lại một lần nữa chung tay xây dựng cho gia đình Quỳnh Loan một căn nhà thật sự. Nhìn căn nhà mới, nhớ lại cái chòi khi trước của gia đình Quỳnh Loan, chính chúng tôi còn thấy ngỡ ngàng... như trong chuyện cổ tích.

Nghe chúng tôi đến thăm, Quỳnh Loan xinh xắn trong bộ váy áo mới màu hồng chạy ra đón tiếp và nói cười rộn rã. Cháu khoe bộ váy áo mới này cũng là món quà được các vị ân nhân gửi tặng. Điều thú vị nhất là chúng tôi biết rằng cháu đã bắt đầu đọc thông viết thạo. Cháu cũng nhắc lại quyết tâm học giỏi để có thể mang kiến thức ra giúp đỡ mọi người. Điều khiến chúng tôi ngạc nhiên là trong một thời gian dài bệnh hoạn không có bạn bè, cháu vẫn phát triển tâm trí phù hợp với lứa tuổi của cháu, chỉ kém các bạn đồng tuổi về sức vóc và kiến thức mà thôi. Chúng tôi cho rằng vì cháu vẫn nuôi một hy vọng mãnh liệt đối với cuộc sống nên cháu đã thực sự gặp được những đáp ứng cũng mạnh mẽ của những người có từ tâm.

Qua bài viết này, chúng tôi muốn nhắn gửi đến tất cả những ai gặp hoàn cảnh bất hạnh, hãy duy trì một niềm tin và hy vọng cùng với sự thành tâm muốn đóng góp cho đời. Chúng tôi vẫn luôn tin rằng từ tâm sẽ cộng hưởng với từ tâm để làm nên những điều kỳ diệu cho cuộc sống. ■



Tác giả và mẹ con bé Quỳnh Loan





Ba mươi sáu phố phường xưa

Giữa Sài Gòn xem ảnh **Hà Nội xưa**

BỒI BỤT



Gánh tào phớ (đậu hũ) rong

Thường mỗi dịp lễ tết, du lịch hoặc sự kiện gì quan trọng trong năm, ta đều ít nhiều muốn chụp ảnh để làm kỷ niệm. Nhưng khi đã có những tấm ảnh trong tay, ta thường xem qua, tấm nào vừa ý thì khen, ngược lại thì chê, rồi bỏ vạ vật đầu đó trong quên lãng. "Thời gian thấm thoắt đi", bằng đi năm, mười năm, chủ nhân hoặc con, cháu tình cờ bắt gặp hình ảnh của mình, người thân trong chồng sách báo cũ đã ngả vàng hoặc treo trên tường nhà một người quen nào đó ... thì bức ảnh ấy sẽ trở nên quý giá biết chừng nào. Như vậy, những tấm ảnh trong hiện tại thì bình thường nhưng càng để lâu, sẽ càng quý, hơn cả đồ cổ, vì nếu chẳng may bị hư hỏng mất mát thì dù có tiền cũng không mua được. Có lẽ mọi người đều có chung tâm lý như vậy khi xem những bức hình cũ bởi thấy mình hồi đó sao lại trẻ, lại đáng yêu như vậy.



Phố Hàng Đào



Đám cưới Hà Nội trước 1954

là một tòa lâu đài Pháp đồ sộ nhưng trông vẫn rất gần gũi thân quen trong con mắt của người Việt bởi các kỹ sư xây dựng Pháp thời ấy đã khéo đưa những chi tiết Á Đông vào các công trình lớn ở Hà Nội như Viện Bảo tàng Lịch sử (Trường Viễn Đông Bác Cổ cũ), Viện Pasteur,

Trụ sở Bộ Ngoại giao (Sở Đoàn cũ)... Nguyên là sinh viên trường thuốc (*Ecole de Médecine de l'Indochine* - thành lập năm 1902), ông còn cho biết, ngôi học ở giảng đường - phía bên trái tòa nhà - về mùa hè mát, mùa đông ấm, ngồi chỗ nào cũng có thể nghe rõ tiếng của thầy giảng. Rồi một giọng Hà Nội thanh ngọt như đường phèn của một bà tuổi chừng ngũ thập chen vào hỏi về tấm ảnh chụp dinh quan Kinh lược sứ Hoàng Cao Khải bây giờ có còn không, sao mà đẹp thế?

Người em đi cùng trẻ hơn tương ra một câu khá "chanh" rất Hà Nội rằng tại sao cứ "người ghét của yêu" thế? Mọi người đang vui bỗng ngớ ra. Tôi hiểu bà này nói mát cho vui. Hai bà đều là dân Hà thành gốc mả! Nhưng nghĩ cho cùng thì mình cũng có nhiều tính xấu như vậy. Ai mà ưa thực dân và tay sai của chúng. Tuy đã có một vài lời minh oan của hậu thế nhưng vẫn chưa ngả ngũ chuyện nhân vật Hoàng Cao Khải có đến nỗi đáng căm ghét như chính sử mấy chục năm qua vẫn ghi hay không. Nhưng có điều, dinh thự, lăng tẩm của ông ở Thái Hà ấp (hiện vẫn còn nhưng bị chiếm trái phép làm nơi tạm cư từ lâu) trong ảnh đều là những kiến trúc tuyệt đẹp, ai nhìn cũng yêu, cũng trầm trồ khen ngợi. Rồi một ông mặc áo "chí sĩ" không cổ, nút gài, trạc tứ tuần hao hao như Phùng Quán lúc sinh thời xuất hiện. Tuy tự xưng là dân Hà Nội gốc nhưng cái hơi Ái châu, Hoan châu thì vẫn vẳng vát còn, ông nói thẳng với hai bà Hà thành gốc và mọi người rằng cái Hà Nội trong ảnh đẹp là thế, đáng yêu là thế thực chất ta đã tôn vinh văn hóa văn minh Pháp.

Câu nói khiến tôi giật mình.

Mà suy ra thì ông ấy có lý. Phổ cập là thuộc tính của văn hóa mà. Cái hay cái đẹp ai chả bắt chước. Trước khi Pháp xâm

chiếm, các cụ nhà đã xây thành Hà Nội, Huế, Gia Định... theo kiểu Vauban của Pháp rồi còn gì. Khi họ chiếm được nước ta, ngoài khu ba mươi sáu phố phường, Hà Nội chỉ còn vài cái cửa thành, vài ngôi chùa, đền miếu nhỏ. Báo Thiên (Sùng Khánh Báo Thiên Tự) là ngôi quốc tự đồ sộ, điểm lệ nhất kinh đô Đại Việt xây từ thời Lý Thánh Tông (1054-1072) cũng đã từng bị quân xâm lược nhà Minh (1427) gỡ chóp đồng trên nóc tháp và quả đại hồng chung nặng hơn bảy tấn nấu chảy ra để đúc làm vũ khí chống Lam Sơn, không biết xác chùa có còn hay đã sụp đổ rồi? Nhìn ngôi chùa Báo Ân bên Hồ Gươm xây từ 1842 trong ảnh mà Hốc-Ca chụp vẫn còn nguyên vẹn nhưng ngói đã xô, tường đã mục, sau này bị phá để xây nhà dây thép và nhà hát Tây lên trên, chỉ còn tháp Hòa Phong đến ngày nay mà ngậm ngùi cho cảnh bể dâu của đất nước. Thử hỏi, hết cuộc phân tranh Trịnh Nguyễn này đến khởi nghĩa nông dân nọ - thực chất là các cuộc nội chiến "huynh đệ tương tàn" - kéo dài liên miên hàng thế kỷ thì lâu đài, cung điện, chùa chiền nào chịu nổi? Nội chiến, ngoại xâm là cái quả báo mà dân tộc ta phải trả bởi các cụ nhà cũng có vừa đâu, chẳng chiếm hết cả nước Chiêm, nước Chân Lạp còn gì? Bà Hà Nội gốc lại vừa phán vừa cười vui một lần nữa, khiến tôi lại thót giật mình.

Cho nên, khi người Pháp chiếm được Hà Nội, 1884, kinh thành đã bình địa, ngói tan gạch nát. Điện Kính Thiên trong ảnh chỉ còn bậc tam cấp với mấy con rồng đá thời Lê sơ được quân Pháp xây lờ cốt có xẻ các khe châu mai phòng thủ. Trong lịch sử, Thăng Long cũng đã từng nhiều lần bị cảnh khói lửa ngút trời. Quân Chiêm Thành cướp phá (1378), Trịnh Tùng lệnh phóng hỏa đốt cháy Mạc Phủ trong lần Bắc tiến đánh Mạc Mậu Hợp (1591), quân Tây Sơn ra Bắc ba lần (1786, 1788, 1789) đều có những giao tranh lớn với quân Trịnh, rất lớn với quân Thanh xâm lược ở Ngọc Hồi - Đống Đa. Rồi đến thời đại của chúng ta, những trận bom Đổng minh đánh Nhật hồi Thế chiến 2, của pháo đài bay B52 đã rải thảm ở Hà Nội (1972)... thì "Thăng Long phi chiến địa" chỉ là mơ ước của con người.

Chính vì vậy, trên cái "nền cũ lâu đài..." ấy, người Pháp đã quy hoạch và xây dựng một thành phố Hà Nội hoàn toàn mới như trong những tấm ảnh mà thế hệ sinh sau đẻ muộn như chúng ta được thấy hôm nay và mang trong ký ức cả đời. Nó chính là hình ảnh đã ăn sâu vào tiềm thức của bất cứ người Hà Nội, người Việt Nam nào. Thế thì, câu phán xanh rờn của ông mặc áo



Phố Tràng Tiền (Rue Paul Bert cũ)

“chỉ sĩ” kia rất tiếc là không sai. Nhưng tôi đã có cách biện minh để tránh cái “mặc cảm vô ơn” như đã viết trong các bài tập làm văn thời đi học rằng: thực dân Pháp thật đáng ghét, nhưng văn hóa Pháp thật đáng yêu cũng rất đúng. Tương tự, ở một đô thị mới như Sài Gòn cũng vậy. Người Pháp đã làm nên một “Hòn ngọc Viễn Đông” tiếng vang khắp năm châu bốn biển cho ta tự hào. Nhưng Huế thì khác. Thành quách, cung điện, lầu đài, lăng tẩm... còn gần như nguyên vẹn bởi nhà Nguyễn là triều đại phong kiến cuối cùng ở nước ta mãi đến năm 1945 mới chấm dứt nên ngoài cây cầu Trường Tiền không dài lắm và một số kiến trúc nhà ga, dinh thự, khách sạn tẩm tẩm, người Pháp không thi thố được nhiều về kiến trúc ở đây. Dân ta, gốc Huế cũng như những người yêu Huế như tôi được mang trong mình hình ảnh một cố đô với sông Hương núi Ngự thành quách “đầu xưa xe ngựa...” mà không phải băn khoăn chuyện “người ghét của yêu” như cái bà Hà Nội gốc kia cảm thán!

Thật vậy, bỏ cái ý đồ thực dân của người Pháp xây dựng hạ tầng với mục đích khai thác thuộc địa ra một bên thì cái khoa học kỹ thuật, cái tài, cái tâm của các nhà hoạch định chính sách, các kiến trúc sư Pháp đã làm nên một Hà Nội tân kỳ như vậy thì thật đáng ghi nhận, đáng khâm phục. Họ chỉ là những kỹ sư, kiến trúc sư nhưng đã thiết kế, xây dựng cả một thành phố với những công trình kiến trúc được coi là những viên ngọc quý, niềm tự hào của thị dân sở tại và bất cứ người Việt Nam nào. Điều mà các “tiền sĩ kiến trúc sư” ngày nay có mơ cũng không có được. Một Hà Nội mới hiện tại chỉ thấy quy hoạch tũn mủn, chấp vả bộn bề, ô nhiễm ngọt ngào, đi lại khó khăn. Công thự, nhà cửa mới xây thì bê nguyên xi cái mái khối hình thang màu đen của nhà Bưu điện Bờ Hồ, nhà Bắc Bộ phủ lên trên. Cổng sắt, hàng rào sắt của Phủ Toàn quyền thì được “nhân giống” khắp trong Nam, ngoài Bắc. Tòa trụ sở UBND TP. Hà Nội trông như một cái lô cốt... Ở tận thôn quê xa xôi, một số dân làng mới phát cũng xây nhà ống như thành phố, lại còn “khiêng” cả cái vòm (dôme) Nhà hát Lớn lên mái, trông không giống con giáp nào!

Hương về 1000 năm Thăng Long Hà Nội, nhiều lễ hội đã được tổ chức ở thủ đô được truyền hình trực tiếp như lễ hội cầu Long Biên vừa rồi vẫn mắc “bệnh sơ lược” hơi hợt, trong đó cũng nhảy nhót múa hát như bất kỳ một lễ hội nào. Người ta không giới thiệu cây cầu này nguồn gốc ra sao, ai xây, xây như thế nào... Đạo diễn và người thực hiện đã nhấn mạnh quá nhiều hình ảnh

chiến tranh cho dễ làm, không sợ sai mà không nghĩ đến những giá trị văn hóa và lịch sử đích thực của cây cầu. Vì thế, triển lãm *Hà Nội xưa* là một hoạt động có ý nghĩa chiều sâu, là một việc có ý nghĩa thực sự hưởng ứng năm kỷ niệm trọng đại này.

Đúng là “trăm nghe không bằng một thấy”, những tấm ảnh đã khiến người xem, nhất là dân ở tận phương Nam được thấy phần hình hài mảnh đất thiêng “ngàn năm thương nhớ...” trong những thời khắc bi hùng của lịch sử. Nhưng những ảnh ấy do ai chụp, chụp bao giờ là những thắc mắc mà nhiều người còn băn khoăn muốn biết. Nhưng chắc chắn tác giả ảnh phải là những người Pháp đi theo hoặc làm nhiệm vụ trong quân đội viễn chinh mà sơ sơ tư liệu trên web ghi nhận. Chẳng hạn, bác sĩ quân y Charles Édouard Hocquard đã chụp hàng trăm tấm ảnh trong nhiều trận đánh ở khắp các tỉnh Bắc Kỳ ghi hình các thành quách, chùa chiền, đền miếu ở Hà Nội và các tỉnh, đã được các cá nhân có lòng trân trọng hình ảnh của tổ quốc post lên mạng như nhạc sĩ Phạm Duy, các chủ trang web khác. Nhưng khá hoàn chỉnh, rõ nét hơn cả là bộ ảnh do ông Trần Quang Đông ở Na Uy đưa lên. Thật đa tạ tấm lòng của các vị, những người đã nâng niu quý trọng hình ảnh của đất nước mà đưa lên mạng cho nhiều người, nhất là những kẻ nghèo tiền bạc điều kiện, không dám mơ được bén mảng tới những văn khố nổi tiếng ở Pháp, Âu, Mỹ... như người viết, cũng được chiêm ngưỡng, sử dụng. Nhưng một ông khác lại đưa ra thắc mắc: không lẽ trong số những bưu ảnh mà mọi người được thấy chỉ do người Pháp chụp? Liệu có những ảnh xưa do chính người Việt chụp không? Ông bác sĩ về hưu khẳng định là có. Ông ấy cho biết, Hà Nội đã có hiệu ảnh từ trước khi người Pháp chiếm được Bắc Kỳ. Ông dẫn chứng việc cụ Đặng Huy Trứ (1825-1874) người Thừa Thiên đã mở hiệu Cẩm Hiếu Đường ở Hà Nội từ năm 1869, cụ Nguyễn Đình Khánh (1874-1946) mở hiệu Khánh Ký từ 1892, trước khi có cầu Long Biên. Sau đó, dân làng Lai Xá được cụ Khánh truyền nghề rồi mở hàng chục hiệu ảnh ở Hà Nội, Sài Gòn, cả ở bên Pháp, chưa kể cụ Võ An Ninh sau này cũng đoạt nhiều giải thưởng ngoại hạng ảnh về Hà Nội từ thập niên 1930 trở đi...

Chỉ hơi tiếc, nếu ảnh một công trình kiến trúc tiêu biểu mà có thêm một tấm pano giới thiệu “lý lịch” trích ngang và tên tác giả của nó thì người xem sẽ học được nhiều hơn. Điều này vừa để... nhớ đến kẻ trồng cây” vừa là tính học thuật, rất mong *Xưa & Nay* bổ sung trong những dịp triển lãm sau. ■



Đất, trời, cà phê

CAO HUY HÓA

Tôi làm quen với cà phê từ lâu, dần dần càng thân thiết với nó mỗi buổi sáng, một mình, và cà phê luôn giúp tôi một chút sáng khoái để vào một ngày mới. Tuy nhiên, tôi không phải là thân chủ của quán cà phê nào, không có nhóm bạn thân nào để thường xuyên mượn quán cà phê làm nơi tán gẫu trên trời dưới đất. Lâu lắm mới cùng thân hữu chọn địa điểm là quán cà phê thoáng đãng, có cây xanh bóng mát, hoặc khi trời lạnh thì chọn quán ấm cúng có tranh ảnh mỹ thuật, nội thất tươi tắn, nhạc rất nhẹ hoặc... không để nhạc. Thời gian như loãng ra để cho trí óc thành thơi, và bạn bè không cần nói với nhau nhiều.

Mỗi khi đi đâu xa nhà, nơi tôi muốn đến mỗi buổi sáng luôn là một quán cà phê, có thể do người quen đưa đến, có thể là quán gần nơi trú ngụ. Tôi thích phong cách bình dân của cà phê vỉa hè Sài Gòn cũng như khung cảnh thanh lịch của cà phê trên đường Đồng Khởi; nhưng xem ra những nơi như vậy không mấy thân thiện với tôi, và tôi vẫn tìm về một không gian giao hòa giữa người, cảnh và giọt đắng cà phê. Dĩ nhiên, nơi đó là Huế.

Như thế thôi sao? – Còn Đà Lạt nữa chứ! Hơn ở Huế, Đà Lạt cho tôi cơ may biết được nhiều chuyện về cà phê, chứ không chỉ chuyện uống cà phê. Tôi đã đi qua những đồn điền chè và cà phê ngút ngàn trên những ngọn đồi nhấp nhô trong sương mai lãng đãng, tôi chiêm nghiệm trời đất đã ban cho cây cà phê vẻ đẹp sung mãn, từ cành lá xanh thắm, chùm hoa trắng xóa vẹn toàn cả hương sắc, đến chỉ chít trái tròn nho nhỏ: nào màu xanh khi còn tơ đến màu vàng xuân thì, màu đỏ khi chín, rồi ngả màu đen sẫm khi già. Màu gì cũng đẹp, kể cả khi rang lên, bày ra sản phẩm thì màu nâu đen bóng bẩy khó có loại hạt nào sánh được. Nhưng không có thứ trái nào lại làm phiền hà con người đến như vậy: công hái quả chín, công phơi, tách hạt, sấy, bảo quản, xay,... đó chưa kể công đoạn pha trộn, ướp hương liệu thuộc bí mật nhà nghề, cuối cùng mới ra thị trường. (Cho hay cái giống vô tri này đã dạy cho con người một bài học: Có cực nhọc mới có hương thụ!). Đà Lạt còn tự hào giữ lại được khoảng một trăm hecta cà phê arabica, loại siêu đẳng moka, tại Cầu Đất, nơi mà thổ nhưỡng và độ cao 1.600 mét thích hợp với loại cà phê khó tính này, trong

khi mọi nơi đều trồng cà phê vối, robusta, giá trị thấp hơn.

Người ta đã ca ngợi quá nhiều và quá hay về Đà Lạt: thông reo bên suối vắng, thành phố hoa đào, nơi nghỉ mát lý tưởng, thung lũng tình yêu,... Tôi chỉ muốn ghi nhận Đà Lạt là thành phố cà phê, với nghĩa văn hóa tốt đẹp của nó. Theo xu hướng tiến bộ hiện nay, người dân thích sản phẩm nông nghiệp được gắn gũi với mình về mặt địa lý, từ trồng trọt đến chế biến, để họ có thể biết được sản phẩm "sạch" đến mức độ nào; thế thì cà phê Đà Lạt lấy tinh hoa từ đất nâu màu mỡ và không khí dịu mát bao la của đất trời ở độ cao trên ngàn mét, chẳng phải là một đặc sản tuyệt hảo của Đà Lạt? Mà cũng chẳng cần đi đâu xa, cây cà phê vẫn có vị trí thích hợp trong vườn biệt thự hay vườn nhà dân, vừa làm đẹp cảnh quan, vừa có sản phẩm tự cấp cho chủ sở hữu. Sản phẩm từ các đồi cà phê phần lớn được đưa vào chế biến tại khoảng 15 cơ sở, để rồi cho ra các hộp cà phê mang thương hiệu cà phê Đà Lạt với tên lạ hoắc cho khách phương xa.

Những quán cà phê ở vùng đất này cũng là loại đẹp nhất. Tôi có ngoa lắm không khi có biết bao nhiêu quán sang trọng với nội thất mỹ thuật hoặc với cảnh vườn có non bộ, có thác nước róc rách, có cây xanh tạo dáng, có chậu cảnh bonsai cổ kính... tại TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Huế,... Dẫu vậy, chỉ có quán cà phê Đà Lạt mới "hoàn hảo" bậc nhất vì sương mù bàng bạc, những con dốc nhấp nhô, những đồi thông lừng lững, mặt hồ tĩnh lặng, nói chung cả Đà Lạt là khung cảnh cà phê. Dù là quán sang trọng bên mặt hồ Xuân Hương, hay là quán nhỏ bên đường dốc, khách đều có thể tận hưởng Đà Lạt.

Tính cách của thiên nhiên và con người Đà Lạt đã làm thăng hoa cà phê Đà Lạt. Khí trời dịu mát, có chút se lạnh trên vùng cao thoáng đãng, rất thích hợp để khách gọi một tách cà phê đen nóng, chậm rãi chờ đợi từng giọt chảy qua phin. Không khí Đà Lạt không thích hợp để khách dùng cà phê đá hay cà phê hòa tan, ngược lại cà phê phin là lựa chọn hiển nhiên. *Đi đâu mà vội mà vàng, phí của trời!* Chủ nhân cũng như người phục vụ cà phê ở Đà Lạt là những người biết thụ hưởng tính thanh lịch của vùng đất hiếu khách truyền thống nổi tiếng này, và đã thể hiện cung cách nhẹ nhàng, nói năng lịch sự.

Phải chăng họ là con cháu nhiều đời những lưu dân trước đây từ miền Trung vào lập nghiệp từ lúc Đà Lạt còn hoang vu? Phải chăng họ thuộc gia đình những công chức trước đây "bị" Đà Lạt quyến rũ để trốn đời định cư tại đây? Phải chăng đời sống của họ quá sức khó khăn để từ miền Bắc vào đây tìm đường sống? Một chút hỏi chuyện người dân ở đây sẽ cho bạn biết quê quán của họ, và qua nét mặt và lời nói, thoáng chút hoài hương.



Những biến động của lịch sử khiến Đà Lạt xa dần cốt cách sang trọng và thanh lịch của một thành phố nghỉ dưỡng bậc nhất Đông Nam Á. Dân số càng tăng lên thì đời sống càng khó khăn, nhà cửa xây dựng một cách tùy tiện, lỏ nhỏ, kiến trúc loạn xạ, đồi núi loang lổ, rừng thông thu hẹp. Chuyện cà phê cũng thế, người ta phát triển diện tích cà phê một cách ồ ạt, thiếu thâm canh và giữ giống tốt, chạy theo giá cả nhất thời trước mắt; đó là chưa kể cây cà phê lấn rừng tự nhiên, áp đảo rừng thông làm biến đổi khí hậu, giảm nét đẹp cổ hữu. Nhà nước và dân cần phải có một kế hoạch chung để dần dần chuyển đổi loại cà phê phẩm chất kém sang loại cà phê cao hơn.

Cà phê và chè là một lợi thế của Đà Lạt trong kinh doanh du lịch. Trong tour tham quan Đà Lạt, có thể thiết kế một chương trình đi thăm đồn điền chè và cà phê Cầu Đất ở độ cao 1.600m, trên đường đi du khách có thể thưởng ngoạn những cánh rừng thông bạt ngàn, những thung lũng trồng hoa, trồng rau; đến nơi du khách thăm cơ sở chế biến, thu hái, thưởng thức một tách chè hay một ly cà phê nóng trong sương mù se lạnh, mua quà lưu niệm; trên đường về có thể tham quan thung lũng vàng, một công viên hoa rộng lớn, lộng lẫy mà khó nơi nào có được.

Cũng trong kinh doanh du lịch, cà phê Đà Lạt phải có thương hiệu xứng đáng để du khách thưởng thức vị ngon riêng của Đà Lạt, nhất là cái chất đặc trưng và chút chua thanh trên đầu lưỡi, rồi sau đó là dư vị ngọt thơm lừng lừng của cà phê arabica. Hiện nay người dùng bình thường trên mọi miền đất nước quá quen với cà phê đen sánh, đậm đặc, dù biết rằng đó có thể là sản phẩm hỗn hợp của

cà phê và không biết bao nhiêu thứ "hầm bà lằng": đậu nành, bắp, hạt cau, thực địa, hương liệu,... và cả nước mắm nữa! Văn hóa của Đà Lạt phải vượt lên trên cái giá đó. Trước đây, miếng trầu là đầu câu chuyện, ngày nay, trong không khí trong lành của Đà Lạt, tách cà phê chính hiệu là lời mời gọi chân tình của bạn bè, là xúc tác câu chuyện làm ăn, là lựa chọn của người sành điệu.

Mỗi chuyến đi Đà Lạt là một trải nghiệm thêm về cuộc sống ở thành phố này. Không nơi nào

cho tôi thấm đượm các yếu tố: trời đất, nhân văn, cây cỏ cho bằng Đà Lạt. Để rồi sau mỗi lần trở về, nghe lại tiếng long cong đập nước đá lúc tờ mờ sáng của chị hàng xóm bán cà phê, tôi vẫn còn mơ Đà Lạt lúc tinh sương, Đà Lạt với những con dốc đầy hoa dại, Đà Lạt với con đường thông reo bên hồ Xuân Hương,..., Đà Lạt với ly cà phê bên đường mỗi buổi sáng sau khi tàn bộ. Nơi tôi đến và đi chỉ như một thoáng của cuộc đời, mà sao tôi vô cùng chung thủy với Đà Lạt? ■

Bão tố lũ lụt vẫn là chuyện thường niên của quê hương khốn khó Trung Việt, nơi đất hẹp và sỏi đá nhiều hơn cả cỏ dại. Vào mùa nắng, cơn nóng từ Hạ Lào tràn qua, các tỉnh miền Trung hứng chịu hơi thở khô khốc của khí trời. Có lẽ mỗi buổi trưa tất cả cư dân suốt một dải đất này đều phải ra khỏi nhà, tìm đến những bóng râm, hoặc đến bên các dòng nước, bờ suối, bờ sông, hy vọng nước bốc hơi giảm phần oi bức. Nhưng hấp thụ tia nắng mặt trời, nước từ các dòng chảy cũng hâm hấp như nước trên lò đang đun. Mình thấy con người luôn rịn mồ hôi như thợ làm bánh đứng trước miệng lò... Ấy thế mà, khi cơn mưa thu-đông ập đến, nước từ trời đổ xuống lại mang theo tai họa khôn lường, để rồi của cải, hoa màu suốt nửa năm tích góp của người dân được hà bá mang đi một cách ngang ngược; vài người có bốn mạng hap với Long cung còn bị rước theo một cách ngỡ ngàng không hề được thông báo! *Trời làm cơn lụt mỗi năm cứ như là chuyện thường ngày ở huyện.*

Thế nhưng chuyện ông trời nổi nóng đối với vùng đất Tây Nguyên lại là chuyện không bình thường. Chính vì thế mà từ các cấp chính quyền cho đến toàn thể dân cư vẫn cứ ý y như người vô sự. Vì ngoài cuộc chiến, đã bao giờ người dân Tây Nguyên bị thời tiết

khí hậu đe dọa cuộc sống của họ đâu? Chẳng những thế, những người sắc tộc vẫn tự tin cho rằng mình là con cưng của Giàng. Ngay cả những di dân từ các tỉnh miền Trung và phía Bắc vào lập nghiệp, họ cứ nghĩ họ là những con người lương thiện nhất, đem mồ hôi nước mắt đổ lên luống đất tởm để cho đời sống, đem công sức phá rừng san núi để xây dựng cơ đồ. Còn những kẻ sẵn bản tính dâm mưa dãi nắng đêm ngày để tận diệt những loại thú quý hiếm cung ứng cho thị trường, hoặc những công ty xí nghiệp giải quyết cuộc sống cho công nhân, thỉnh thoảng có tàn phá sinh thái hay thải chút ít độc khí và nước bẩn vào môi trường thì vẫn cứ xem như điều tất yếu...

Nhưng, với cuộc sống càng phát triển theo sự phát triển của các thành phố lớn, Tây Nguyên đã mất dần sự thơ mộng của phố núi. Xứ sở sương mù như Đà Lạt mà giờ đây người dân phải dùng máy lạnh. Rừng cao su, đồi thông đã được thu hẹp cho phố thị phát triển. Màu xanh của núi rừng bạt ngàn tiếp nối Trường Sơn đã nhạt màu bởi gỗ quý bị triệt hạ. Lá phổi thiên nhiên đã teo dần thì khí hậu phải đổi thay theo luật nhân quả công bằng. Kết quả, cơn bão số 9 thăm viếng các

Tây Nguyên bão lũ

MINH MÀN

**Hầu như Tây Nguyên
chưa bao giờ hứng
chịu sự hung hãn
của thiên tai như khi
phải đối phó với cơn
bão số 9 vừa qua.**

tỉnh cao nguyên, để lại cho Daklak, Gia Lai, Kon Tum một chứng tích thương đau ngay từ đầu thế kỷ!

Sau cơn bão, các cơ sở tôn giáo và người dân được an toàn cả trong vùng lũ bão lẫn ở những địa phương khác đã bắt tay vào cuộc kịp thời cứu tế những người còn sống và mai táng những kẻ kém may vừa ra đi. Từ Quảng Trị trở vào, các chùa tiếp nhận sự đóng góp và hướng dẫn những tấm lòng nhân ái đến tận nơi thăm viếng ủy lạo. Chính quyền địa phương nhanh chóng bắt tay chỉnh trang quốc lộ, hương lộ, cầu cống, nhà cửa cho đồng bào. Các kiểu bào cũng chia sẻ niềm đau bằng những đồng tiền khó nhọc kiếm sống trên quê người, gửi qua các ban từ thiện đưa đến tay đồng bào ruột thịt tại quê hương.

Ngày 14/10/09, chùa Vĩnh Nghiêm, chùa Liên Hoa, chùa Kỳ Quang... cũng đưa phẩm vật đến. Trước đó cũng đã có nhiều đoàn từ thiện sớm có mặt. Theo tổng kết chưa đầy đủ, tại làng Mỗ Bành, xã Dakna, huyện Tu Mơ Rông đã có 30 người thiệt mạng, 5 người bị thương, 6 người mất tích, 49 nhà sập đổ hoặc bị cuốn trôi, 52 nhà hư hỏng nặng, và một người mất tích do lở núi. Cầu Daktrăm bị sập. Cầu Dakrông bị cuốn trôi. Tại xã Yaxiar huyện Sa Thầy 12 ngôi nhà dân bị bão thổi sập. 9 hộ dân ở xã Dakha bị chìm trong lũ. Huyện Konprong cũng thiệt hại nặng nề. Mực nước sông Dakbla lên cao. Tại thành phố Kon Tum, một số nơi cũng bị sạt lở nặng như ở vùng Dã Tượng. Nước suối Dactơcan dâng cao cuốn trôi cầu sắt Benlây. Tại làng Konhnông, lúa và hoa màu bị nhấn chìm trong nước. Ở làng Tamring nơi cư ngụ của người dân sắc tộc Xê đăng, ruộng rẫy hoa màu đều ngập chìm trong lũ. Có 3 người trong cùng một gia đình bị núi lở chôn vùi mất xác. Xã Dakrơ có 4 người chết, 21 căn nhà sập đổ, hai cầu treo hư hại, trên 30 trâu bò bị trôi, hàng trăm gia cầm mất mát, hai đập thủy lợi bị phá hủy hoàn toàn.

Mặc dù Tây Nguyên không là trọng điểm của bão lũ, nhưng ngoài những thiệt hại về người, ước tính thiệt hại vật chất đã lên tới trên 2 ngàn tỷ đồng cho toàn Kon Tum, một sự cố nằm ngoài khả năng tự khắc phục của địa phương. Trước mắt, đã có các tổ chức phi chính phủ hỗ trợ 2,8 triệu USD và 20 tấn gạo cho miền Trung và Tây Nguyên. Riêng UBMTTQ Kon Tum đã nhận được 6 tỷ tiền mặt và hàng nghìn thùng mì ăn liền, 7 tấn gạo, 600 suất quà, áo quần, chăn mền... từ các doanh nghiệp như Hoàng Anh Gia Lai, Công ty Đầu tư Sài Gòn-Tây Nguyên, Viettel Kon Tum, Công ty Cổ phần Nông sản thực phẩm Quảng Ngãi. Ngoài ra, Tổ chức Lương nông Quốc tế thuộc Liên Hiệp Quốc cũng đã hỗ trợ cho Kon Tum 200.000 USD. Về phần quân đội, binh chủng phòng không - không quân đã góp phần vận chuyển vật phẩm từ Đà Nẵng lên Kon Tum và sĩ quan cùng binh lính thuộc Tỉnh đội Kon Tum cũng xông pha vào vùng sâu vùng xa vừa vận chuyển lương thực vừa đưa giúp đồng bào về nơi an toàn. Bên cạnh đó, những đơn vị như y tế, Hội Chữ thập đỏ, báo chí, các cơ quan, đơn vị và tư nhân đã nỗ lực vận chuyển cứu trợ kịp thời.

Trên tinh thần tích cực xoa dịu những đau khổ của người dân Tây Nguyên gần như lần đầu tiên phải đương đầu với



Lũ trôi cầu



Kẹt đường

bão lũ, chùa chiền và Phật tử ráo riết vận động quyên góp. Hàng ngày đều có các chuyến hàng do các chùa hoặc các đoàn thể Phật tử vận chuyển về Tây Nguyên như chùa Kỳ Quang, chùa Liên Hoa quận 5, chùa Vĩnh Nghiêm... mỗi ngày trên 10 chuyến hàng cứu trợ. Sáng 15/10/09, văn phòng Ban Thường trực TW GHPG cũng có mặt.

Đoàn chùa Kỳ Quang 2 kết hợp với thầy Truyền Cường, quý Sư cô và Phật tử người Hoa, thầy Huệ Minh, Minh Khương, Minh Thọ, Văn Phong... vào tận xã Dak p'xi, cách Dakha trên 30km đường lấy lối phải nhờ xe cẩu đưa các xe bị lún sinh qua truông, thế nhưng, vào hơn 10km nữa, đến xã Dak P'xi, đoàn phải chuyển sang sử dụng xe hai bánh để vào 9 ấp vào sâu trong vùng chập chùng núi rừng. Trên 10km đường lấy lối, có nơi phải đi bộ, nước chiếm hầu hết các truông và vùng trũng, có nơi dòng nước cắt đứt mặt đường, tạo một hố sâu, xe phải lội nước lấy trớn mới có thể trườn lên đối dốc thật cao, có xe bị trơn trượt lật ngã rơi xuống suối. Con đường bình thường vẫn bảo đảm việc lưu thông nhờ có một cây cầu đúc nhỏ vắt ngang một con suối, nay bùn sinh lấp cả mặt cầu. Mặc dù đường đất đỏ ôm sát sườn núi, nhưng mặt đường biến thành những rãnh lươn sâu hoắm, xe hai bánh vất vả lắm mới khỏi lết bánh xuống mương. Tuy các đoàn cứu trợ đã thông báo trước, nên lẽ ra, chính quyền phải thông báo cho dân biết để họ



Chùa Trung Khánh, Kon Tum



Đoàn cứu trợ

quy tập ra xã nhận hàng, nhưng khi hàng vào đến nơi, dân không ai biết, đoàn cứu trợ phải chia làm nhiều toán vào tận các ấp thì lúc đó dân đã đi rẫy!

Buổi chiều phát quà tại Dak H'ring, sáng hôm sau lại vượt trên 80km đến trao quà cho dân tại huyện K'long. Tuy đường xa khó đi và mệt, nhưng mọi người đều hoan hỷ.

Các ấp vùng xa bị cắt đứt với thế giới bên ngoài bởi sông suối và đất lở; có vùng, tuy dân không bị thiệt mạng nhưng tài sản không còn gì, ruộng rẫy bị ngập chìm dưới khối sinh hơn một thước. Những dãy nhà bên này sông của xã Dak P'xi sự thiệt hại quá lớn, hầu như không còn gì để gầy dựng lại cơ nghiệp. Vì đường bị cắt, các chuyến cứu trợ không cách nào vào tận nơi.

Người dân Tây Nguyên quanh năm sống bằng nương rẫy, mùa thu hoạch cà phê cũng là lúc đồng bào sắc tộc đi làm thuê để có thêm con mắm con khô cho bữa ăn mặn mòi. Còn thì họ chỉ ăn lá khoai mì hoặc rau rừng, nhiều nơi thiếu cả muối hột. Khi đến tận nơi, tiếp xúc với người dân sắc tộc, mới thấy có hai vấn đề mà chính quyền địa phương cần đưa thông cho người dân; đó là họ thường có đồng con và hầu như cứ lấy rượu làm vui.

Người dân Tây Nguyên hiền hòa chất phác, dân ở các vùng sâu đa số theo Tin Lành. Dak Hà là huyện sung túc nhất trong 7 huyện. Dak Hà có 5 hồ mà hồ Dak Uy lớn nhất tỉnh. Riêng Dak Hà có 8 xã, cuộc sống Dak Hà khá sung túc và nhiều ưu thế hơn các xã khác.

Đến Kon Tum, được biết cụ thể thêm:

Kon Tum là một tỉnh miền núi vùng cao giáp biên giới ở phía Bắc Tây Nguyên nằm trong tọa độ địa lý kéo dài từ

107°20'12" đến 108° 32'30" độ kinh đông và từ 13°55'10" đến 15°27'15" độ vĩ bắc, phía Bắc giáp với tỉnh Quảng Nam với đường ranh liên tỉnh dài 142 km, phía Nam giáp tỉnh Gia Lai có đường ranh dài 203km; phía Đông giáp Quảng Ngãi với đường ranh dài 74km; phía Tây giáp 2 nước bạn Lào và Campuchia với đường biên giới dài 275km. Kon Tum có diện tích gần 10.000km² chiếm 3,1% diện tích cả nước với 2 vùng khí hậu Đông Trường Sơn và Tây Trường Sơn. Dân số Kon Tum gần 38 vạn người với các dân tộc bản địa là Xê Đăng, Jê Triêng, Ja Rai, Ba Na, Brâu, Rơ Măm bên cạnh người Kinh và nhiều dân tộc thiểu số khác cùng chung sống.

Kon Tum có 9 đơn vị hành chính là thành phố Kon Tum cùng các huyện Sa Thầy, Kon Rẫy, Kon Plông, Đắk Hà, Đắk Tô, Tu Mơ Rông, Ngọc Hồi và Đắk Glei. Nhìn chung, phần lớn lãnh thổ Kon Tum nằm ở phía Tây Trường Sơn. Địa hình đa dạng: đồi núi, cao nguyên và thung lũng xen kẽ nhau có hướng thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.

Với mật độ dân số và diện tích như thế, Kon Tum có nhiều lợi thế để phát triển. Qua cuộc loạn lũ và bão, có thể thấy nhờ thành phố Kon Tum cũng được chuẩn bị để đối phó khá tốt nên mức tổn thất tương đối nhẹ hơn so với các bản làng xa xôi cách đó trên dưới trăm cây số. Tại huyện Dak Hà, các vị lãnh đạo địa phương đã đích thân vào các xã ấp để điều động nhân sự ứng cứu cấp thời. Chính quyền cũng cho thiết lập một số thùng đựng nước để cho nhân dân các xã có nước dùng khi cơn suối đã đục màu khôn khổ.

Rừng núi bị cây xói, không đủ điều kiện để giữ đất, đưa đến sạt lở; cây to bị sát phạt không còn điều kiện ngăn gió mạnh nên bão tố dễ hoành hành; nước tuôn từ thượng nguồn không có gì ngăn trở nhanh chóng làm ngập các bản làng. Chính những yếu tố môi trường không được bảo vệ tốt đã đưa đến thiên tai khủng khiếp như hiện nay.

Thiên tai không chừa một ai, các nhà khoa học cũng như những vị lãnh đạo các tôn giáo đã luôn báo động về tình trạng thay đổi khí hậu hiện nay nhưng chưa quốc gia nào có biện pháp chế tài thích hợp để người dân nghiêm chỉnh chấp hành hầu bảo vệ hành tinh xanh và cuộc sống an lành của nhân loại.

Tây Nguyên hay miền Trung, Việt Nam hay Indonesia, Philippines, Ấn Độ... bất cứ địa phương nào hay quốc gia nào cũng đều là có thể là nạn nhân của sóng thần, của núi lửa, của bão tố lũ lụt. Đã có trên 25 hòn đảo chìm vào đại dương và 200 hòn đảo có nguy cơ không còn trên địa dư thế giới. Dự báo vào năm 2050, miền Tây Nam Bộ Việt Nam sẽ bị biển xâm lấn phần lớn.

Phải chăng, thiên tai đến với Việt Nam qua cơn bão số 9 là một cảnh báo khẩn mà nhà nước nên quán triệt đến toàn dân về nguy cơ môi sinh, về cách sống bản thân và ngay cả về đường lối thực dưỡng?

Cứu trợ để chia sẻ, chứng kiến để cảm thông... như vậy cũng chưa đủ mà phải cảm nhận nỗi khổ của thiên tai sẽ là nỗi khổ của chính mình, của dân tộc mình trước cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Ta phải làm gì hơn chứ không chỉ chia sẻ và cảm thông là đủ. ■



Cha mẹ tôi học Phật

NGUYỄN MANH HÙNG

Niềm vui lớn vô bờ bến của tôi là cha mẹ tôi đã có chút hiểu biết về Phật, Pháp, Tăng và đã tu tập theo. Điều này cách đây vài năm, tôi khó có thể tượng tưởng nổi.

Bao năm nay cả cha và mẹ tôi đều hay đi chùa. Tuy nhiên, cũng giống như bao nhiêu người dân thôn quê khác, hai ông bà đến chùa chỉ để dâng hoa trái và cầu xin đủ thứ, từ sức khỏe, tiền bạc đến công danh sự nghiệp cho chính mình và cho con cái. Nhưng gần đây tôi đã thấy cha mẹ tôi vào chùa là để tâm của hai ông bà được an, để tu tập và học theo tấm gương của Đức Phật, để thực tập tu giới theo kinh Phật, để được tinh tấn. Cha mẹ tôi bây giờ thường ngày hướng về cõi Cực lạc của Đức Phật A-di-đà.

Mẹ tôi hay ốm. Cha tôi cũng vậy. Đủ thứ bệnh. Tôi đã nhiều lần giảng giải và phân tích để cha mẹ tôi tập thiền. Không biết có phải do hai ông bà còn quá bận bịu công việc đồng áng hay vì duyên lành chưa đến mà mãi không thấy cha mẹ tôi tập thiền. Tôi cũng đã nhiều lần hướng dẫn cho cha mẹ mình ngồi thiền mỗi lần tôi về quê. Khi có dịp lên thăm tôi ở Hà Nội, hai ông bà đều chứng kiến việc tôi thực tập thiền định rất miên mật. Và thế rồi cách đây quãng một năm, cả cha và mẹ tôi đều tham gia khóa thiền. Không những vậy, cả hai ông bà đều là thành viên tích cực của lớp. Thậm chí cha tôi còn được bầu là lớp trưởng, mẹ tôi là lớp phó và cả hai ông bà đều được mời làm trợ giảng để hướng dẫn thiền cho các học viên khóa sau. Hơn thế nữa, bây giờ ngày nào cha mẹ tôi cũng đi bộ và áp dụng thiền hành.

Mẹ tôi mắt kém, mà lại cứ hay nghĩ rằng bà đọc chậm và có trí nhớ không tốt. Tôi mua về nhà khá nhiều kinh Phật và các cuốn sách giảng kinh, truyền pháp. Gần đây tôi đã thấy bà tụng kinh. Mẹ tôi tụng chậm nhưng rõ ràng. Bà tụng bằng cả tâm thành kính của mình. Cha tôi thì lễ rất giỏi. Ông có thể lễ cả chục lễ mà không mệt. Ông lại còn hướng dẫn và phân tích cho tôi lễ như thế nào mới đúng, mới khoa học. Tôi mừng khôn xiết.

Tôi mua tặng mẹ mình nhiều chuỗi tràng hạt. Bà cũng tự mua tràng hạt cho mình. Bây giờ mẹ tôi rất hay niệm Phật. Có lúc bà vừa lẩn tràng hạt vừa niệm Phật. Có khi mẹ tôi niệm Phật mà không cần tràng hạt. Tôi cảm động nhất khi mấy mẹ con đi bộ cả chục cây số từ chỗ xe đỗ đến chùa Phật Tích (tỉnh Bắc Ninh) để chiêm bái Phật Ngọc mà mẹ tôi không kêu mệt. Ở cái tuổi bảy mươi như vậy là quá quý. Lúc về tôi cùng bao người để nghị mẹ đi xe ôm, nhưng bà không chịu. Bà quyết đi bộ. Sau này tìm hiểu ra tôi mừng rơi nước mắt - mẹ tôi vừa đi vừa niệm Phật.

Ngày xưa vào chùa mẹ tôi thường chỉ cầu cho chính mình và gia đình. Nay tôi biết bà thường xuyên nguyện cầu bình an và sức khỏe cho dân làng. Mẹ tôi còn cầu mong cho sự ấm no và bình an cho cả nhân loại. Tôi nhớ, có lần tôi phân tích rằng người dân, và cả Phật tử nữa có một sự đối chác quá rõ rệt với Đức Phật. Họ mang lên chùa vài quả cam, nải chuối, bó hoa mà cầu cho mình nào là tiền bạc, nào là danh vọng, nào là sức khỏe. Người ta tham lam quá và sự đối chác này là quá phi lý. Mẹ tôi cười. Và bà đã ngộ ra nhiều điều.

Nhà chúng tôi có một người thím rất hay gây gổ và thường tạo các sự cố trong dòng họ. Cha mẹ tôi thường xuyên im lặng. Ai cũng kêu rằng cha mẹ tôi hiền quá. Cha tôi nói rằng dù sao cũng là anh em trong nhà. Mẹ tôi thì cho rằng thím cũng đâu sung sướng gì. Mẹ tôi vẫn thường xuyên sang thăm thím. Nhất là từ ngày thím bị tai biến mạch máu não, bị liệt. Nhiều người nói rằng thím làm ác nên bị quả báo theo thuyết nhân quả nhà Phật. Có người còn kêu độc miệng rằng "đáng đời" nhưng cha mẹ tôi một mực thương thím, cầu mong thím mau lành bệnh. Thím cũng là một người dân, một chúng sinh, hơn nữa những gì đã làm chỉ là quá khứ.

Cha mẹ tôi hay ăn mặn. Lần nào chúng tôi về quê thăm cha mẹ, hai ông bà cũng mua nhiều thịt, gà về chiêu đãi con cái. Tôi vận động cha mẹ mình ăn chay. Hay ít nhất cũng chuyển dần: giảm dần ăn động vật bốn chân rồi bỏ hẳn sang ăn động vật hai chân. Sau bỏ ăn động vật hai

chân sang ăn tôm cá. Và cuối cùng là ăn chay. Tôi phân tích để mẹ tôi giảm dần ăn mặn. Lúc đầu bà chưa chịu, nói rằng nếu không ăn thịt thấy thiếu sức. Gần đây tôi đã thấy cha mẹ tôi cố gắng thay đổi, bớt ăn thịt đi rất nhiều. Cha mẹ tôi chưa ăn chay trường nhưng cũng đã hiểu về sát sinh, hiểu rằng ăn chay không chỉ là giữ giới mà còn vì sức khỏe của chính mình. Tôi mừng quá đổi.

Mấy lần gần đây về quê, tôi thấy cha mẹ mình khỏe hẳn ra và vui nhiều. Ngày xưa khi bị bệnh mẹ tôi hay kêu ca. Ngày xưa bà than trời trách đất khi gặp chuyện chẳng lành. Nay mẹ tôi đã biết rằng tất cả là do nhân quả, mình làm mình chịu, rằng ai ăn người ấy no, ai tạo nghiệp thì người đó chịu. Tôi biết cha mẹ tôi đang tu tập từng ngày. Và còn mừng hơn nữa khi hai ông bà đang khuyên giải và rủ những người khác cùng tu tập. Niềm vui trong tôi như được nhân lên nhiều lần. ■



Ảnh chỉ mang tính minh họa



Đàn chim sẻ

ĐẶNG NGỌC TRẦN

Trên một cánh hồng thấp, tôi gắn một tấm bảng pha màu không dùng nữa để đựng cơm cho đám chim sẻ. Ngày lễ Vu lan, người ta săn chim, bắt cá để rồi lại phóng sanh cầu phước. Đám chim, cá ấy trước khi được trở lại với trời với nước đã từng phen hú vía vì sinh mệnh của mình. Làm mất tự do để rồi lại ban ơn như một người bố thí. Sao phúc tạp thế?

Sống trong một ngôi nhà có diện tích tương đối lớn nhưng vẫn có cảm tưởng chật chội vì tường không đủ chỗ cho tranh, lại chẳng phải làm việc gì khác ngoài việc vẽ tranh, tôi phụ vợ việc bếp núc. Mới nói nghe cũng có vẻ đấy, nhưng thật ra tôi chỉ đảm nhận việc nấu cơm và nấu cơm bằng nồi điện thì ai chả làm được. Trước khi đóng gạo, tôi vẫn quen rửa nồi thật sạch sẽ và những hạt cơm thừa tôi đều đem đổ dưới gốc cây hồng trước nhà. Có một vài con chim sẻ đến nhặt cơm ăn. Những khi cơm thừa hơi nhiều thì chúng kéo đến đông hơn. Cứ thế, bữa ăn của đàn chim bắt đầu vào đúng chín giờ sáng cho đến khi mặt đất không còn hạt nào. Bỗng một hôm có hai người khách

không mời của đàn chim xuất hiện. Đó là cặp chuột đen làm hang dưới chân cột nhà. Vẫn biết đàn chim và hai con chuột đều là những con vật ngoài trời, nhưng chẳng hiểu sao tôi vẫn cứ muốn dành những hạt cơm trắng cho đàn chim chứ không phải hai con chuột. Tấm bảng pha màu được treo lên cao nhằm tạo thuận lợi cho đàn chim, cũng là để đối phó với cặp chuột.

Một ngày, hàng rào cây xanh cạnh gốc hồng được cắt xén ngay thẳng. Cơm thừa đã bỏ lên tấm pha màu từ lúc chín giờ sáng, vậy mà hơn mười giờ đàn chim vẫn chưa đến. Một mẫu vật màu nâu nhạt từ trên cành nhẹ nhàng rơi xuống sân, tưởng chừng là một chiếc lá vàng, nhưng tiếp theo chiếc lá tưởng tượng lại bung lên mấy bước như được gắn lò xo. À, té ra đó là một chú chim sẻ. Nó không sà vào mâm cơm dọn sẵn như mọi khi. Vì hàng rào mới được chặt. Vì có sự thay đổi. Sự thay đổi tưởng chừng nhỏ nhặt đó lại là một sự kiện quan trọng với bảy chim. Tận mười hai giờ trưa, bảy chim vẫn không đến. Tôi cũng còn phải lo cho bữa ăn và giấc ngủ trưa của mình. Hai giờ chiều thức giấc, việc đầu tiên là tôi chạy ra xem bữa ăn

cho đàn sẽ có được chúng chiếu cố hay chưa.

Mây đen như một tấm mùng vĩ đại từ hướng đỉnh Lang Biang kéo về thành phố. Tiếng lộp bộp trên mái tôn bắt đầu gõ nhịp ngày càng nhanh theo kim giây đồng hồ. Mặt sân lốm đốm những dấu cào gai thu nhỏ. Phần cơm trắng trên bảng pha màu có lẽ cũng đã bắt đầu thấm nước.

Đàn chim sẽ là những sinh vật có tâm hồn. Sự tàn bạo của con người đã làm cho chúng e dè sợ sệt. Tôi tôn trọng sự tự do của đàn chim. Đàn chim cũng có thói quen đòi bữa ăn vào lúc chín giờ sáng. Đúng thời điểm hàng ngày nếu chưa thấy cơm trên đĩa pha màu và khi thấy tôi lảng vảng trước sân, một vài con đảo qua đảo lại như nhắc nhở. Tôi vẫn coi đàn chim sẽ cũng là đàn cháu ngoan. Được lắm chứ. Ngày nào ông bà cũng dành cho chúng một chén cơm xấp xỉ một suất ăn của mình. Qua lớp kính khung cửa sổ, tôi có thể phân biệt những con chim lớn, có lẽ là chim bố mẹ và những con chim con.

Qua hết một ngày và một đêm mưa gió. Trên mặt sân còn ướt, vài vũng nước hình dạng, kích thước khác nhau phản chiếu một mảng mây, hay một phần tán lá hồng và hàng rào xanh thẫm. Cơm buổi hôm qua vẫn còn đó, không biết đã bị thiu chưa. Nếu hôm nay chúng không chịu ăn tôi sẽ thay cơm khác. Tôi cảm thấy lo lắng cũng giống như vợ tôi lo lắng khi đứa cháu ngoại không nhéo biếng ăn.

Trời hành nắng. Mấy con chim con đậu trên cổng nhà sà xuống một vũng mặt trời nho nhỏ. Tôi vẫn đứng bên trong cửa sổ chăm chú theo dõi sinh hoạt của đàn chim.

Một con sẽ đến đậu trên cành cây nơi treo bảng pha màu, nhìn vào phần cơm trắng. Trong lúc ấy lảng vảng vài con trên những cành cao hơn. Tôi thầm hy vọng chúng sẽ dạn hơn. Thay vì đậu cạnh bữa ăn, con chim bỗng vút bay như bị săn đuổi. Thế mà ai đó vẫn nói: "Chim tham ăn sa vào vòng lưới/ Cá tham mồi mắc phải lưới câu". Khoảng mười phút sau, có lẽ con chim ấy đã

trở lại, nó tiến sát phần ăn hơn trước, nhưng cũng tương tự như lần đầu, nó lại vút bay. Đến lần thứ ba, tôi đoán cũng chỉ là con chim lúc nãy, nó trở lại với một con khác. Chúng bắt đầu mổ vài hạt rồi cùng bay đi.

Bữa ăn nguội của đàn chim vẫn còn đó. Tôi vẫn nấp sau khung cửa sổ, chờ đợi.

Rồi việc gì đến cũng sẽ đến. Đàn chim sẽ đã cảm thấy an toàn. Chúng gọi nhau. Ba con, bốn con rồi đến cả hơn chục con. Chúng ăn và đùa giỡn làm rơi nhiều hạt cơm xuống gốc hồng. Đàn chim non hầu như vô tư, chúng vẫn tung tăng trên sân, trên hiên nhà. Một vài con đến chỗ cơm rơi vãi ăn một cách an bình không bon chen vội vã. Trên mâm chính, đàn chim thay nhau mổ thức ăn. Con này bay đi, con khác lại đến.

Bởi cơm đánh không được tươi, còn lẫn lộn một số cơm dính cục. Một con sẽ ngoạm được một cục bằng đầu ngón tay, sà xuống sân. Trong lúc đang cố gỡ những hạt còn dính vào nhau, một con chim khác đến chia phần. Té ra loài chim cũng có con láu cá. Thay vì cùng nhau chia sẻ cục cơm, con mới đến lại giật nguyên phần của bạn bay lên mái tôn để thưởng thức riêng. Con chim bị mất phần không đuổi theo kẻ cướp. Nó tung tăng về phía gốc hồng để tiếp tục nhặt những hạt cơm trắng rơi từ bảng pha màu.

Nhìn bảy chim rộn rã chia nhau những hạt cơm trắng mà tôi đã giành phần cho chúng và hồi hộp chờ chúng đến thưởng thức, tôi cảm thấy có một niềm hạnh phúc đang lặng lẽ len vào tâm. Thì ra, mọi người đều có thể chia sẻ hạnh phúc với cả những sinh vật nhỏ nhất bằng những phương tiện khiêm tốn nhất. Tôi mỉm cười, và tự cười mình lại suy nghĩ như một nhà hiền triết cổ đại! ■





Tảo mộ

HUỆ GIAO

Khác với mọi khi, sáng nay bà chuẩn bị đi chợ sớm. Nói là sớm, nhưng cũng đã gần chín giờ. Dù sao thì hôm nay bà cũng đi chợ sớm hơn mọi khi, vì hàng ngày bà vẫn có thói quen đi chợ khi mặt trời đã lên hắt trên cao; lúc ấy, bà biết rằng các gian hàng trong siêu thị đã được sắp đặt đầu vào đó, xét ra cũng đã gần đến trưa. Chẳng biết bà muốn mua những gì mà một vài người quen gặp bà ở chợ thấy bà cứ đi tới đi lui suốt vòng ngoài của siêu thị, rồi dừng lại ngắm nghía khu vực trưng bày những chậu hoa. Cứ nhìn ngó rồi lại đi ra đi vào như thể chưa có cái gì vừa ý để bà quyết định mua cả; mỗi chân thì bà đến ghé ngồi. Nói đến hoa xứ lạnh thì quá tuyệt; khó có thể diễn tả hết cảm nhận về những gì thiên nhiên đã ban tặng cho con người; nhất là vào mùa hè khi thời tiết ẩm áp, ôn hòa, muôn hoa đều màu nào ra màu đó, không pha lẫn tạp sắc, hoai sắc; nhiều lúc thoạt nhìn không phân biệt được hoa giả hay hoa thật.

Thì ra bà vẫn đang chờ xem cô gái chăm sóc gian hàng hoa có còn mang thêm những giỏ hoa đẹp ra nữa hay không. Cô ta cũng đi tới đi lui, tưới nước, sửa cây này tĩa nhánh kia, chuyển chỗ chậu nọ, sắp đặt, nâng đỡ những cành lá bị lấn áp, đè bẹp, để có được một vườn hoa chậu xinh đẹp bắt mắt khách hàng và những người yêu quý hoa. Theo kinh nghiệm của bà, những chậu hoa, lồng hoa đẹp thường được đem ra rất muộn; muốn mua được hoa đẹp, người mua hoa phải biết chờ đợi và kiên nhẫn ngắm nhìn, cẩn thận lựa chọn. Một chút kinh nghiệm thế thôi, chứ thực ra bà chẳng hiểu mất thẩm mỹ là thế nào và bà cũng chẳng có năng khiếu nghệ thuật gì gì cả.

Hôm nay bà mua hoa để đi tảo mộ, theo một thói quen và là tập tục của người Việt Nam, mặc dù bà hiện nay không còn sống ở quê nhà nữa. Tất nhiên, con người khi đến nơi ở mới thì phải hòa nhập vào tập tục địa phương, nhưng việc tìm lại cái gì đó phù hợp với thói quen tâm linh lâu đời của mình có thể là bản năng muôn thuở của con người, như để tìm về một quá khứ xa xôi nào đó còn đọng trong ký ức và sâu lắng trong chiều sâu tâm khảm. Ở quê nhà, ngày tảo mộ thường rơi vào dịp cuối năm hoặc vào tiết thanh minh là một ngày nằm trong khoảng tháng Hai hay tháng Ba âm lịch. Trong những ngày ấy, mọi người rủ nhau đi tảo mộ của tổ tiên nhiều đời, của cha mẹ và những người thân đã quá vãng, coi như là một cử chỉ chăm sóc ngôi nhà của người thân với ý nghĩa sâu xa là sự để tỏ lòng biết ơn và tình thương yêu trân quý; cũng còn có ý nghĩa khác là một sự tiếp nối của quá khứ vào hiện tại.

Người phương Tây cũng có ngày tảo mộ nhưng ngày ấy lại là ngày đầu tháng Mười Một hàng năm. Vào dịp ấy, nhiều người cũng cố gắng tận dụng ngày nghỉ để đi tảo mộ; phần lớn họ là những người đứng tuổi đã về hưu. Hình như người già sống thiên về quá khứ nhiều hơn; tâm trí của họ nhớ lại những chuyện đã qua nhanh hơn so với việc nhớ nghĩ những gì sẽ thấy và đang thấy; cho nên người lớn tuổi thường nói về quá khứ hơn là quan tâm đến hiện tại. Người ta cũng thường thấy có những người trẻ tuổi bên cạnh những người già đi tảo mộ ở bên trời Tây này, nhưng thật ra đó chỉ là cử chỉ nối tiếp, ban ân huệ do sự nhờ vả của người khác, chứ không xuất phát từ tâm niệm hiếu thảo đối với ông bà cha mẹ. Người phương Tây đi tảo mộ không ồ ào

như mình; nghĩa trang đối với họ cũng là nơi chốn thiêng liêng để cầu nguyện, là nơi cần phải gìn giữ và bảo quản cho được sạch đẹp. Nghĩ đến đây, bà hồi tưởng những khu nghĩa trang bên quê nhà. Có thể nói không ít những nghĩa trang ở quê nhà là một nơi chốn hỗn tạp. Mặc dù ai cũng muốn ngôi nhà của người thân mình nằm đó luôn sạch đẹp, nhưng người Việt mình không thắng nổi bản tính cầu thả thiếu cẩn trọng dù hiểu rằng đó cũng là nơi chốn cần phải giữ được sự tôn nghiêm.

Một bó hoa, một hộp đèn cầy, vài thỏi socola, vài quả táo quả lê cắm trên tay, bà lặng lẽ đặt tất cả xuống trước phần mộ của người thân và im lặng. Thay vì bà phải nhổ cỏ, vun đất, và lượm rác như thói quen hồi còn ở quê nhà, nơi đây bà không cần làm gì thêm, vì toàn thể khu nghĩa trang này đã quá sạch đẹp; những người có trách nhiệm trông coi nghĩa trang đã làm việc của họ một cách tận tụy, đầy ý thức tôn trọng những linh hồn đang yên nghỉ trong phạm vi chăm sóc của họ. Bà cũng tò mò tìm hiểu xem những người đi tảo mộ ở đây có làm gì không để làm theo; vì trong tâm trí của bà, hình như vẫn còn thiếu cái gì đó thật là quan trọng. Sự tĩnh lặng của không gian nghĩa trang, sự kính cẩn đến mức im lặng của người đi tảo mộ đã làm cho mọi ký ức của bà dừng lại, không cho phép bà suy nghĩ miên man.

Hình bóng người nằm dưới lòng đất sâu đã gần mười năm rồi bắt đầu hiện hữu trong ký ức của bà. Mặc dù bà vẫn thường xuyên đến thăm và đốt hương chứ không phải chỉ đến ngày tảo mộ. Nhưng hôm nay, bà vẫn cảm thấy có một sự khác biệt lạ thường. Nỗi đau của bà hình như tăng lên, tăng lên với bao nhiêu tâm niệm khác của tất cả mọi người cùng đến đây hội tụ lại. Những ngày kia là những ngày đi đến theo thói quen và đến vì thương nhớ con, còn hôm nay là một lễ hội. Có thể nói không gian của lễ hội đã làm cho ký ức của bà trở về từ muôn kiếp. Hình bóng người con trai út cứ diễn ra, nào nụ cười, tiếng nói, những lúc vui đùa, những ngày bệnh tật; hầu hết sở thích và tính nết của con bà đều hiện hữu mồn một trong ký ức. Từ ngày dặt nó trên tay, lăn lộn qua xửng người, chăm sóc nó mỗi ngày hai bữa, đưa nó đến trường, dõi theo nó khi nó xách cặp ra khỏi nhà. Thế mà giờ đây, bao nhiêu ước mơ, bao nhiêu hy vọng dành cho nó, đều nằm lặng im dưới nắm mồ lạnh buốt này, thì có nỗi đau nào đau hơn nữa không.

Sự yên tĩnh của nghĩa trang cộng với sự cảm lặng của nỗi đau cồn lên trong tâm trí khiến ý thức của bà trở nên khúc khuỷu và biến thành những giọt nước mắt trôi lăn trên má. Những giọt nước mắt của người mẹ khóc con mới da diết và buồn thảm làm sao, nó nặng nề hơn, tức tưởi hơn tiếng khóc của trẻ thơ vắng mẹ. Đôi tay gầy guộc rung mạnh khi bà lần tìm chiếc khăn nhỏ trong túi áo để che giấu nỗi xót xa của mình; nỗi xót xa khó có thể chia sẻ cùng ai. Ai có thể hiểu và đồng cảm nỗi đau này, và nhất là có ai hiểu được tình thương của mẹ dành cho con.

Mỗi khi chùa có lễ vào ngày Chủ nhật, bà là người thường xuyên đến trễ. Ban đầu mọi người còn thắc mắc, nhưng về sau thì ai cũng biết là bà còn phải đi thấp nhang cho

đứa con trai út vừa qua đời, sợ nó nằm một mình lạnh lẽo. Câu chuyện mà bà có thể kể thường xuyên với mọi người không gì khác quanh chuyện đứa con đã chết. Mới đầu thì mọi người còn hỏi han, chia sẻ; về sau, mọi người đều im lặng vì không ai muốn khơi lại nỗi đau của bà. Thế mới biết bà thương con đến chừng nào; bà nghĩ, tình mẹ bao la đến mức thế giới hạn hẹp khó có thể diễn tả hết nổi.

Bà đau khổ lắm. Thời gian con bà mới mất, bà đã như người điên dại, khóc cười khó hiểu. Ai an ủi vỗ về cũng chẳng thể làm cho tâm trí của bà nguôi ngoai. Nhớ có lần, một vị thầy chủ giảng cho buổi lễ Vu lan. Thấy giảng pháp ca ngợi về tình cha nghĩa mẹ, nhắc nhở mọi người tưởng nhớ đến ân đức sâu dày của hai đấng sanh thành và nghĩa hiếu của người con. Giữa buổi giảng, bỗng nhiên bà òa khóc. Thấy tưởng đâu bà nhớ đến cha mẹ quá vắng, hỏi thăm mới biết rằng bà còn cha mẹ ở quê nhà. Bà chỉ nhớ con!

Nhân đó, thầy kể cho bà nghe về câu chuyện trong quá khứ, cũng có một người mẹ như thế vào thời Đức Phật còn tại thế: "Người mẹ đó cũng điên dại khi đứa con cưng của bà không may qua đời, khóc than luôn ngày lẫn đêm. Đức Phật dùng phương tiện thiện xảo, khuyến dụ bà đi tìm một ngôi nhà nào mà không có người chết, xin cho Ngài một nắm đất, rồi mang về để Ngài làm phép cho con bà sống lại. Bà liền nghe theo đi tìm khắp nơi nhưng không có nhà nào lại không có người chết. Nhân đó, Đức Phật nói cho bà nghe về sanh lão bệnh tử, đó là những sự thật của cuộc đời, con người không ai tránh khỏi điều này, vô thường sống chết, còn mất là sự thật đau khổ, người đã mất thì không thể than khóc mãi rồi người đó có thể sống lại được, hãy nên làm một việc gì đó để người chết có được ích lợi và thanh thân hóa kiếp". Câu chuyện thầy kể xong, bà nghe rồi im lặng, hết khóc, nhưng không biết bà nghĩ ra được điều gì.

Sau buổi giảng, mọi người trở về nhà kết thúc một ngày tu học tại chùa, có lẽ tâm thái họ đều thấm nhuần an lạc, đạo lý tình người dạt dào được soi sáng tâm can. Riêng bà, đoạn đường phía trước đi về thật là mênh mông và cô đơn quá, cái lạnh của băng tuyết mùa đông càng lạnh hơn khi ngôi nhà vắng tanh, không có tiếng nói tiếng cười của những đứa con khi cha mẹ ở tuổi xế chiều. Mới biết rằng người già họ có cần gì đâu, có mong muốn gì cao siêu nữa đâu. Họ chỉ mong rằng trái tim được sưởi ấm bởi lòng hiếu thảo và việc nhớ nghĩ đến cha mẹ của những người con.

Con đường mòn đi ngang qua cánh rừng yên tĩnh, mùa thu lá vẫn rơi, đông đến cây yên giấc, hè sang trăm hoa trở cảnh, ngôi nhà nguyện im lìm trong một góc nhỏ ven rừng luôn mong chờ những tâm hồn đang cần sưởi ấm, trấn tĩnh... Bằng chỉ đường dẫn đến nghĩa trang vẫn là lối đi về thường ngày của bà, nếu không đến thì sự thiếu thốn và trống vắng tràn ngập trong trái tim người mẹ. Mặc dù lễ hội đã qua, nỗi thiếu vắng khi mất con trong người mẹ biết đến khi nào mới được phủ lấp. Mới biết rằng: "Mẹ già hơn trăm tuổi vẫn thương con tám mươi. Ân ái có đoạn chẳng, chỉ hơi thở cuối cùng". ■

Nhà bếp của má tôi

HUYNH VĂN

*May được sống nhờ con, được
ở trong ngôi nhà hiện đại có
đủ cả phòng ăn, nhà bếp sang
trọng và tiện nghi khiến tôi cứ
ngùi thương cái nhà bếp lọ lem
của má tôi hồi xưa.*

Ngôi nhà ngày xưa của gia đình tôi có ba gian hai chái, tuy mái tranh vách đất mà được cái gọn gàng, ngăn nắp. Ba tôi là chủ nhà ở *nhà trên* để tiện việc hương khói ông bà; lũ chị em chúng tôi ở *nhà dưới*; còn má tôi thì vừa ở *nhà buồng* vừa ở *nhà bếp*. Nhà buồng là buồng ngủ, là chỗ má ở cử đám con của má tức là chị em chúng tôi, còn nhà bếp là chỗ để má thức và làm lụng từ sáng đến tối.

Nhà bếp của má tôi khá rộng rãi, có diện tích chừng 16 mét vuông, úp mặt về phía sân cát là nơi đặt bể non bộ, và cũng là chỗ trống mà bây giờ người ta gọi là giếng trời; ba mặt còn lại được vây kín bởi các bức vách trát đất trộn rơm nứt nẻ, sù sì. Ba tôi đã giúp má làm "nội thất" cho nhà bếp. Trên nền đất nện đen bóng, dựa vào một bên vách ở cuối gian bếp, ba tôi cho đặt hai bộ ông táo bằng đất sét nặn phơi khô. Dọc một bên vách ở phía bên phải, ông cho sắp xếp một loạt những cái tìn sành, những chiếc hũ đất nung... cái đựng muối hột, cái đựng mắm cua, cái đựng nước tương... cái nào cũng đầy nắp hoặc bịt miệng bằng lá chuối, lá tre kín mít. Những hũ những tìn đó lâu ngày có cái bị vỡ ra, má tôi bỏ đi, thay cái khác, để cho lũ con lít nhít của má lựa lại những mảnh sành rồi vanh tròn chơi trò đánh chuông hoặc ném thia lia... Dọc vách phía đối

diện, nghĩa là ở phía trái của nhà bếp, ba tôi đặt bộ cối xay lúa có cái tai cối to hơn tai bồ, giăng xay dài hai thước móc vào thanh đà nhà đen nhem vì ám khói. Giữa nhà bếp còn có một khoảng trống, là nơi dành cho má tôi *vấn* cối ra giã gạo. Má tôi thường giã gạo chày đôi với người chị dâu của tôi hoặc chị Hai tôi, là người con gái lớn nhất của ông bà. Lâu ngày, chỗ đặt cối giã lõm xuống, in hình vuông dẹt cối. Ba tôi còn "bổ sung" một gác bếp bằng những thanh tre ghép lại để có chỗ hun khói mọi vật dụng, từ bó lạt tre, bó hom tre đến các loại thúng, rổ, mề, trệt... đan bằng nan tre. Nơi má tôi ngồi làm bếp, vừa tầm tay với của bà về phía bên trái, ba tôi đắp một găm kệ bằng đất trát, cao chừng năm tấc, làm chỗ chứa chất đốt như rơm, củi, vò trấu...; ở phía bên phải, ba tôi đặt một cái cũi – có nơi gọi là chạn – hai tầng bằng khung tre, gài các mảnh phên đan bằng tre vây kín bốn mặt xung quanh và hai mặt đáy cũi, đỉnh cũi. Sóng chén được đặt trên đỉnh cũi. Ở một trụ cũi, má tôi cột chặt vào đó một ống so đũa. Ống so đũa cao khoảng một thước, có nhiều tầng, làm bằng ống tre cưa lỗ làm miệng, ở tầng trên có đựng mấy bó đũa con, ở tầng giữa có vài chiếc vá muống, và ở tầng dưới cùng má tôi thường cắm vào đó vài bộ đũa bếp hay còn gọi là đũa cái. Vò sành đựng nước hoặc chậu thau nước đặt ở sân cát lát

gạch thường bị đóng rêu xanh. Tính má tôi kỹ lưỡng, do đó bà đặt vò nước trên một tảng đá ong có đặt sẵn một chiếc gáo dừa, đây nắp bằng nón mè vanh vừa vặn, còn thau nước thì được bà đặt trên giá tầy. Nhà bếp của má có nhiều đòn ngói, cái dành cho má ngồi đun bếp, cái khác để cho má tiếp khách hàng xóm sang chơi, tiện đâu ngồi đấy cùng trò chuyện. Chuyện quanh bếp lửa hồng với má tôi thường là chuyện nhờ vả, vay mượn lẫn nhau. Khi thì khách do má mời đến để kêu *công cây công cấy*, kèm lời hứa cho mượn gĩa lúa giống. Khi khác lại là những người khách tự đến hỏi mượn gàu dai tát nước, sợi dây dừa hay cây đòn gánh lúa... Và cả chuyện "thời sự dễ trong bụng là không chịu được" như chuyện cô con gái nhà nọ chữa hoang hay chuyện ông Lý đương vừa cưới thêm vợ bé... Ba tôi còn kê bộ ván xoài nối với nhà bếp để làm chỗ dọn cơm cho ông bà nội tôi ngồi dùng bữa vào những hôm nhà có khách. Cơm gia đình thường bữa được trải chiếu dọn dưới đất ngay phía trước nhà trước bếp; ai cũng bảo, cho được "thoải mái". Má tôi còn treo lơ lửng, cao khỏi đầu người, những gióng mây để đặt vào đó nỗi này, trả nợ đây ấp đó ăn mỗi khi cúi bị "quá tải" trong những ngày giỗ ngày Tết. Trong bếp của má "ngự trị" những bồ hóng, lọ nổi trà, và cả mùi hăng hắc của khói, của rơm rạ, của vò trấu cháy sém, cháy dở.

Gia đình tôi có mười hai miệng ăn. Ông bà nội, ba má tôi và tám đứa con đứa cháu của họ. Mười hai miệng ăn, mỗi ngày ba bữa hết mười muống dừa gạo, bằng mười bò thời nay. Thường ngày, mới gà gáy một lần má tôi đã thức dậy. Bà thổi bùng những đóm lửa ủ qua đêm thành bếp lửa rực rỡ để nấu bữa ăn sáng. Trong nhà, ngọn lửa bếp cháy soi hồng đôi má người phụ nữ mới sang tứ tuần; ngoài trời, bóng đêm dần lui, ánh ngày dần sáng, chim chóc bắt đầu chuyển cảnh và hót líu lo. Bữa sáng được má tôi dọn lên mâm, thường là nôi cháo trắng ăn với muối rang hoặc với cá cơm, cá nục ướp hành tiêu kho khô. Những khi cần đổi bữa, bà cho cả nhà một ổ khoai lang, mấy củ mì luộc hay chổng bánh trắng sống cuộn bánh trắng chín chấm mắm cá. Bữa trưa, bữa chiều, bà ngồi giữa hai bếp, đẩy lửa bếp bên này cho nôi cơm chín, thổi lửa bếp bên kia cho trà canh sôi. Bữa nào phải nấu nhiều món, bà liên tục nhắc trà này xuống, bắc nôi kia lên. Lửa rơm cháy rần rật, nóng hừng hực, nhìn má bên bếp lửa, lũ chúng tôi chỉ biết thương và tội nghiệp má nhọc nhằn. Hầu như bà không bao giờ rời khỏi bếp, vì lửa rơm dễ bùng dễ tắt, không khéo bị cơm khê, cơm cháy, cơm sinh, cơm sống, không sao ăn được. Chờ khi nấu xong, bớt lửa, bà mới ra sân cát uốn dẻo người, giải lao, thư giãn bằng cách xem bể non bộ với Lã Vọng ngồi thạch bàn câu cá, rồi ngược mặt nhìn bầu trời cao xanh với áng mây bay.

Thường tới khi mâm cơm đã đông người, ba tôi vừa ngồi vào mâm vừa ngâm nga mấy bài ca quen thuộc: "*Cơm dưa muối khó khăn mới có; Của không ngon nhà khó cũng ngon...*" (Thơ Tản Đà), hoặc "*Đầu tôm nấu với ruột bầu; Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon*" (Ca dao). Ba tôi

bảo, ngâm nga thế cho vui để "thưởng" công má bay tần tảo và làm cho cả nhà "nhập tiệc" thêm ngon. Có không ít bữa, má tôi không ngồi vào mâm cho "chén cơm đôi dưa để huế" với ba, với gia đình, vì bà còn bận hoặc đun dở om nước chè đang sôi trào bọt, hoặc vò vể dứt cơm cho đứa cháu nội vừa mới thôi nôi ăn...

Những khi đi ra khỏi bếp, khỏi nhà, ít khi má tôi đi có vẻ không. Nếu không nhặt nhanh bó củi tre ngoài bụi tre làng thì cũng gom thúng vỏ trấu hốt đầu đó đội đầu về cho bếp; không mớ rau sam thì nắm bồ ngót hái đằng nhà hàng xóm đựng rổ mang về cho bếp... Lũ chị em chúng tôi thấy, cái gì của má cũng thường được má đưa vào nhà bếp. Ở nhà bếp, ít khi má nói năng nhiều, ngoài mấy câu mắng yêu chồng con, khi: "Ba bay cái gì cũng thêm" lúc: "Lũ chúng bay chỉ giỏi... ăn"... Những khi rảnh rang, má tôi thường ngồi đòn ăn trầu, sửa lại mái tóc, lặng lẽ nhìn con thần lẩn óm cột nhà, lắng nghe tiếng chuột kêu chít chít trong *mùng* cối xay... Hình như bà cũng nghĩ ngợi điều gì đó.

Nhà bếp là hơi thở của mỗi người trong gia đình chúng tôi. Vì có khi nào nó ngưng hoạt động đâu: vừa xong nôi cơm nôi cháo, thì lại luộc khoai, đun nước trà, nướng bánh trắng, rang cốm ngô cốm nếp, bắc nôi cháo heo... Đến ngày gần hết gạo cất trong ảng, má tôi đem lúa ra xay giã với sự giúp sức xay đôi, giã chày đôi của chị dâu, chị Hai. Cối xay quay ù... ù..., tiếng chày giã gạo rơi ình... ịch... khiến những con gián trong xó tối giật mình cấn đuôi nhau, ù té chạy tán loạn; đám chuột chù, chuột nhắt trong hang nghe mùi gạo thơm, ló đầu, lảo liêng con mắt, vụt chạy ra ăn trộm thóc gạo, rồi vụt chạy vào. Buổi tối, má tôi vẫn giữ bếp lửa cháy bập bùng để lấy ánh sáng, làm các việc vặt vãnh: không phải vá may, thì nên cải làm dưa, không *cặp* lại cái rổ bung vành để sáng ngày đi chợ sớm thì sắp xếp lại cơi trấu của bà cho thêm thơm tất... Đến khi ở nhà trên, ba "thời đọc sách đêm khuya" hay tiễn ông khách hàng xóm ra về, trăng giữa thảng soi sân cát, dơi chập choạng bay ngoài vườn cây, va đập vào các tàu chuối, thì má tôi cũng dừng lại mọi công việc, đứng dậy, đi vào buồng, ngủ. Đêm khuya khoắt, nhà bếp ủ lửa nóng cho đến sáng ngày hôm sau. Đó là chưa kể những đêm đông giá lạnh, má tôi vung vãi rơm rạ ra giữa nhà bếp, lót ổ, bắt cả nhà ngủ trước bếp lửa cho ấm áp. Lại còn những ngày giỗ kỵ, đám tiệc, tết tư là những ngày "hoạt động cao trào" của nhà bếp. Nhà bếp đông người, nôi niêu, củi lửa, dao thớt tập trung lại nhiều hơn, tiếng nói tiếng cười cũng nhiều hơn. Chẳng phải kể, mấy đùm gà vịt trối chặt căng, ném ra sân cát cho chúng luôn quấy đạp và kêu quang... quác, túc... túc... đến nhức óc.

Bây giờ ở với con, tôi ngùi thương cái nhà bếp ám khói của má tôi xưa, và thương má suốt đời quanh quẩn với bếp. Tôi cũng ngùi thương cái làng quê An Định (trong vùng phủ An) của tôi hồi đó, còn có bao phận nghèo sống trong những túp lều với cái hiên lai làm bếp. Mà những cái hiên bếp đó thì có nhiều hôm lạnh, không thấy đâu sợi khói lam chiều tỏa lên từ mái tranh. ■

Phố xuân

NHẬT UYỂN

Dừng bên hiên chiều nắng xế
Ngắm mây ngũ phố con đường
Xa xôi con còng nít biển
Vẽ mơ hồ một bóng chim.

Bồng bênh chân trời sấm động
Nghe nhói bàn chân bot bèo
Đá sỏi đau đau phù vân
Mở lòng giòn tan tiếng hát.

Cười vang lớp lớp bụi mù
Phố phường vòng quanh chợ búa
Tiếng đập rì rào cơn mưa
Gõ vào lòng đêm lạnh lốt.

Những cánh thuyền mây yên bến
Những chuyến ngựa xe im vơi
Lòng đêm thanh thiên lá dấy
Trăng tròn giọt rượu phong phơi.

Những cánh buồm mây sấm động
Biển bờ hồ rượu lưu linh
Ngựa xe rập rờn vạn nẻo
Bụi bay xốn mắt chim kêu.

Về nghe mùa xanh tóc phố
Hương màu trôi lượn qua vai
Sợi tơ buông tay muôn một
Lá bưng nắng trở long lanh.

Neo xuống trái tim muôn thuở
Sông trôi cầu nổi ngọn nguồn
Đậu giữa đỉnh lòng vội vọi
Sương cười thoảng tiếng chuông ngân.

Cây cỏ ngấn xanh suốt xứ
Đi về bước bước mùa xuân.

Thì thầm bên vách đá

NGUYỄN THÁNH NGÃ

bước qua lần địa lý
mùa du ca những bàn chân bé mọn
ú ở mười ngón gầy
bản thể y bát
những nhà sư khát thực...

có thể ta đến từ gió
những ngọn gió mọc rừng người
nói mà như ngâm viên sỏi
lặng im trước sóng biển
nghe những huyền mật
ta thì thầm bên vách đá ngân

mùa thạch lam
những đốt chân thần lẫn
mọc trong đá tiếng thờ

mạch nước phùng mang hồi ta từ đâu đến
trái tim thấm giọt biển hồ

điều không nói là nói với đá
vách đá khẽ nứt đôi tai
xuyên nghe

len lõi thứ ngôn ngữ vàng nhạt, trầm buồn
ai kéo rách tiếng đàn rêu phong
nhịp hồ phách
và bạch lập...

ta nói với đá
như vắt hồn nói ra không mở miệng
áo vàng nhà sư Angkok Vát
hoàng hôn phủ đỏ quạch lời kinh nguyên thủy
nguồn ngào trang chữ Pali...

bầu trời như có đôi cánh
chùa tháp bay vào điệu Apsara phồn thực
dòng Mêkong thăm đở bước vào mây trắng

đi,
là đi là đi là đi
ra khỏi những đất vàng
ta là tiếng nói đen có thể hát thành giọt nước mắt!

Đường sáng lặng

NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Còn nặng bên hồn mây viễn xứ
Nổi trôi qua những bến phù sinh
Đến đây, gậy trúc gõ ba tiếng
Mong gác cơn say, giữ bóng đời.

Có phải quan san lời hẹn ấy
Ra đi như những áng mây thâm
Đường lên núi thẳm hòa chân bước
Giữa bắc nam, cười hỏi đông tây.

Dừng nơi phiến đá lưng chừng dốc
Nhìn xuống xa trôi nửa sắc mờ
Mây vẫn ngàn năm bay đỉnh biếc
Đến đây, là đến để mà đi.

Ví dầu bên giấc chiều hư ảo
Hơi thở trong mơ đứt nửa chừng
Khi cúi xuống lòng nghe thanh thỏa
Biết ơn từng lá cỏ xanh trong.

Lơ mơ Tà Cú đêm không thực
Những ánh vô hình lướt thướt giăng
Những tiếng thầm rung sâu ruột đất
Ai rơi vào gió buốt sương trắng?

Ai uống càn khôn qua hạt nắng
Nghe trời đất mở lượng từ tâm
Mỗi bông hoa hát lời vô xứ
Mỗi hóa thân bừng vỡ tuyệt âm.

Bỗng thoáng bản thân như đọc trộm
Từ thiên thu ngữ lục mơ hồ
Vô thanh tràn thẳm tề ngôn ngữ
Nâng cánh lưu ly lạ bến bờ.

Rồi lại quay về chốn bụi bay
Thời gian réo lịm giữa tìm ngày
Nhưng lung linh hồi con đường sáng
Đã ngát sau lòng một tiếng ngân.

Một gió

TRẦN NGỌC HOÀNG

Cô gái như người mất hồn, đầu tóc rũ rượi, nét mặt căng thẳng, hai chân chôn xuống cát, mắt đăm đăm hướng ra biển cả. Con bão đi qua lúc gần sáng. Gió vẫn đang thổi mạnh, man dại và điên cuồng, dồn mây đen vào tận những dãy núi trong đất liền. Phía đường chân trời, một màu hồng nhàn nhạt hiện ra trên nền sẫm đen, đục ngầu của sóng.

Sát mép nước, những chiếc thuyền đi lộng may mắn vào được bờ cũng bị sóng lật úp, chìm ngihm rồi lại bị những con sóng khác quật lên để bày giờ trảm mình dưới nước như những tảng đá lăm lè. Cả trăm năm nay mới có cơn bão khủng khiếp như vậy. Khi thông báo của đài khí tượng loan đi, hung thần đã ập đến. Chỉ mấy tiếng đồng hồ mà biển trời tan tác, như sức mạnh của hàng ngàn quả bom vừa dội xuống. Hàng dương trước làng bị gió bẻ gãy, ngọn cây gục xuống bờ cát, nửa thân còn lại sắc nhọn xuyên thủng màn đêm lơ lờ tối. Nhà ngói, nhà tranh đều bị bão đánh sập. Đàn bà, trẻ con nháo nhác chạy ra bờ biển.

Cô gái đứng yên trong tiếng khóc, tiếng gào của người dân đang nguyên rửa biển khơi. Sóng vẫn chồm lên nhưng không đủ sức thét gầm như khi cơn bão vừa ập tới. Trăm con mắt đang đổ dồn ra chào nước khổng lồ sừng sục sôi lên những đợt sóng trắng. Bao nhiêu năm nay dân làng ra khơi không có phao cứu nạn. Họ tin, biển là người bạn hiền hòa đáng tin cậy. Ngờ đâu. Cô đứng một mình, nơi những chùm muống biển phủ xanh dải cát trắng, lặng im như hóa đá.

Mặt trời yếu ớt, mệt mỏi nhô lên. Cơn bão đã thật sự đi qua. Đáng lẽ sáng nay chồng cô đã về đến bến. Một ngày đi, hai ngày đánh bắt, một ngày về. Cô chỉ xa chồng đúng bốn ngày. Bao giờ cũng vậy. Mỗi lần đứng trên bãi cát chờ đợi con thuyền của chồng, cô luôn bắt gặp những tia nắng đầu tiên, thanh sạch và êm dịu của mặt trời. Cả những con sóng mơn man hôn lên chân cô. Tim rộn lên, cô mỉm cười khi bóng chiếc thuyền nhỏ

có chàng trai ngực trần đứng trước mũi đưa chiếc khăn màu đỏ phất lia lia vào không gian. Thế mà sáng nay, cô không dám đứng gần con sóng. Nó thô bạo dữ dằn và độc ác như vòi bạch tuộc chực kéo cô xuống biển. Còn mặt trời, yếu ớt và bệnh hoạn, những tia nắng lạnh lẽo như vừa phải đi qua một vùng biển chết.

Bến cá không một chiếc thuyền neo đậu, hoang lạnh đến ghê người. Những con thuyền bị nhận chìm, mỗi lần sóng rút xuống lại hiện ra những chiếc cột sắt, lắc lư trên mặt nước như những người chết đuối đưa tay ra cầu cứu. Trong tâm trạng rối bời, những cặp mắt trên bờ bị đóng đinh hướng ra ngoài khơi, chờ đợi sự trả lời của biển cả.

Mặt trời càng lên cao, mây đen bị gió xé vụn, tan tác và biển khôi bầu trời, ánh nắng chói chang, nhức mắt. Cô thấy tim mình như bị ai bóp chặt, ngột ngạt trong nắng hanh hao. Bờ cát đang lặng lẽ gom góp những gì biển trả lại cho bờ. Ván thuyền vỡ vụn. Dẫm bày tay chèo. Vài chiếc dép tông. Những mảnh áo quần rách nát. Sự sống trên biển đã bị cơn bão nghiền nát. Cô nhắm mắt, đầu óc quay cuồng, tê dại. Gần trưa, ai đó dội lên đầu cô chiếc nón, dúi vào tay cô mấy củ khoai luộc. Trên bãi cát cách chỗ cô đứng không xa, tiếng khóc than đã bắt đầu lắng xuống. Những nắm mổ bằng cát đã được đắp lên và những nén nhang đầu tiên cháy đỏ trong nắng. Không ai hy vọng thân nhân của mình sống sót trở về... vậy mà họ vẫn đứng đợi.

Xế chiều, mẹ cô lặng lẽ bước đến bên con. Người phụ nữ ấy chưa già, khuôn mặt sạm đen và gầy guộc ngời bệt xuống bờ cát. Trong con mắt sâu trũng của bà, hình ảnh những con thuyền quen thuộc chợt hiện lên, đang từ từ tiến vào bờ. Cũng như con gái mình, bà đã có bao buổi chiều tiễn con thuyền ấy đi trong hoàng hôn cháy đỏ và những bình minh ra đón thuyền về. Bà không dám nói rằng cha con, chồng con sẽ mãi mãi không trở về. Con thuyền tưởng tượng trôi dần vào bờ. Bà hốt hoảng khi mũi thuyền cứ nhằm thẳng vào bà. Bà lùi ra, lùi ra. Con thuyền cứ lướt tới, trườn lên người bà làm bà ngã xuống.



Bà chợt tỉnh và nhận ra, một cơn gió mạnh vừa ập đến làm rối tung mái tóc sương nắng của bà, xô bà ngã xuống. Trước mắt, vẫn những con sóng cuồn cuộn đập mạnh vào bờ. Những điều bà định nói với con cũng tan theo những con sóng ấy.

Đêm ấy, cô gái đứng một mình trên biển. Có lúc thiếp đi, tiếng sóng vỗ vào giấc mơ. Một chiếc thuyền đang băng băng trên sóng. Gió mang đến mùi mồ hôi trên chiếc áo nhuộm đầy sóng gió của chồng nàng. Ôi, mùi mồ hôi quen thuộc quá! Có lúc sóng ào ạt làm nàng thức giấc. Giấc mơ nối quá khứ với hiện tại làm nàng tin rằng, chồng nàng đang ngoài biển rộng. Anh ấy sẽ về, sẽ về...! Cũng như trong câu chuyện ngày xưa ông nội vẫn kể, không có ai chết trên biển. Họ không về vì đã ở lại với thủy thần. Họ ở dưới thủy cung, trong những lâu đài vỏ cùng trắng lệ. Linh hồn của họ hòa vào linh hồn của biển, làm nên những điều thiêng liêng của biển. Nghĩ như vậy, nàng bước đi, tiến về phía những cây nhang đang bập bùng cháy trên những ngôi mộ cát. Đó là một tục lệ cổ xưa buồn bã. Mỗi một ngôi mộ tượng trưng cho một người chết. Không, không có ai chết ngoài biển. Từ ngàn đời nay, bao nhiêu người của làng chài nhỏ bé này đã ở lại với trùng khơi. Họ đã trở thành bất tử. Cô nghĩ vậy và cào bằng những ngôi mộ ấy, vứt những cây nhang đang cháy dở xuống biển.

Sáng sớm, sóng nhẹ dần. Gió từ đất liền thổi ra. Những người đàn ông sống sót trở về đang vớt những con thuyền bị đắm gần bờ. Khi trời sáng rõ, tiếng những người đàn bà ré lên:

- Mộ, mộ của chồng tôi, của con tôi đâu rồi...?
- Ai đã phá mộ ông tôi...!
- Cả của em tôi nữa...!

Nhiều tiếng thét, tiếng la rộn lên. Người ta chạy ngược chạy xuôi, thông báo cho nhau cái tin dữ dần, kỳ lạ ấy.

Trong một đêm, hàng chục ngôi mộ cát đã biến mất. Người ta oán thán đổ tội cho thủy thần. Trong phút chốc, những ngôi mộ mới lại được đắp lên và khói hương thơm thoảng bay đến chỗ cô đang đứng.

Người mẹ không khuyên được con mình về nhà nhờ người dựng cho cô chiếc lán nhỏ bằng lá dừa che nắng. Cô biết, chung quanh mình có tiếng người, tiếng lá dừa sột soạt nhưng tâm tưởng của cô để ngoài khơi. Một ngày không ăn uống, da mặt cô tái xanh, tóc rối lên, trông mệt mỏi nhưng không có dáng ủ rũ. Niềm hy vọng chồng nàng sẽ trở về chưa hề biến mất. Mặt biển bình yên, biếc xanh trước mặt lại cho cô một tia hy vọng mới, mơ hồ như ngọn gió vừa chớm nổi. Cô ngồi xuống, hai tay chống cằm, mắt đắm đắm hướng vào sa mạc xanh vô tận.

Rất nhiều người đến trên bờ biển. Bên cạnh tiếng kêu khóc là những giọng nói chắc nịch, khoẻ khoắn của những người đàn ông từ nơi khác đến. Họ quyết tâm giành lại những gì mà cơn bão đã cướp đi từ những con thuyền đắm đã được kéo lên bờ. Máy thuyền được bảo dưỡng. Trong làng, những túp lều tranh đã được dựng

lên. Sự sống đang hồi sinh.

Ngày ngày những người đàn bà có chồng con chưa về gục đầu lên mộ cát. Nước mắt không còn, giọng khản đặc, họ đốt rất nhiều nhang, bờ cát trở nên mờ đục trước màn sương khói bay lên từ những ngôi mộ. Trước lúc ra về, người ta để lại cho người chết bát cơm và quả trứng. Có người mãi đến lúc trăng lên mới uể oải giã từ những nắm mồ mà họ tin rằng chồng họ đang nằm dưới đó.

Chỉ còn cô gái và bờ biển vắng ngắt. Không ai lay chuyển được cô. Cô đứng như hóa đá. Dân làng đồn đại, cô đã hoá điên và thêu dệt thêm bao nhiêu chuyện. Rằng, đêm đêm, hồn ma chồng cô bơi vào bờ, hai người ân ái với nhau cho đến khi tiếng gà trong làng gáy sang canh. Có người kể, xác chồng cô đã được cá ông đưa vào bờ và đã được chôn cất chu đáo ở một nơi không ai biết được.

Ngày thứ tư. Những ngôi mộ cát lại biến mất, kỳ lạ như trong chuyện thần thoại. Dân làng sinh nghi. Họ xì xào bàn tán. Đêm, họ cho người núp sau bụi dưới. Khi sương xuống lạnh, trăng mờ nhạt sau dãy núi xa xa, một bóng người lặng lẽ bước ra từ túp lều của cô gái đi về những ngôi mộ. Người ấy dùng tay thoăn thoắt cào những đồng cát. Tiếng chiêng, tiếng trống vang lên. Dân làng đổ ra bãi cát. Lúc đầu, họ tưởng đó là một bóng ma. Về sau, khi tiếng chiêng tiếng trống liên hồi mà bóng người vẫn không chịu biến đi, có người mạnh dạn tiến về phía ấy. Họ nhận ra cô gái:

- Tại sao cháu lại phá mộ cát?

Cô gái không đáp, tiếp tục san bằng những cồn cát. Nhiều người đến vây quanh cô.

- Nó điên rồi. Bố nó, chồng nó mãi đến hôm nay vẫn biệt tăm. Nó điên nên nó phá. Tội nghiệp nó quá...!

- Bảo với nó đừng có rở dại. Ma nó nhận xuống biển đấy.

- Điên gì. Nó cố tình phá thì có. Trói cổ nó lại!

Cô gái nghe hết những điều dân làng vừa nói. Đầu cô hơi cúi xuống, trán ướt mồ hôi. Cô gạt mớ tóc lòa xòa trên trán, chậm rãi bước đến bên cụ già cao tuổi nhất, lễ phép quỳ xuống. Giọng cô buồn rầu, thoảng trong tiếng gió:

- Thưa cụ, xin cụ hãy tha lỗi cho cháu. Cháu cúi đầu xin dân làng tha tội cho cháu. Những người bị sóng dạt sang đảo khác nay đã về hết. Còn bao nhiêu trai làng ta chưa về. Có cả chồng cháu nữa. Nhưng cụ ơi, ông nội cháu ngày xưa có kể, những người đi biển không về chẳng có ai chết cả. Họ ở lại với thủy thần, làm con thủy thần. Vậy có ai chết đâu mà đắp mộ. Cụ cho cháu hỏi, dưới những ngôi mộ ấy có gì...?

Những điều cô gái nói dân làng cũng được nghe kể lại. Không ai trả lời cô, dưới những nắm mồ đó có gì. Cụ già lúng túng. Con cụ, cháu cụ hai ba đứa chưa về. Cụ cũng hy vọng, cũng muốn tin những điều cô gái nói là có thật. Gió mơn man chùm râu của cụ. Cụ thảng thốt:

- Ông tin điều cháu nói. Nhưng tục lệ của làng ta nó vậy rồi. Thôi cháu về đi. Cháu ở ngoài bãi cát đã bốn năm ngày rồi. Về mà lập bàn thờ cho cha cháu, chồng cháu...!

Mùa bão 2009 ■

Hồi ức

tranh dân gian

ANH NGUYỄN

Từ xa xưa, cùng với câu đối Tết phở màu đỏ thắm, tranh dân gian còn được gọi là đích danh tranh Tết, là hương vị Tết – Xuân không thể thiếu trong mỗi gia đình Việt Nam.

Nhân dân ta yêu tranh Tết dân gian trước hết vì đó là những lời chúc tụng bằng đường nét, sắc màu tươi sáng, giản dị hồn nhiên và gợi cảm, gần gũi với vẻ đẹp tự nhiên màu sắc quê hương đất nước và cuộc sống hàng ngày. Đời sống văn hóa dân gian Việt Nam đã được bao nhiêu màu sắc tạo hình và trang trí thì tranh dân gian cũng tiếp thu và phản ánh bấy nhiêu sắc trử tình quen thuộc: Màu của gỗ vang đỏ, hoa hòe, hoa hiên vàng, lá chàm xanh, lá sồi thắm, chắt điệp trắng v.v. Chính những sắc đỏ, vàng, tím than, hồng đào, nguyệt bạch, thiên thanh, hoa lý, hoa cà... ấy trên tranh gà lợn-tranh bầy em nhỏ, tranh cá đớp trắng cũng đều là màu nhuộm thành tà áo the, áo lụa của các cụ già, em bé hay cổ yếm, dải khăn dây lưng của cô gái ngày Tết - mùa Xuân.

Nhân dân ta yêu tranh dân gian vì nó phản ánh trung thực những cảnh sinh hoạt truyền thống và qua đó, thể hiện những ước mơ, nguyện vọng, hoài bão, những quan niệm nhân sinh và cách nhận thức về cái đẹp, sự thật, điều lành của cha ông ta ngày trước.

Tranh dân gian còn thể hiện cái đẹp lý tưởng của người phụ nữ Việt Nam truyền thống có đức có tài, thể hiện cả những hình ảnh trữ tình ngợi ca niềm vui, sức sống và ước mơ hạnh phúc của tuổi thanh xuân.

Xem tranh dân gian ai cũng cảm thấy như làng quê mình chứa đựng những nét sinh hoạt ở trong đó, thật gần gũi, thân thiết; niềm vui mong ước đại cát, vinh hoa, phú quý qua hình ảnh con gà, con lợn, em bé, cụ già, những cảnh sinh hoạt bình dị của người dân cày, thợ thủ công, người đi chợ, chú bé chăn trâu, ông lão câu cá, thầy đồ dạy học, những trò vui dân gian hấp dẫn như đánh vật, múa lân, gậy đàn, thổi sáo, những chiến công oanh liệt chống ngoại xâm, những cảnh đẹp thiên nhiên đất nước bốn mùa với hoa mai, cúc, tím v.v.

Để tài tranh dân gian rất đa dạng, phong phú thường thì nhìn thấy gì vẽ nấy và cũng gọi luôn tên tranh như

thế, ta xem vài loại tiêu biểu: Tranh gà, treo một bức "đại cát" hay hai bức đăng đối "đại cát nghênh xuân", tranh Lợn độc (đang ăn lá ráy), tranh "Lợn đàn" đẹp về ý nghĩa, chúc tụng sinh sôi nảy nở con đàn cháu đông và còn đẹp về ý nghĩa mẫu tử, yêu thương đùm bọc, ấp ủ, săn sóc, chở che quần quít.

Tranh "Phú Quý-Vinh Hoa" vẽ hai em bé trai mũm mĩm đang ôm con gà, con vịt nói lên ý tưởng thắm mỹ về cuộc đời và hạnh phúc có được những đứa con ngoan, thông minh, khôi ngô tuấn tú, sẽ là niềm vui lớn. Niềm tự hào của bậc làm cha mẹ.

Tranh Đấu vật, tranh Đám cưới chuột (đúng ra phải gọi là Đám rước nghè chuột vinh quy), tranh Đánh ghen, là những tác phẩm tiêu biểu cho tính châm biếm, hài hước trào lộng, óc phê phán và tính chiến đấu vốn là bản năng tự tại của nền nghệ thuật dân gian Việt Nam.

Tranh Hứng dừa là một bức tranh trữ tình của con người vui hưởng hạnh phúc một cách lành mạnh, cởi mở, hể hả tiêu biểu cho đức tính phóng khoáng của tâm hồn dân gian Việt Nam, cho ước vọng hài hòa trong yêu thương do cuộc sống bản năng đem lại.

Khen ai khéo dựng nên dừa

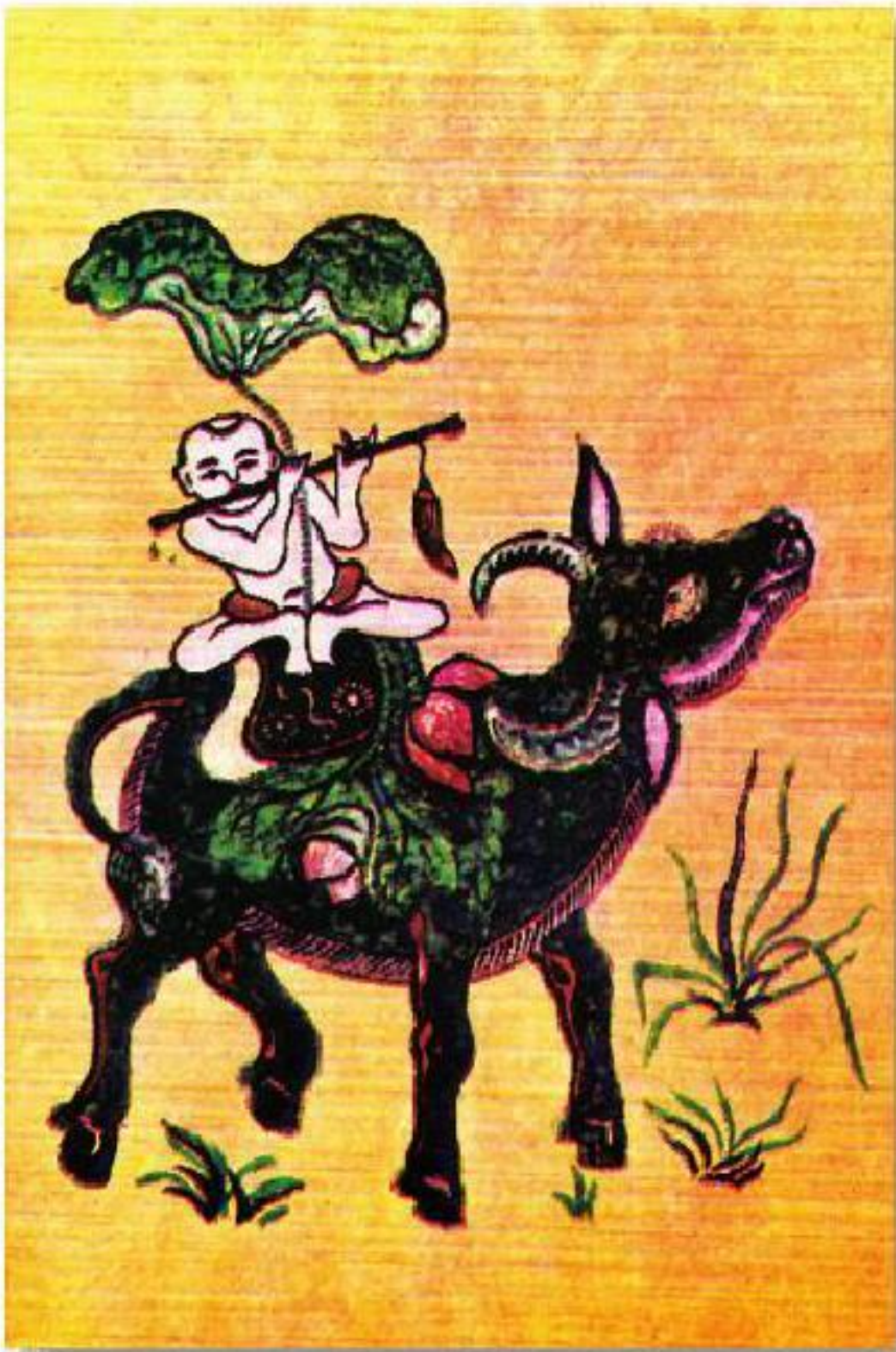
Đẩy trèo dây hứng cho vừa lòng nhau.

Phải chăng đó là mơ ước và lời ca ngợi thành khẩn nhất đối với những mối tình xuân.

Và tranh Tổ nữ, một bộ tranh trữ tình nổi tiếng trong kho tàng nghệ thuật dân gian diễn tả bốn cô gái Việt Nam, đang độ xuân thì vui trong tiếng đàn, giọng hát. Các cô để tóc, vấn khăn trang phục theo lối cổ truyền, tư thế mềm mại, uyển chuyển, tất cả tạo nên một tình cảm dân tộc chân chất, một bầu không khí đầy nhịp điệu rộn ràng và êm ái của cảnh hòa nhạc vui đón xuân về.

Còn các loại tranh đề thờ như tranh Ngũ Hổ, Táo Quân, Thổ Địa, Thần tài tiến lộc, tranh vẽ đề tài lịch sử như: Phù Đổng Thiên Vương đại phá giặc Ân, Bà Trưng Bà Triệu thúc voi giết giặc, Ngô Quyền trên sông Bạch Đằng, Đinh Tiên Hoàng cờ lau tập trận v.v. mỗi loại đều mang một ý nghĩa hết sức phong phú.

Bằng đôi tay khéo léo, người nghệ sĩ dân gian đã đem



Chú bé thổi sáo



Hứng dừa



Làng Đồng Hồ

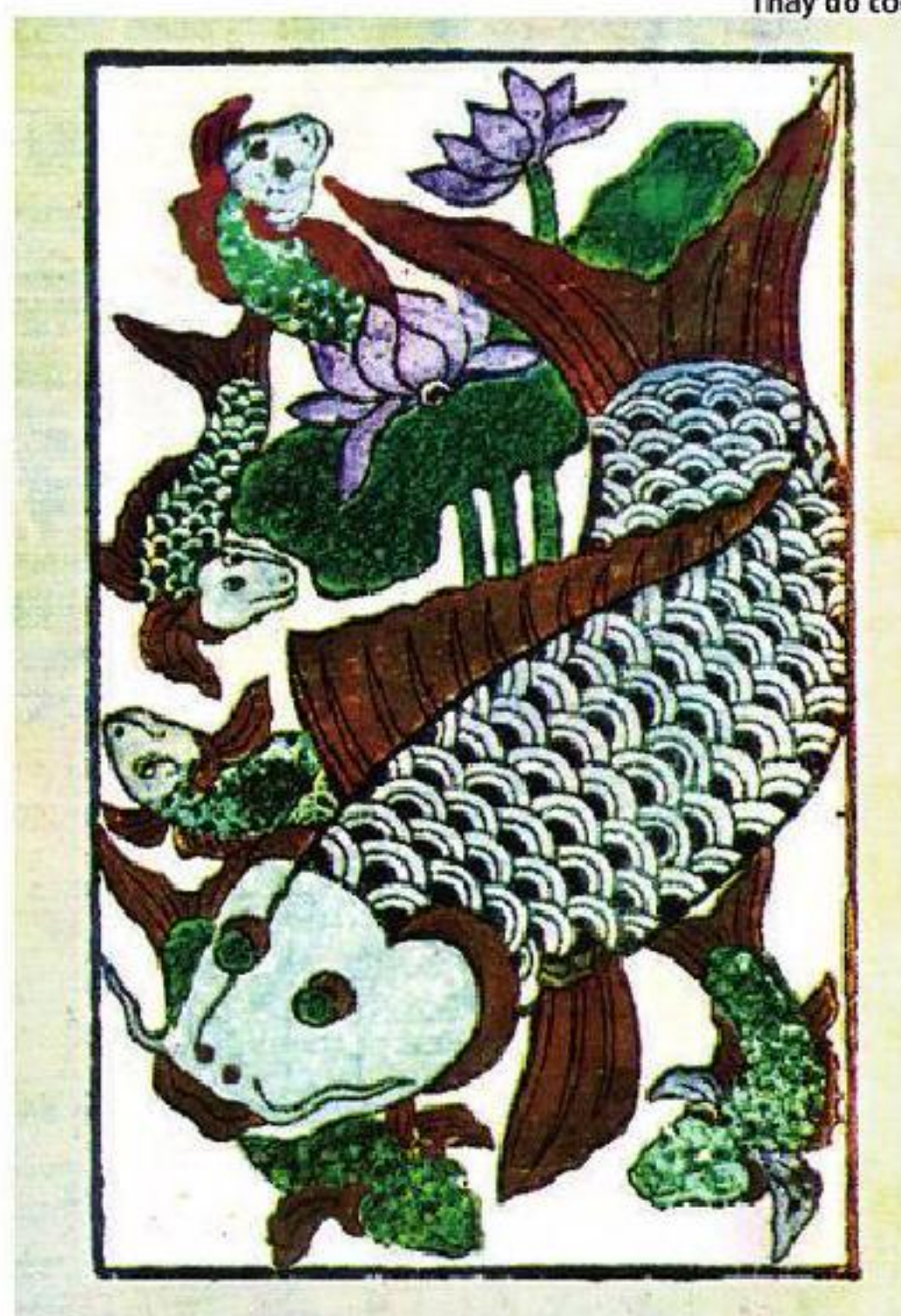


Thầy đồ cóc

đến cuộc sống một cái nhìn thuần phác, đậm đà lành mạnh nhưng cũng rất hóm hỉnh vui tươi. Chính vì vậy, xưa kia, mỗi khi Tết đến cửa đình quán chợ đâu đâu cũng bày tranh Tết cho người dân mua về trang hoàng nhà cửa trong những giờ thiêng liêng chuyển giao năm cũ sang năm mới. Một điều rất độc đáo của tranh dân gian là nó phù hợp với tất cả các góc độ, bố cục, căn nhà cho đủ mọi tầng lớp. Từ nơi cửa rộng nhà cao đến nơi nhà tranh vách đất, ở đâu tranh Tết cũng có thể bùng lên những nét mực màu xanh, mang đến cho chủ nhà sự vui mắt và niềm hứng khởi vào một năm mới nhiều thành công, phát đạt. Người ta dán tranh dân gian từ ngoài cổng nhà đến tận bàn thờ, từ nơi người ta qua lại vui chơi, đến chỗ thiêng liêng tôn kính.

Ở Bắc Hà có một số làng nghề sản xuất tranh truyền thống như làng Sen Hồ ở Bắc Giang, làng Đông Hồ, phủ Thuận Thành (nay thuộc tỉnh Bắc Ninh), phố Hàng Quạt, Hà Nội nhưng bây giờ ít in tranh Tết mà chỉ thường in tranh thờ, tranh chư vị để phục vụ đến đám.

Ngày nay thú chơi tranh Tết cổ truyền dường như đã bị phai nhạt, cho nên muốn tìm được những bức tranh nguyên bản đúng chất liệu của thời xưa còn sót lại (màu sắc tươi mới mà dịu mát rất gợi cảm in thanh đậm uồn lượn, màu đen ấm cúng êm như nhung, nét vẽ không cầu kỳ mà phóng túng trên giấy dó lụa, giấy điệp hoặc giấy hóng đào) để cảm nhận được "màu dân tộc sáng bùng trang giấy điệp" là rất hiếm. ■



Cá chép

Tọa đàm về 'Phật giáo đối với nữ Phật tử' được tổ chức tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.



Vào ngày 20/10/2009, tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, Ban Hướng dẫn Phật tử phía Bắc thuộc Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN cùng với chùa Quán Sứ đã tổ chức thành công buổi tọa đàm có chủ đề "Phật giáo đối với nữ Phật tử". Buổi tọa đàm nhằm xác định vai trò của người nữ Phật tử trong xã hội VN nói chung và trong công cuộc hoằng pháp nói riêng. Buổi tọa

đàm đã thu hút được khoảng gần một trăm người tham dự trong đó chủ yếu là các nữ Phật tử đang sinh hoạt tại các đạo tràng thuộc chùa Quán Sứ. Các bản tham luận được đọc trong buổi tọa đàm và những phát biểu của Phật tử tham dự đã thể hiện được nhận thức của người nữ Phật tử về nhu cầu hoàn chỉnh nhân cách bản thân và xây dựng gia đình hạnh phúc dựa trên Phật pháp; thỉnh nguyện Giáo hội tổ chức thêm nhiều chương trình tu tập phong phú hơn nữa để giúp người nữ Phật tử có thể ứng dụng đạo Phật trong đời sống hàng ngày. Cuộc tọa đàm này được hy vọng là có mang lại những gợi ý cho việc tổ chức thành công Hội nghị Nữ giới Phật giáo Thế giới lần thứ XI sẽ diễn ra tại TP.HCM từ ngày 28/12/2009. (PV)

Xây dựng tượng đài Phật Di-lặc tại chùa Vĩnh Tràng, Tiền Giang.

Từ đầu thế kỷ thứ XIX, một gia đình Phật tử trong giới quan lại đã dựng một ngôi thảo am trên một khu đất rộng tới hai mẫu tây tại ấp Mỹ An, làng Mỹ Hóa, tỉnh Định Tường, nay là xã Mỹ Phong thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Đến năm 1849, ngôi thảo am này được xây dựng lại thành một ngôi đại tự và được đặt tên là Vĩnh Trường, nhưng dân gian quen gọi là Vĩnh Tràng. Đây là một ngôi chùa nổi tiếng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, đã được xếp hạng di tích lịch sử cấp

quốc gia. Trong năm 2008, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Tiền Giang đã đầu tư xây dựng một công viên và một tượng đài Phật A-di-đà trước cổng chùa Vĩnh Tràng. Năm nay, chùa lại được đầu tư để xây dựng thêm ngay trong khuôn viên một pho tượng Phật Di-lặc cao 20m chiều ngang 13m, bên trong rỗng để bố trí phòng làm việc và là nơi sinh hoạt, hội họp của Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Tiền Giang. Được biết kinh phí để xây dựng pho tượng này lên tới 7 tỷ đồng do Phật tử đóng góp. Công trình sẽ hoàn tất vào dịp Tết Nguyên đán năm Canh Dần (2010). (PV)



Phật giáo phát triển ở Hoa Kỳ.

Theo *The Christian Science Monitor*, một tờ báo nổi tiếng của Thiên Chúa giáo Hoa Kỳ, tuy Phật giáo mới chỉ bắt đầu có mặt tại Hoa Kỳ từ thế kỷ thứ XIX, trong vòng 10 năm tính từ 1990 đến 2000, số lượng Phật tử ở Mỹ đã tăng 170% khiến Phật giáo trở thành tôn giáo có số lượng tín đồ đông hàng thứ tư ở Mỹ; sau Thiên Chúa giáo, Do Thái giáo và Hồi giáo. Một số học giả ở California đã đồng ý rằng ngày nay thành phố



Phật giáo phong phú và đa dạng nhất thế giới có thể chính là thành phố Los Angeles, nơi có hơn 300 ngôi chùa, tự viện và các trung tâm tu tập theo Phật giáo, đại diện cho tất cả những giáo phái Phật giáo khác nhau. Vào tháng Mười Hai tới đây, ngài Thomas Dyer, một cựu binh Hải quân và đã có thời là mục sư giáo phái Baptist phương Nam, sẽ có mặt tại Afghanistan với tư cách vị tuyên úy Phật giáo đầu tiên của quân lực Hoa Kỳ. Vào năm 1976, dòng thiền Quy Ngưỡng đã xây dựng ở California một tu viện lớn thường được gọi là Vạn Phật Thành (The City of Ten Thousand Buddhas). Trung tuần tháng Mười vừa qua, tại đây đã diễn ra Hội nghị lần thứ 15 của tổ chức "Các Tu Viện Phật Giáo Tây Phương (Western Buddhist Monastics), quy tụ tất cả những tu sĩ phương Tây nổi tiếng thuộc nhiều dòng truyền thừa khác nhau trên khắp thế giới. Cuộc hội nghị năm nay có chủ đề "Phật giáo và Môi trường" với các diễn giả là tu sĩ Phật giáo có thẩm quyền trong lĩnh vực sinh thái. Mới đây, *News Trust*, một trang mạng của một tổ chức phi lợi nhuận do quý Mac Acthur tài trợ thành lập vào năm 2005 ở Mill Valley California, đã ghi nhận Phật giáo đang cắm rễ sâu trên đất Hoa Kỳ. (Tổng hợp tin từ <http://newstrust.net>, *The Christian Science Monitor* và <http://paramita.typepad.com/>)

Lời cảm ơn cuộc sống

Tối ngày 23/10/2009, tôi dẫn con trai tám tuổi vào Sài Gòn khám bệnh. Để tiết kiệm và an toàn, bố con tôi mua vé tàu lửa hạng ghế cứng. Ngoài vài bộ quần áo, tôi chỉ mang theo mấy chai nước lọc và hai ổ bánh mì cho buổi điểm tâm sáng hôm sau.

Lên tàu lúc 21g10, trời đã mưa lất phất. Tàu khởi hành lúc 21g45 trong làn mưa nhẹ, nhưng càng xuôi Nam cơn mưa càng nặng hạt. Càng xong chiếc võng cho cậu con trai nằm, tôi ngồi duỗi chân trên ghế lơ mơ chìm vào giấc ngủ. Khoảng hơn hai giờ sáng, nghe có tiếng lao xao, tôi mở choàng mắt, thấy cậu con trai còn ngủ nhưng con tàu thì đã dừng lại. Hỏi thăm được biết vì trời mưa lớn làm lở đất chắn đường tàu, phải chờ tái lập đường tàu. Sự ồn ào mỗi lúc một tăng nên con trai tôi cũng thức giấc. Nửa đêm ngồi bó gối trên tàu, tự nhiên bụng đói, hai bố con gặm hết ổ bánh mì và uống gần hết một chai nước lọc mang theo rồi đi ngủ lại.

Đến tận 8g00 sáng hôm sau con tàu vẫn nằm ì tại chỗ và chưa biết sẽ giải quyết thế nào. Lúc ấy con trai tôi thức dậy, kêu đói. Tôi vào toa nhà hàng của tàu định mua cho nó thứ gì ăn tạm đỡ đói, nhưng nhà hàng chẳng còn gì để bán. Quay trở lại ghế của mình, tôi thấy cậu con đang cầm một ổ bánh mì. Hóa ra có một bà đi ngang thấy nó ngồi một mình liền cho nó ổ bánh ấy, nhưng vì của người lạ cho nên nó vẫn chưa dám ăn. Kiểm tra ổ bánh mì, thấy ổ bánh có nhân thịt rước ngon lành, tôi bảo cháu ăn, nó mới gặm ổ bánh một cách sung sướng.

Chờ tới gần 12g00 vẫn chẳng thấy động tĩnh gì, tôi ngồi chịu trận không biết xoay xở thế nào với cái đói của đứa con. Bỗng nhiên một người đàn bà từ toa khác đi tới, con tôi trông thấy vội lễ phép chào. Tôi biết ngay đấy là người đã cho thằng bé ổ bánh ban sáng. Quả nhiên, bà ấy cho biết, buổi sáng đi ngang thấy thằng bé ngồi một mình, hỏi thăm, biết thằng bé đói và biết bố nó sẽ không mua được thức ăn cho nó, bà có cho thằng bé một ổ bánh mì. Nghĩ rằng đến giờ này thằng bé cũng đã đói rồi, nên bà lại mang thêm cho nó một ổ bánh nữa. Bà ấy xin lỗi rằng không nghĩ ra có cả tôi cũng đói, chỉ cầm theo có một ổ bánh mà thôi. Tôi lễ phép trả lời rằng tôi có thể chịu đựng được, chỉ lo cho cháu bé, mà cháu đã được bà cho bánh như thế là quá quý rồi. Ngay lúc ấy, loa phóng thanh trên tàu bắt đầu hướng dẫn hành khách xuống tàu để lên xe “tăng bo” qua tàu khác đang nằm cách đó chừng ba cây số về phía Nam. Bố con tôi vội vàng xuống tàu lên xe chờ được tăng bo.

Xong việc đưa con đi khám bệnh, ngồi nghĩ lại chuyến đi, tôi mới nhớ ra, mình chưa hề nói với người phụ nữ cho con tôi bánh một lời cảm ơn.

Qua báo VHPC, tôi xin gửi đến cuộc sống một lời cảm ơn chung. Nghĩa cử của người phụ nữ nọ tuy đơn giản, nhưng hiển nhiên bà ấy có một từ tâm vô phân biệt và một cách suy nghĩ chu đáo, đã quay lại cho con tôi bánh lần thứ hai vào buổi trưa hôm ấy. Nghĩa cử ấy cho phép con người vẫn còn niềm tin vào cuộc đời vốn quá nhiều nhưong ngày nay.

Nguyễn Văn Chương

Phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang

Gần trưa một ngày đầu tháng 10, tôi được một người đàn ông trung niên thuê chở mấy chồng sách từ đường Lý Chính Thắng đến đường Huỳnh Văn Bánh. Sách được chất lên đầy trên thùng xe, tràn xuống cả cang xe, tuy gọn nhưng phải nặng đến hơn 50 ký.

Người đàn ông chạy xe Honda kèm theo, có lúc dùng chân đẩy phụ chiếc xích lô cà rịch cà tang của tôi nên cang đồ mệt. Tuy nhiên, ngay khi lên tới đầu cầu Cống Lý, bỗng dưng ông ta ngừng đẩy. Xe đang lên dốc mà lại mất lực đẩy liền tuột xuống. Tôi vội vàng nhảy khỏi yên xe xích lô tìm cách chặn chiếc xe cho nó không lao xuống tiếp, nhưng vì thế mà cang xe ngoẹo qua một bên sẵn sàng lật úp. Trong lúc ấy, người thuê tôi đã dựng xe Honda lên ở phía sau tôi khoảng mười thước, không thể tiếp cứu kịp.

Rất may, ngay lúc bấy giờ có một chiếc xe Honda khác, trên xe có hai thanh niên có dáng vẻ sinh viên đang chạy ngang xe tôi. Người thanh niên cầm lái tấp xe vào gần chiếc xe xích lô của tôi

còn người ngồi yên sau vội nhảy xuống mặt đất, chạy đến bên chiếc xe xích lô giúp tôi ghì tay lái lại cho nó khỏi tuột dốc tiếp. Đến khi đó, người thuê tôi mới chạy tới và phụ tôi đưa chiếc xe qua cầu. Thấy tôi đã có người giúp đẩy xe qua cầu, hai thanh niên ấy liền lên xe đi thẳng.

Tôi xin nhờ báo VHPC giúp tôi gửi lời cảm ơn đến hai người thanh niên nhân đức nọ.

Trần Văn Bảy

Đường Phan Đăng Lưu, quận Phú Nhuận

Xôi khúc

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

*Xôi khúc, xôi cúc hay bánh khúc là sự kết hợp ngẫu nhiên giữa bánh và xôi
- Là món ăn dân dã có nguồn gốc từ vùng đồng bằng Bắc Bộ.*

*Xôi khúc thường được làm vào mùa rau khúc. Tuy nhiên vào mùa không có rau khúc thì người ta thay bằng rau cải cúc, rau bó-xôi, lá dứa... Nhưng nếu dùng rau khúc thì bánh có vị ngai ngái thơm ngon nhất.
Xôi khúc thường dùng vào mùa lạnh, là một loại quà thường được rao bán vào các buổi tối ở Hà Nội...*

Nguyên liệu:

Nếp Bắc: 500gr
Bột nếp: 250gr
Bột gạo: 50gr
Rau khúc: 300gr
Đậu xanh không vỏ: 200 gr
Củ kiệu khô: 50gr
Gia vị: muối, hạt tiêu, dầu ăn

Cách làm:

- Nếp: Vo sạch, ngâm nước khoảng 4 giờ. Vớt ra xóc vào một chút muối, để ráo

- Đậu xanh: Nấu chín, nghiền nát

- Củ kiệu: lột vỏ, rửa sạch. Xắt mỏng đem phơi héo mặt

Bắc chảo nóng cho vào khoảng 5 muỗng súp dầu ăn, cho kiệu vào phi vàng. Trút đậu xanh đã đánh nhuyễn vào, nêm muối tiêu vừa ăn. Trộn đều, vo đậu xanh thành từng viên tròn khoảng trái chanh.

- Rau khúc hay cải cúc, rau bó-xôi, lá dứa... rửa sạch, cắt khúc đem giã hay xay nhỏ.

Nhồi chung bột nếp và bột gạo với nước ấm. Cho rau đã xay vào nhồi chung đến khi bột dẻo lại thành khối. Ngắt bột thành từng viên, nắn dẹp cho viên nhân đậu xanh vào giữa vo lại cho kín. Lăn lượt làm cho hết phần bột và nhân.

Đổ nước vào xồng bắc lên bếp. Rải một lớp nếp mỏng khoảng 1cm vào ngăn trên của xồng hấp, xếp những viên bột lên trên nếp cách khoảng nhau khoảng 3cm. Rồi lại rải một lớp nếp lên cho kín. Cứ lần lượt xếp xen kẽ như vậy cho đến hết. (Chú ý phải xếp cách khoảng và xen kẽ như vậy thì nếp và bánh mới chín đều và khi chín thì dễ dỡ xôi ra mà không bị bể bánh. Khi đem hấp xôi thì dùng khăn vải sạch phủ trên lớp nếp rồi đậy nắp lại để tránh trường hợp hơi nước nhiều xuống vành xồng làm nhão món xôi khúc).

Hấp khoảng 50 phút thì xôi và bánh chín. Dùng dĩa đỡ từng bánh xôi khúc vào đĩa. Món này dùng nóng, có thể rắc thêm muối mè hoặc boarô phi thơm lên mặt.



Ảnh: Võ Lộc



VINCOM



“Tốc độ, sáng tạo, hiệu quả trong từng hành động”

CÔNG TY CỔ PHẦN VINCOM

Vincom City Towers, 191 Bà Triệu, Hà Nội

Tel: (84-4) 39749999 / Fax: (84-4) 39748888

www.vincom.com.vn

Nuôi lớn tâm yêu thương
Nourish compassion

Tel: 38 48 33 99



Thân Nhẹ Tâm An
Miệng Mềm Gười

Chương trình du ngoạn **ÚC CHÂU**
gặp riêng, đánh lễ và nghe
ĐỨC ĐẠT LAI LẠT MA
thuyết giảng tại
Sydney Entertainment Centre
khởi hành 23-11-2009 (07-10 ÁL)



KHÁM PHÁ VƯƠNG QUỐC BHUTAN - NEPAL

• 10 ngày, 9 đêm
• 7 ngày, 6 đêm
Khởi hành tháng 01-2010



Tour Đặc Biệt ẤN ĐỘ - NEPAL

12 ngày, 11 đêm
khởi hành vào ngày 26-01-2010 (12-12-2009 ÁL)
Kết hợp chiêm bái 3 Xá Lợi Phật:
- Đức Phật Thích Ca
- Tôn Giả Xá Lợi Phất
- Tôn Giả Mục Kiền Liên
tại Bồ Đề Đạo Tràng



NGỌC VIỆT TRAVEL

Tel: 38 48 33 88

• Du lịch tâm linh

Khởi Hành Hàng Tháng

HÀNH HƯƠNG VỀ NÚI KAILASH "VŨ TRỤ TÂM LINH" TÂY TẠNG HUYỀN BÍ

8 ngày, 7 đêm

• 18 ngày, 17 đêm

Khởi hành 09-11-2009 (23-09 ÁL)



Núi Kailash

Núi thiêng Kailash là núi Tu Di được thế giới mệnh danh "vũ trụ tâm linh", cũng là nơi duy nhất ngày xưa Đức Phật và 500 vị A La Hán đặt chân đến, cách thủ phủ Lhasa của Tây Tạng trên 1.000 km về hướng Tây. Kailash là linh địa được bao quanh bởi 4 quả núi của 4 vị Phật và Kim Cang trong Ngũ Trí Như Lai, các hang động của Tổ Sư Milarepa, đạo tràng của Tổ sư Liên Hoa Sinh và hang động của Bồ tát Quán Âm. Ngọn núi này rất linh thiêng huyền bí tuyệt phủ quanh năm, có nhiều hoa văn kỳ bí, độc đáo. Trên núi cao có dấu chân Phật, có lưới rừu nghiệp lực, có tảng đá nghiệp lực, có mặt gương cong thời gian, có những đoạn đường đi qua người như không có trọng lượng... Tương truyền, đây cũng là Thành Thiên Đế của người Xómachi - những người tu tập giác ngộ tự biến mình thành đá. Đoàn sẽ đi nhiều vòng quanh núi thiêng 03 ngày.

Cung điện Potala

Cung điện là cung điện của các đời Đạt Lai Lạt Ma, do Đức Tạng Vương Tùng Căn Cương Bồ khởi xây vào thế kỷ thứ VII, sau đó Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 5 trùng tu vào năm 1644 và hoàn tất vào năm 1695. Cung điện có độ cao 117m, gồm 13 tầng và 3600 phòng, được xây chủ yếu bằng vật liệu đá, gỗ và bùn. Đây là ngôi đền lớn nhất Tây Tạng dựa lưng vào ngọn núi mang tên Marpori (Hồng Sơn) nên cung điện hết sức uy nghi nhưng hài hòa với cảnh vật xung quanh.

Đền Jokhang - Phố Barkhor

Đền Jokhang (Đền Đại Chiêu), điểm hành hương phải đến trong đời của người Tạng. Đây là tòa kiến trúc gồm có 4 tầng, mái mạ vàng, bên trong đền thờ tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni 12 tuổi (tượng Jowo linh thiêng) của Công chúa Văn Thành đem từ Trung Quốc sang Tây Tạng khi bà về nhà chồng. Đoàn có thể chụp những bức ảnh tuyệt đẹp hay tự do shopping tại phố Barkhor, những đồ lưu niệm độc đáo mà chỉ có ở Lhasa như các đồ đựng để tri niệm, Mami Luân, Bì mật Phù chú Âm, chuông đồng Tây Tạng (ngân vang xa)....

Tu viện đại học Phật giáo nổi tiếng Sera và Drepung

Tu viện Drepung với diện tích 250.000m² được xây dựng vào năm 1416 bởi đệ tử đại sư Je Tsong Khapa (Tông Khách Ba) là ngài Jamyang Qoigyi. Đây cũng là nơi trú ngụ của Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 5 trước khi ông chuyển đến đền Potala. Có thời tu viện đông hơn 7.700 tu sĩ.

Tu Viện Sera được thành lập năm 1419 bởi Sư Jamchen Chojé Sakya Yeshe theo lời yêu cầu của Sư Trưởng Je Tsong Khapa. Tu Viện gồm có hai Đại Học độc lập Sera Je và Sera Mey, và Trường Mật Tông Ngagpa Dratsang.

Tu Viện Tashilhunpo

Tu viện Tashilhunpo được xây dựng vào năm 1447. Đây là nơi trú ngụ của Ban Thiền Lạt Ma (Panchen Lama), vị lãnh đạo tinh thần của Tây Tạng đứng vào hàng thứ hai sau Đạt Lai Lạt Ma. Đồ cũng là bảo tàng viện nghệ thuật của Phật Giáo Mật Tông Tây Tạng với tượng Phật Di Lặc bằng đồng lớn nhất thế giới, cao 27m được đúc bằng đồng nặng 150 tấn và dát bằng 6700 lát vàng. Và ngôi mộ của vị Ban Thiền Lạt Ma đời thứ 4 chất đầy vàng bạc, và đá quý. Tu viện còn giữ Xá lợi của các ngài Panchen Lama từ đời thứ 5 đến đời thứ 9, tranh Thangka lớn nhất thế giới cao 40m. Ngày nay có hơn 600 vị cao tăng đang tu học ở đây.

Hồ nước mặn Namtso cao 5.200 mét

Hồ Namtso là hồ nước mặn duy nhất trên thế giới nằm ở độ cao 5.200 mét, có diện tích mặt nước là 1961 km². Ở Tây tạng, nó được mệnh danh là hồ Thiên Đàng Namtso. Màu xanh thẫm tự nhiên được phủ trên mặt hồ lung linh đầy nắng ấm, yên tĩnh đến lạ thường. Xa xa là dãy núi tuyết phủ quanh năm Nyianchen Tangu có độ cao trên 6.000m. Xe sẽ lướt qua những cánh đồng cỏ mênh mông chạy tới tận chân trời, những đàn bò Yak đứng đĩnh, những đàn cừu trắng hiện lảnh... đang gặm cỏ trên thảo nguyên 5.000m... tham gia picnic ở lều của người du mục, thưởng thức tách trà bơ béo ngậy, trò chuyện với người Tạng vùng Namtso, cười bỏ Yak đi dạo...

Hồ chư thiên Manasarava cao 4.560 mét

Hồ Manasarava nằm cách núi Tu Di khoảng 20km là hồ nước ngọt cao nhất thế giới. Hầu hết những người hành hương đến khu vực này đều những mình xuống hồ Manasarava, một nơi cực kỳ linh thiêng. Kể bên Manasarava là hồ Rakshastal, hay còn gọi là Rakshas: Hồ ma quỷ. Cả 2 hồ đều bắt nguồn từ ngọn núi thiêng Kailash.

Hồ chư thiên Yamdrok

Đoạn đường dài 321km, từ Lhasa xe chạy theo dọc thung lũng Yarlung Tsangpo, ngang qua 1 làng của người dân tộc cách Lhasa 65Km, xe lần lượt lướt qua dãy núi Noni Kangsa nơi có độ cao 4.000 - 5000m, chinh phục đèo Kambala (4794m). Đứng trên đỉnh đèo ngắm hồ Yamdrok, một trong 3 hồ linh thiêng của Tây Tạng. Theo truyền thuyết, hồ Yamdrok là hóa thân của một nàng tiên xinh đẹp, người chồng của nàng đã theo sau và hóa thân vào ngọn núi Kambala hùng vĩ. Người Tây Tạng tin rằng hồ này là trú xứ của các thiên nữ.

Tháp Kumbum

Đền thánh phố Gyantse, đoàn tham quan đến Palkhor tháp Kumbum (tháp mà chứa nhân tượng Phật Ngọc lớn nhất thế giới ông Ian Green đã lấy kiểu dáng vẽ Úc xây để tôn trí Tượng Phật Ngọc và cúng dường cho Đức Đạt Lai Lạt Ma), nơi còn trưng bày nguyên vẹn hàng chục nghìn bức sơn họa được vẽ vào thế kỷ XIV, XV.

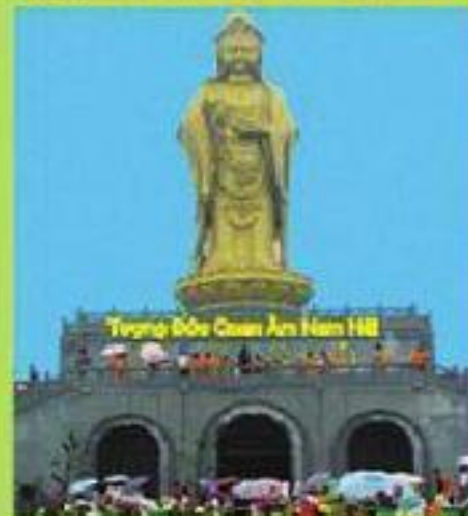
Hành Hương Về Đất Phật TỬ ĐỘNG TÂM VÀ PHẬT TÍCH ẤN ĐỘ - NEPAL

12 ngày, 11 đêm. Khởi hành vào ngày:
• 09-11-2009 (23-09 ÁL)
• 25-11-2009 (09-10 ÁL)



Hành Hương Về Đất Tổ TỬ ĐẠI PHẬT SƠN - TRUNG QUỐC

12 ngày, khởi hành 16-11-2009 (30-09 ÁL)



Hành hương chiêm bái XÁ LỢI PHẬT MIỀN ĐIỆN

khởi hành 18-11-2009 (02-10 ÁL)



www.vietchay.vn
www.vietpearl.vn

NGỌC VIỆT TRAVEL

339 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.7, Q.3, TP.HCM (CHÙA VINH NGHIÊM)
Tel: (08) 38 48 33 88 - 0913 80 83 38 Fax: (08) 35 26 58 62
Mobile: 0933 88 33 63 - 0933 87 69 39 * Email: ngọcviettravel@vnn.vn

Số 10/11
Ngọc Việt Travel
38 48 33 88



NGỌC HIỂN
QUÀ LƯU NIỆM - TRANG TRÍ
ĐỒ THỜ CÙNG - TƯỢNG PHẬT MẠ VÀNG

158 Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10, TP.HCM
ĐT: 38.355.590 - DD: 0983 675 570



MINH ANH STONE
Chúng tôi đem may mắn đến cho bạn

SẢN PHẨM PHỔ BIẾN

- Dây đeo thạch anh
- Đá phong thủy
- 12 con giáp
- Tỷ hưu
- Chalcedony
- Gỗ hóa thạch

ĐT: 08.35146458
DD: 0933 025 038 (gặp Cẩm Nang)
WEB: www.minhanhstone.com
ĐC: 47 Phú Mỹ, P. 22, Q. Bình Thạnh



CƠM CHAY Cát Tường
Giờ mở cửa : 9h -> 21h hàng ngày
Nghỉ mừng 2, 16 âm lịch hàng tháng

Chuyên :

- Phục vụ các món chay thuần túy Việt Nam
- Nhận đặt tiệc, cơm chay tháng
- Buffet mừng 1, rằm hàng tháng

Đặc biệt: Giảm 10% Quà Tặng Ní
Khung cảnh yên tĩnh, lịch sự, thoáng mát
Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

ĐC: 15 Bis Trần Khánh Dư
P. Tân Định, Q. 1, TP. HCM
Tel: 38467086
Mobile :0918 264 925 (Cô Mỹ Linh)



viet-art

HOA PHẪM : LOUVRE, LEFRANC, LIQUITEX, CONTÉ À PARIS
GIẤY HỘT HỌA: CANSON, MONTVAL, MI-TEINTES, FIGUERAS

Địa chỉ: 9/2A Hoàng Hoa Thám, Bình Thạnh, Ho Chi Minh City VIETNAM
Tel: 84-38-5511942 • Fax: 84-38-5108212 • E-mail: vietartsupply@gmail.com

CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO
Thủ Công Mỹ Nghệ Cao Cấp

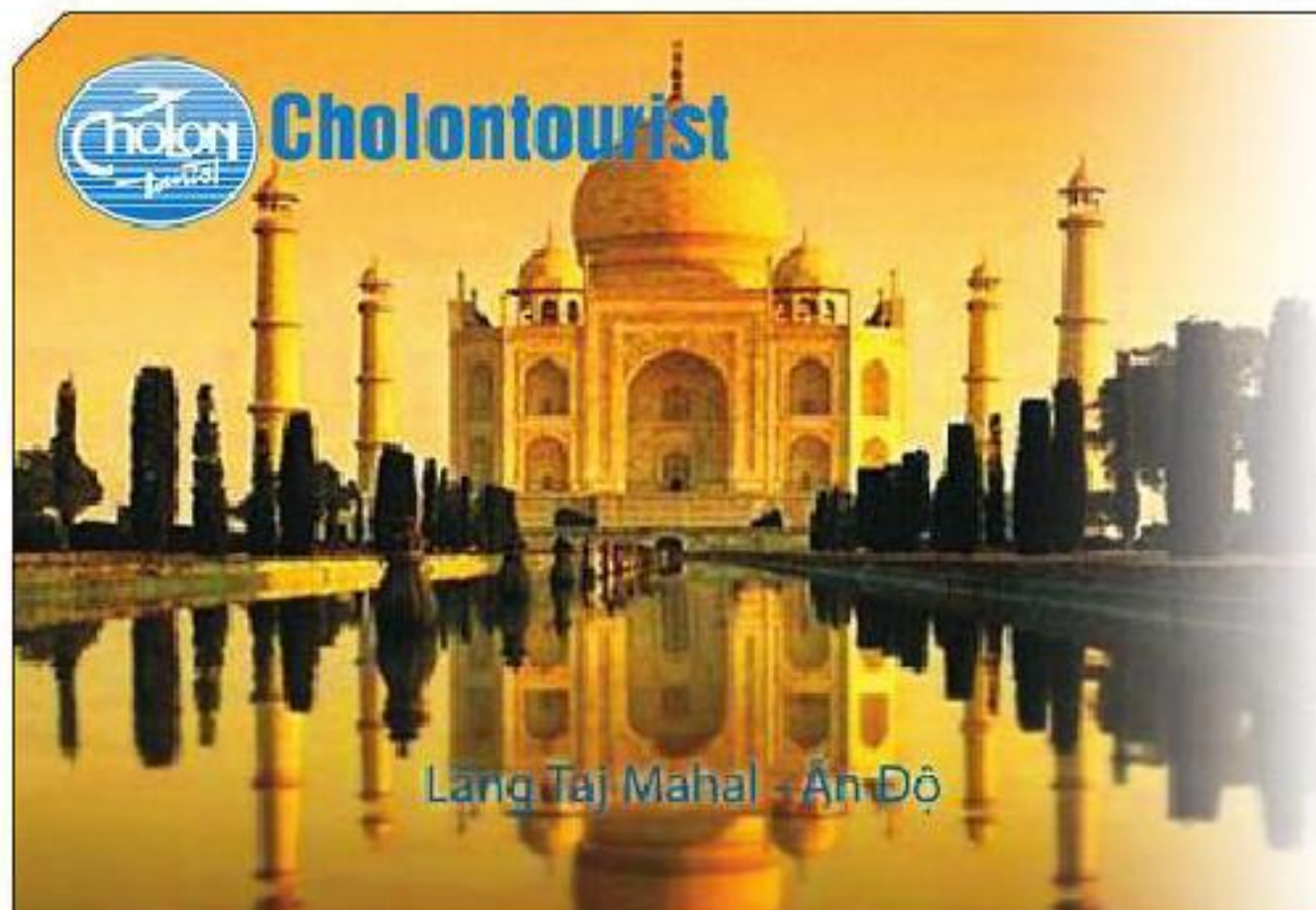
Hoàng Nghiệm



Chuyên cung cấp các sản phẩm nghệ thuật văn hóa Phật giáo si & lẻ:

- Tượng điêu khắc nghệ thuật cao cấp bằng gỗ, đá, đồng theo các truyền thống PG.
- Tượng mạ vàng, tranh vẽ (Thangka) theo truyền thống Tây Tạng, Trung Quốc.
- Nhận chế tạo tượng Phật lớn cho các công trình, chùa, viện.
- Chuông mõ, tháp xá lợi, lư hương, trầm hương, đèn hoa sen.
- Pháp phục tu sĩ & cư sĩ, hàng lưu niệm, chuỗi hạt san hô, hổ phách, v.v....
- Các loại trà & trà cụ.
- Kinh sách Phật học nghiên cứu.

82/112 Lý Chính Thắng, Phường 8, Quận 3, TP.HCM.
(cuối hẻm 380 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)
ĐT: (84.8) 22.128.757
E-mail: hoangnghiem09@yahoo.com.vn



Cholon tourist

Lăng Taj Mahal - Ấn Độ

Cholontourist cam kết hàng đầu về sự hài lòng. Chúng tôi tin rằng sự hài lòng và hoan hỷ sau mỗi chuyến đi sẽ đem lại cho bạn niềm an lạc trong cuộc sống. Cholontourist sẽ cùng bạn khơi nguồn tâm linh với những hành trình độc đáo nhất

Hãy liên hệ với chúng tôi cho hành trình tiếp theo của bạn, bạn bè và những người thân yêu nhất của bạn!

Du lịch Hành hương, Quốc tế hay Nội địa
Hãy gọi: **08 38354 678**

Email: sales@cholontourist.com.vn
Website: www.cholontourist.com.vn
Liên hệ: 97J Nguyễn Duy Dương, P. 9, Q. 5
(bên hông COOP Mart An Đông)

Cùng Cholontourist khám phá những hành trình hoàn toàn khác biệt...

HÃY ĂN CHAY TRƯỜNG, SỐNG XANH, CỨU HÀNH TINH

Cải thiện Đời Sống ♥ Biến đổi Tâm Hồn ♥ Thay cách Dinh Dưỡng ♥ Không còn sát sinh ♥ Sống lành mạnh, sống từ bi

LỐI SỐNG MỚI

Một vài thực phẩm chay tiêu biểu, bổ dưỡng, cứu sinh mạng:

Thực phẩm	Tỷ lệ chất đạm (theo trọng lượng)
Đậu hũ (từ đậu nành)	16 %
Mì cằn (từ bột)	70 %
Bắp (ngô)	13 %
Gạo	8.6 %
Các loại đậu: Đậu nành, đậu tây, đậu garbanzo, đậu lăng, v.v...	10 - 35 %
Các loại hạt: Hạnh nhân, hạt hồ đào, hạt điều, hạt phỉ, hạt thông, v.v...	14 - 30 %
Hạt bí đỏ, hạt mè, hạt hướng dương, v.v...	18 - 24 %

- Thuốc bổ đa sinh tố (loại cô đặc) cũng là một nguồn vitamin, chất khoáng và chống oxy hóa rất tốt.
- Rau cải, trái cây có rất nhiều chất dinh dưỡng như sinh tố, chất khoáng, chất chống oxy hóa, chất sợi có chất lượng cao, tăng cường sức khỏe và tuổi thọ.
- Số lượng chất đạm nên có mỗi ngày: 50 gram (trung bình cho người lớn).
- Chất với từ rau cải dễ hấp thụ hơn chất với từ sữa bò.

- Để giảm thiểu nguy cơ của dịch cúm gia cầm lan tràn khắp thế giới
 - Trước hiểm họa của bệnh bò điên và dịch lợn, v.v...
 - Để chấm dứt sự sát hại tàn khốc đang liên tục diễn ra hàng ngày cho hàng tỷ bạn gia súc hiền lành, những loài sinh vật dưới đại dương và gia cầm, chim muông
- Chuyến sang ăn chay trường là điều sáng suốt.**

Ăn chay vì sức khỏe
Ăn chay vì kinh tế
Ăn chay vì môi sinh
Ăn chay cao thượng

Cứu mạng chúng em!
Chúng em thương bạn!

Xin cầu nguyện cho bạn

Cảm ơn lòng từ bi của bạn

Chúc bạn sống lâu!

Supreme Master Television

Truyền hình không định cho một thế giới hòa bình

Trình chiếu khắp nơi trên thế giới 24/24 qua 14 vệ tinh và trực tuyến truyền hình: www.SupremeMasterTV.com

Galaxy 25, Hispasat, Intelsat 907, ABS, Astra 1, AsiaSat 2, AsiaSat 3S, B Sky B Intelsat 10 C-Band, Intelsat 10 KU-Band, Optus D2, Eurobird, Eurobird 2, Hotbird

Danh Nhân Trường Chay Trên Thế Giới

Các Bậc Hiền Triết & Lãnh Đạo Tinh Thần Paramahansa Yogananda (Đạo Sư Ấn Độ), Socrates (triết gia Hy Lạp), Chúa Giê-su, Khổng Tử, Phật Thích Ca, Lão Tử, Thánh Francis Assisi, Thiên Sư Nhất Hạnh, Yogi Maharishi Mahesh (Đạo Sư Ấn Độ), Pythagoras (nhà toán học & triết gia Hy Lạp), Tiên Tri Zoroaster (sáng lập Hỏa giáo Ba Tư), Muhammad Rahaime Bawa Muhiyadeen (Thánh nhân Hồi giáo Sufi), v.v. ...

Văn Nghệ Sĩ Leonardo Da Vinci (họa sĩ Ý), Leo Tolstoy (văn hóa Nga), Ralph Waldo Emerson (thi sĩ Hoa Kỳ), George Bernard Shaw (văn sĩ Ai Nhĩ Lan), John Robbins (tác giả Hoa Kỳ), Mark Twain (văn sĩ Hoa Kỳ), Albert Schweitzer (bác sĩ & nhạc sĩ Đức), Voltaire (văn sĩ Pháp), Sadegh Hedayat (nhà văn Ba Tư), v.v. ...

Khoa Học Gia & Nhà Phát Minh Charles Darwin (nhà thiên nhiên học Anh), Thomas Edison (nhà phát minh Hoa Kỳ), Isaac Newton (khoa học gia Anh), Nikola Tesla (nhà phát minh Serbia & Hoa Kỳ), Henry Ford (nhà sáng lập công ty Ford Motors, Hoa Kỳ), v.v. ...

Chính Trị Gia & Nhà Tranh Đấu Susan B. Anthony (nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ quyền bầu cử của nữ giới), Mahatma Gandhi (nhà tranh đấu dân quyền Ấn), Coretta Scott King (nhà lãnh đạo dân quyền Hoa Kỳ & phu nhân Tiên si Martin Luther King, Jr.), Tiên si Janez Drnovšek (Tổng thống Slovenia), Tiên si Manmohan Singh (Thủ tướng Ấn Độ), Dennis J. Kucinich (Thượng nghị sĩ Hoa Kỳ), v.v. ...

Diễn Viên & Người Mẫu Tài tử Pháp: Brigitte Bardot | **Tài tử Úc:** Naomi Watts | **Tài tử & diễn viên Hoa Kỳ:** Pamela Anderson, Danny Devito, David Duchovny, Richard Gere, Daryl Hannah, Dustin Hoffman, Ashley Judd, Steve Martin, Tobey Maguire, Paul Newman, Joaquin Phoenix, Steven Seagal, Jerry Seinfeld | **Siêu người mẫu Hoa Kỳ:** Christie Brinkley, Christy Turlington, v.v. ...

Ca Nhạc Sĩ George Harrison - Paul McCartney - Ringo Starr (ban nhạc Beatles), Bob Dylan (Hoa Kỳ), Michael Jackson (Hoa Kỳ), Morrissey (Anh), Olivia Newton John (Anh-Úc Đại Lợi), Sinead O'Connor (Ái Nhĩ Lan), Pink (Hoa Kỳ), Prince (Hoa Kỳ), Tina Turner (Gia Na Đa), Vanessa Williams (Hoa Kỳ), v.v. ...

Lực Sĩ Billie Jean King (vô địch quần vợt Hoa Kỳ), Bill Walton (ngôi sao bóng rổ Hoa Kỳ), Carl Lewis (lực sĩ Hoa Kỳ, 9 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Edwin C. Moses (lực sĩ Hoa Kỳ, 2 lần thắng huy chương vàng điển kinh Thế Vận Hội), Alexander Dargatz (lực sĩ, vô địch thể hình, bác sĩ Đức), v.v. ...

Và còn nhiều vị nữa... Xin viếng: <http://AL.Godsdirectcontact.org.tw/vg-vip> **CÁCH NHANH NHẤT ĐỂ GIẢM 80% HÀM NỒNG TOÀN CẦU LÀ DỪNG SẢN PHẨM KHÔNG ĐỘNG VẬT**



ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN KHẨN CẤP, XIN VIẾNG: www.SupremeMasterTV.com

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 93

Phát hành ngày 15 - 11 - 2009

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách Hồng Vân
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng sách Chân Tịnh
79 khu B tập thể Trường Đại học
Kiến trúc, Km 10, đường Nguyễn Trãi,
quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng sách Chân Tịnh
A38 TT8 Khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Trần Văn Tý
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị Thủy, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa Pháp Lâm
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị Linh)

BÌNH ĐỊNH

Chùa Long Khánh
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy
Nhơn - Bình Định
LH: Anh Trần Ngọc Đạt
ĐT: 0979 178 869

KHÁNH HÒA

Sư cô Chơn Ánh,
Cơm chay Thiền Duyệt
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 3819 198 - 0935 536 061

ĐAKLAK

Thầy Thích Nguyên Huân,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội
Châu, TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy Thích Minh Tuệ
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách Duy Tân

31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô Vân, Chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất Long Thiên

Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành - Bà
Rịa Vũng tàu
LH: Sư cô Liên Đức
ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức Thích Trung Hữu
22 Ngô Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy Thích Minh Thông,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư Tịnh Nghiêm, Chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý Mây Hồng, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách Khánh Tường
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 0703.834.654 - 0936.237.832
(Chú Tư Nở)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3
ĐT: 38.484.335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 12.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG